

BÀI 1. SỐNG CÓ LÝ TƯỞNG

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức

- Nêu được khái niệm sống có lý tưởng.
- Giải thích được ý nghĩa của việc sống có lý tưởng.
- Nhận biết được lý tưởng sống của thanh niên Việt Nam.

2. Năng lực

- Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản giúp mỗi cá nhân biết sống có lý tưởng.
- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các lý tưởng cao đẹp của bản thân.
- Năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân: Xác định được lý tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lý tưởng.

3. Phẩm chất

Yêu nước: Tích cực học tập, lao động, rèn luyện sức khỏe, tham gia các hoạt động tập thể, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, dân tộc.

4. Nội dung tích hợp

a) Tích hợp quyền con người

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Xác định được lý tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lý tưởng.

b. Tích hợp quốc phòng an ninh

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Xác định được lý tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lý tưởng.

c. Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ: Nêu được khái niệm sống có lý tưởng. Nhận biết được lý tưởng sống của thanh niên Việt Nam

d. Tích hợp khung năng lực số và AI

- Các năng lực số có thể tích hợp:

+ NL: 2.2. Chia sẻ thông tin và nội dung thông qua công nghệ số: Biết tìm kiếm các thông tin liên quan đến các tấm gương sống có lý tưởng thông qua môi trường số để từ đó rút ra ý nghĩa cho bản thân lý tưởng sống

- **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** NLc: Các kỹ thuật và ứng dụng AI: biết dùng một số công cụ AI đơn giản phục vụ học tập, dự án nhỏ; biết kết hợp nhiều công cụ AI để tạo sản phẩm số có ý nghĩa (video, thuyết trình, mô phỏng) để giới thiệu với các bạn trong lớp hoặc người thân về một tấm gương sống có lý tưởng để chia sẻ với các bạn trong lớp

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Công dân 9;
- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động: Mở đầu

a) **Mục tiêu.** Tạo hứng thú học tập cho HS và giúp HS có hiểu biết ban đầu về việc sống có lý tưởng.

b) **Nội dung.** GV cho HS xem clip bài hát “Tự nguyện” của nhạc sĩ Trương Quốc Khánh và trả lời câu hỏi: *Em hãy chỉ ra những ca từ thể hiện ước muốn của nhân vật trong lời bài hát và cho biết ý*

nghĩa của những ước muốn đó.

c) Sản phẩm. Học sinh bước đầu biết và chỉ ra được những biểu hiện về lý tưởng sống cao đẹp của mỗi người:

- Những ca từ thể hiện ước muốn của nhân vật trong lời bài hát: “bỏ câu trắng”; “đóa hương dương”; “vàng mây ẩm”; “chết cho quê hương”.

- Ý nghĩa của những ước muốn đó: nhấn nhủ mọi người hãy sống, cống hiến hết mình cho quê hương, đất nước.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV cho HS xem clip bài hát “Tự nguyện” của nhạc sĩ Trương Quốc Khánh và trả lời câu hỏi: Em hãy chỉ ra những ca từ thể hiện ước muốn của nhân vật trong lời bài hát và cho biết ý nghĩa của những ước muốn đó.

Thực hiện nhiệm vụ

HS xem clip và trả lời câu hỏi.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình
- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Lí tưởng là mục đích cao đẹp nhất mà con người mong muốn đạt tới. Khi sống có lí tưởng, con người sẽ có kế hoạch cho tương lai, có động lực để vượt qua khó khăn, thử thách, phấn đấu để đạt được những thành công trong cuộc sống và giúp ích cho cộng đồng

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Khái niệm, ý nghĩa của việc sống có lí tưởng

a) Mục tiêu. HS nêu được thế nào là sống có lí tưởng, ý nghĩa của việc sống có lí tưởng.

b) Nội dung. GV hướng dẫn HS đọc thông tin 1 và thông tin 2 trong SGK, thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi:

Thông tin 1:

- 1/ Em hãy nêu mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thông tin.
- 2/ Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực hiện mong muốn đó như thế nào?
- 3/ Ý nghĩa của mong muốn đó với dân tộc Việt Nam là gì?

Thông tin 2:

- 1/ Em hãy chỉ ra mục đích sống của bác sĩ Đặng Thùy Trâm và đồng đội.
- 2/ Chi tiết nào trong những dòng nhật kí thể hiện suy nghĩ và hành động để đạt được mục đích đó?

Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ: Nêu được khái niệm sống có lí tưởng. Nhận biết được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam

- **Cách thức thực hiện:** Câu chuyện về tấm gương của một số anh hùng quân đội nhân dân Việt Nam, một số liệt sĩ- những người sẵn sàng vì lí tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội mà không tiếc bản thân mình => liên hệ tới phẩm chất đạo đức cách mạng Trung với nước, hiếu với dân

Câu chuyện về một số tấm gương thanh niên, học sinh tiêu biểu hiện nay - Cho HS nhận xét lí tưởng sống của thanh niên ngày nay và thanh niên thế hệ cha ông có gì khác nhau? Qua đó nhấn mạnh tới lí tưởng của thanh niên và trách nhiệm của HS.

Tích hợp khung năng lực số và AI

- **Các năng lực số có thể tích hợp:**

+ **NL: 2.2. Chia sẻ thông tin và nội dung thông qua công nghệ số:** Biết tìm kiếm các thông tin liên quan đến các tấm gương sống có lí tưởng thông qua môi trường số để từ đó rút ra ý nghĩa cho bản thân lý tưởng sống

- **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** NLc: Các kĩ thuật và ứng dụng AI: biết dùng một số công cụ AI đơn giản phục vụ học tập, dự án nhỏ; biết kết hợp nhiều công cụ AI để tạo sản phẩm số có ý nghĩa (video, thuyết trình, mô phỏng) để giới thiệu với các bạn trong lớp hoặc người thân về một tấm gương sống có lý tưởng để chia sẻ với các bạn trong lớp

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên yêu cầu học sinh sử dụng các công cụ số (vi deo, mạng xã hội..) để khai thác và xây dựng thành các vi deo để nói về một cá nhân sống có lý tưởng sau đó chia sẻ với các bạn trong lớp. Yêu cầu là tấm gương người thật, việc thật. Việc dùng công cụ số và AI chỉ hỗ trợ hoạt động tuyên truyền, giới thiệu và chia sẻ làm nổi bật được ý nghĩa của việc sống có lý tưởng

c) Sản phẩm.

Thông tin 1:

1/ Mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh là “nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”.

2/ Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trải qua hành trình gian nan để thực hiện mong muốn đó: Năm 21 tuổi ra đi tìm đường cứu nước; làm nhiều nghề, trải qua hành trình 30 năm, qua gần 30 quốc gia, hàng trăm thành phố, gặp gỡ, tiếp xúc với nhiều dân tộc, nhiều nền văn hoá, tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam. (HS chia sẻ thêm những hiểu biết về cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh để trả lời câu hỏi này).

3/ Ý nghĩa: Từ mong muốn đó, Người đã tìm ra con đường cứu nước, tạo ra bước ngoặt vĩ đại cho cách mạng Việt Nam, đưa dân tộc ta tới độc lập, tự do và phát triển lên con đường xã hội chủ nghĩa.

Thông tin 2:

1/ Mục đích sống của bác sĩ Đặng Thuỳ Trâm và đồng đội: Chiến đấu để giành độc lập, tự do cho Tổ quốc, nhân dân.

2/ Chi tiết trong nhật kí thể hiện suy nghĩ và hành động để đạt được mục đích đó: “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”, “bằng nghị lực, bằng niềm tin ở chính nghĩa, bằng lí tưởng cuộc đời mình mà đi tiếp những bước đường gai góc gian lao”, dũng cảm đối diện với thử thách khốc liệt của chiến tranh, “sống, chiến đấu và nghĩ rằng mình sẽ ngã xuống vì ngày mai của dân tộc”...

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin 1 và thông tin 2 trong SGK, thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi:</p> <p>Thông tin 1: 1/ Em hãy nêu mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thông tin. 2/ Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực hiện mong muốn đó như thế nào? 3/ Ý nghĩa của mong muốn đó với dân tộc Việt Nam là gì?</p> <p>Thông tin 2: 1/ Em hãy chỉ ra mục đích sống của bác sĩ Đặng Thuỳ Trâm và đồng đội. 2/ Chi tiết nào trong những dòng nhật kí thể hiện suy nghĩ và hành động để đạt được mục đích đó?</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.</p> <p>Báo cáo, thảo luận HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm đôi, lần lượt viết câu trả lời ra nháp/phiếu học tập.</p> <p>Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu</p>	<p>1. Khái niệm, ý nghĩa của việc sống có lí tưởng - Sống có lí tưởng là xác định được mục đích cao đẹp và có kế hoạch, quyết tâm phấn đấu để đạt được mục đích nhằm đóng góp cho lợi ích của cộng đồng, quốc gia, nhân loại. - Sống có lí tưởng giúp mỗi người có động lực phấn đấu hoàn thành mục tiêu của bản thân, góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh. Người sống có lí tưởng được xã hội công nhận, tôn trọng và tin tưởng.</p>

<p>trình bày và tiến hành nhận xét</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS xem clip nghệ sĩ ngâm thơ “Người đi tìm hình của nước” (Chế Lan Viên) và chia sẻ thêm về cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh. <p>GV/HS chia sẻ thêm thông tin về cuốn Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm và cuộc đời bác sĩ, liệt sĩ Đặng Thuỳ Trâm.</p>	
--	--

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam ngày nay

a) Mục tiêu. Học sinh nêu được: lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam.

b) Nội dung. GV hướng dẫn HS đọc hai thông tin mục 2 trong SGK và trả lời câu hỏi:

a) Dựa vào các thông tin trên, em hãy xác định nhiệm vụ của thanh niên Việt Nam và những việc thanh niên cần phải làm để thực hiện nhiệm vụ đó.

b) Theo em, học sinh cần làm gì để thực hiện nhiệm vụ của thanh niên Việt Nam ngày nay

c) Sản phẩm.

1/ Nhiệm vụ của thanh niên Việt Nam: Phấn đấu vì lí tưởng của Đảng và Bác Hồ (xây dựng thành công nước Việt Nam “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh). Những việc cần làm: Tích cực học tập, lao động, rèn luyện, tham gia các hoạt động xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2/ HS phải có mục đích sống đúng đắn, có kế hoạch học tập, rèn luyện bản thân, có ý chí vượt qua những gian nan, thử thách để đạt được mục đích đó.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV hướng dẫn HS đọc hai thông tin mục 2 trong SGK và trả lời câu hỏi:</p> <p>a) Dựa vào các thông tin trên, em hãy xác định nhiệm vụ của thanh niên Việt Nam và những việc thanh niên cần phải làm để thực hiện nhiệm vụ đó.</p> <p>b) Theo em, học sinh cần làm gì để thực hiện nhiệm vụ của thanh niên Việt Nam ngày nay</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. <p>Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra qua việc trả lời câu hỏi 1 và 2 - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. <p>Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức giúp học sinh hiểu rõ được những việc cần làm để xây dựng lí tưởng sống cao đẹp của thanh niên hiện nay. 	<p>2. Lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam ngày nay</p> <p>a. <i>Lý tưởng sống của thanh niên Việt Nam hiện nay</i></p> <p>- Lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam hiện nay là phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tích cực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nỗ lực rèn luyện sức khỏe, học tập để trở thành người có năng lực, bản lĩnh và người công dân tốt; tích cực tham gia vào sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa</p>

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Học sinh với việc xác định và rèn luyện lí tưởng sống cao đẹp

a) Mục tiêu. Học sinh nêu được những việc cần làm để rèn luyện lí tưởng sống cao đẹp cho bản thân.

b) Nội dung. GV cho học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nhau trao đổi về nội dung sau

- Học sinh cần làm gì để rèn luyện lí tưởng sống cao đẹp cho bản thân.

Tích hợp quyền con người

Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Xác định được lí tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng.

Cách thực hiện: Giáo viên yêu cầu học sinh lấy các ví dụ về các quyền chính trị, dân sự mà các em tham gia trên cơ sở đó giúp học sinh nắm được quyền con người là phổ cập chung cho toàn nhân loại, nó không phụ thuộc vào biên giới quốc gia, chủ quyền dân tộc; khẳng định thành quả đấu tranh của nhân loại chống áp bức bóc lột và bất công xã hội, chống lại tư tưởng kì thị dân tộc, giới tính, thành phần, nguồn gốc và địa vị xã hội; Những hành vi bảo vệ quyền con người đó chính là thể hiện lí tưởng sống cao đẹp và ý nghĩa của lí tưởng sống đó đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

Tích hợp quốc phòng an ninh

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Xác định được lí tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng.

- **Cách thức thực hiện:** Ví dụ minh họa một trong những lí tưởng của thanh niên là xây dựng và bảo vệ tổ quốc- Giới thiệu một số bài hát hát ca ngợi truyền thống vẻ vang của Quân đội và Công an Nhân dân Việt Nam.

- Trách nhiệm của HS tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

c) Sản phẩm.

Học sinh cần xác định được lí tưởng sống của bản thân và từng bước hiện thực hoá lí tưởng đó qua việc tích cực học tập, lao động, rèn luyện sức khỏe, tham gia các hoạt động tập thể, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, dân tộc và nhân loại

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ GV cho học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nhau trao đổi về nội dung sau - Học sinh cần làm gì để rèn luyện lý tưởng sống cao đẹp cho bản thân. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo thảo luận - Giáo viên gọi các nhóm lần lượt đưa ra quan điểm của nhóm mình Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức giúp học sinh hiểu rõ được những việc cần làm để xây dựng lý tưởng sống cao đẹp của thanh niên hiện nay.	2. Lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam ngày nay <i>b. Học sinh với việc rèn luyện lý tưởng sống cao đẹp</i> - Học sinh cần xác định được lí tưởng sống của bản thân và từng bước hiện thực hoá lí tưởng đó qua việc tích cực học tập, lao động, rèn luyện sức khỏe, tham gia các hoạt động tập thể, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, dân tộc và nhân loại

3. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em đồng tình hay không đồng tình với quan điểm nào dưới đây? Vì sao?

a) Mục tiêu. Rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân trước những vấn đề liên quan đến nội dung bài học “Sống có lí tưởng”.

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm.

- **Quan điểm a)** Không đồng tình, vì: Không phải người sống có mục đích nào cũng đều là những người sống có lí tưởng vì chỉ có mục đích sống cao đẹp mới được gọi là lí tưởng.

- **Quan điểm b)** Đồng tình, vì: Mục đích sống cao đẹp mới được gọi là lí tưởng, suy nghĩ và hành động để thực hiện mục tiêu chung của dân tộc chính là sống có lí tưởng.

- **Quan điểm c)** Không đồng tình, vì: Không phải ai tích cực làm giàu đều là người sống có lí tưởng vì có những người làm giàu bất chính. Làm giàu chân chính, đóng góp cho gia đình, cộng đồng và đất nước, góp phần thực hiện mục tiêu “dân giàu nước mạnh” mới là sống có lí tưởng.

- **Quan điểm d)** Đồng tình, vì: Lí tưởng sống được hình thành từ yêu cầu của đời sống xã hội hiện thực. Ở mỗi thời đại khác nhau, yêu cầu của đời sống xã hội hiện thực khác nhau nên con người có lí tưởng sống khác nhau.

- **Quan điểm e)** Không đồng tình, vì: Người có nhiều ước mơ, hoài bão nhưng ước mơ, hoài bão đó không cao đẹp và không kiên gan bền chí, nỗ lực phấn đấu để đạt ước mơ, hoài bão ấy thì không được gọi là người sống có lí tưởng.

- **Quan điểm g)** Đồng tình, vì: Đối với học sinh, tích cực học tập để mai sau lập nghiệp, góp phần xây dựng quê hương, đất nước chính là sống có lí tưởng, bởi vì khi mục đích cá nhân hòa chung với mục đích của quốc gia, dân tộc thì đó chính là lí tưởng.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được những việc cần làm, những hành vi cần tránh trong việc thực hiện lý tưởng sống của thanh niên

Câu 2. Từ quan điểm dưới đây, em hãy viết bài thuyết trình về ý nghĩa của việc sống có lí tưởng:

Lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường. Không có lí tưởng thì không có phương hướng kiên định, mà không có phương hướng thì không có cuộc sống.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến việc hình thành lý tưởng sống cao đẹp cho bản thân

b) Nội dung. GV mời một số HS thực hiện yêu cầu của bài tập số 2 (đã viết ở nhà):

Thuyết trình về ý nghĩa của việc sống có lí tưởng từ quan điểm “Lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường. Không có lí tưởng thì không có phương hướng kiên định, mà không có phương hướng thì không có cuộc sống” (Lev Nikolayevich Tolsoy).

c) Sản phẩm.

+ Nội dung thể hiện được các ý:

“Lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường”: Lí tưởng định hướng cho con người trong nhận thức và hành động.

“Không có lí tưởng thì không có phương hướng kiên định”: Hạn chế của việc sống không có lí tưởng: giống như người đi trong đêm tối không có đèn, người sống không có lí tưởng sẽ thiếu phương hướng đúng đắn để thành công trong cuộc sống.

+ Hình thức: khả năng sử dụng ngôn ngữ và biểu cảm của người thuyết trình.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

HS làm việc cá nhân, đọc tình huống, suy nghĩ và đưa ra quan điểm của bản thân cho từng tình huống

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để hiểu rõ được lý tưởng sống cao đẹp của thanh niên

Câu 3. Em hãy nhận xét về việc làm của thanh niên trong các bức ảnh dưới đây và nêu ý nghĩa của những việc làm đó.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến việc hình thành lý tưởng sống cao đẹp cho bản thân

b) Nội dung. GV hướng dẫn HS quan sát 4 bức ảnh (Bài tập số 3 trong SGK) và nhận xét về việc làm của thanh niên trong các bức ảnh đó, nêu ý nghĩa của những việc làm đó.

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

+ Tranh 1: Thanh niên khởi nghiệp, làm giàu cho bản thân, gia đình và quê hương, đất nước.

+ Tranh 2: Người lính ở quần đảo Trường Sa, bảo vệ biển đảo của Tổ quốc.

+ Tranh 3: Thanh niên tham gia hoạt động tình nguyện, dọn rác, trồng cây, bảo vệ môi trường.

+ Tranh 4: Thanh niên chế tạo rô bốt. Những sáng chế này áp dụng vào lĩnh vực sản xuất sẽ góp phần giảm nhẹ sức lao động, nâng cao năng suất lao động của con người.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS quan sát 4 bức ảnh (Bài tập số 3 trong SGK) và nhận xét về việc làm của thanh niên trong các bức ảnh đó, nêu ý nghĩa của những việc làm đó.

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân: quan sát, mô tả việc làm của các thanh niên trong 4 bức ảnh.

Thảo luận nhóm đôi để nêu ý nghĩa của các việc làm, viết kết quả thảo luận vào nháp/ phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được

+ Tranh 1: Thanh niên khởi nghiệp, làm giàu cho bản thân, gia đình và quê hương, đất nước.

+ Tranh 2: Người lính ở quần đảo Trường Sa, bảo vệ biển đảo của Tổ quốc.

+ Tranh 3: Thanh niên tham gia hoạt động tình nguyện, dọn rác, trồng cây, bảo vệ môi trường.

+ Tranh 4: Thanh niên chế tạo rô bốt. Những sáng chế này áp dụng vào lĩnh vực sản xuất sẽ góp phần giảm nhẹ sức lao động, nâng cao năng suất lao động của con người.

Câu 4. Em hãy kể về một tấm gương thanh niên Việt Nam tiêu biểu trong hoạt động học tập/ nghiên cứu khoa học/ khởi nghiệp/ thiện nguyện... và rút ra bài học cho bản thân

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được trách nhiệm của mỗi thanh niên Việt Nam đối với đất nước.

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ: Em hãy kể về một tấm gương thanh niên Việt Nam tiêu biểu trong hoạt động học tập/ nghiên cứu khoa học/ khởi nghiệp/ thiện nguyện... và rút ra bài học cho bản thân

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được một số tấm gương tiêu biểu trong việc trong hoạt động học tập/ nghiên cứu khoa học/ khởi nghiệp/ thiện nguyện... và rút ra bài học cho bản thân

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc theo nhóm, suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ: Em hãy kể về một tấm gương thanh niên Việt Nam tiêu biểu trong hoạt động học tập/ nghiên cứu khoa học/ khởi nghiệp/ thiện nguyện... và rút ra bài học cho bản thân

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm đã phân công

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đưa ra kết quả của nhóm mình

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được những điều cần học tập ở tấm gương đó.

Câu 5. Dựa vào nhiệm vụ của thanh niên Việt Nam, em hãy xác định nhiệm vụ mà bản thân phải thực hiện trong học tập và cuộc sống, từ đó xây dựng kế hoạch để thực hiện những nhiệm vụ đó.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được trách nhiệm của mỗi thanh niên Việt Nam đối với đất nước.

b) Nội dung. GV hướng dẫn HS làm bài tập 5 trong SGK: *Dựa vào nhiệm vụ của thanh niên Việt Nam, em hãy xác định nhiệm vụ mà bản thân phải thực hiện trong học tập và cuộc sống, từ đó xây dựng kế hoạch để thực hiện những nhiệm vụ đó.*

c) Sản phẩm.

- Xác định lí tưởng sống: tích cực học tập, lao động, rèn luyện, tham gia các hoạt động xã hội để góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Gợi ý kế hoạch hành động:

+ Biết phấn đấu, vươn lên trong cuộc sống của mình, nỗ lực hết sức để mong muốn đạt được những thành tựu cho riêng mình.

+ Khi vấp ngã không chán nản, buông xuôi mà tìm cách đứng dậy sau vấp ngã để đi tiếp con đường mình đã chọn.

+ Biết yêu thương những người xung quanh, luôn muốn lan tỏa những thông điệp tích cực ra xã hội, làm cho xã hội này tốt đẹp hơn.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS làm bài tập 5 trong SGK: *Dựa vào nhiệm vụ của thanh niên Việt Nam, em hãy xác định nhiệm vụ mà bản thân phải thực hiện trong học tập và cuộc sống, từ đó xây dựng kế hoạch để thực hiện những nhiệm vụ đó.*

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, viết yêu cầu vào phiếu học tập, thể hiện hai ý cơ bản:

+ Nhiệm vụ mà bản thân phải thực hiện trong học tập và cuộc sống.

+ Kế hoạch để thực hiện những nhiệm vụ đó.

Báo cáo, thảo luận

- GV mời một số HS trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ, các HS khác nhận xét, đánh giá.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh xác định nhiệm vụ mà bản thân phải thực hiện trong học tập và cuộc sống, từ đó xây dựng kế hoạch để thực hiện những nhiệm vụ đó

4. Hoạt động: Vận dụng

Câu 1: Hãy thiết kế một thông điệp về lí tưởng sống và trang trí ở góc học tập làm mục tiêu phấn đấu của em

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. Giáo viên yêu cầu học sinh thiết kế tại nhà với nội dung: Hãy thiết kế một thông điệp về lí tưởng sống và trang trí ở góc học tập làm mục tiêu phấn đấu của em

c) Sản phẩm.

Yêu cầu thông điệp:

+ *Nội dung ngắn gọn, thể hiện tầm quan trọng của việc sống có lí tưởng hoặc mục đích sống cao đẹp của bản thân.*

+ *Hình thức đẹp.*

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc theo nhóm tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành bài viết theo yêu cầu. Bài viết cần thể hiện những ý kiến, quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

Báo cáo, thảo luận

GV mời một số HS trình bày thông điệp đã thiết kế theo yêu cầu của bài Vận dụng số 1. Qua kĩ thuật phòng tranh ảo, GV và HS cả lớp xem “triển lãm” các thông điệp, nhận xét, đánh giá.

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn truyền thống dân tộc.

Câu 2: Em hãy thực hiện kế hoạch rèn luyện theo lí tưởng và chia sẻ với các bạn về những kết quả mà em đã đạt được, những điều chưa đạt được theo kế hoạch và phương hướng phấn đấu của em.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. GV hướng dẫn HS làm bài tập Vận dụng số 2: Từ kế hoạch đã được xác định trong bài Luyện tập số 5, HS ghi chép lại những kết quả mà mình đã đạt được, những điều chưa đạt được theo kế hoạch và phương hướng phấn đấu của bản thân.

c) Sản phẩm.

- Có kế hoạch rèn luyện bản thân để xây dựng lý tưởng sống cao đẹp

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS làm bài tập Vận dụng số 2: Từ kế hoạch đã được xác định trong bài Luyện tập số 5, HS ghi chép lại những kết quả mà mình đã đạt được, những điều chưa đạt được theo kế hoạch và phương hướng phấn đấu của bản thân.

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.

Báo cáo, thảo luận

GV lựa chọn một số HS tiêu biểu trong lĩnh vực học tập/hoạt động tình nguyện chia sẻ trong diễn đàn “Lí tưởng sống của thanh niên, HS Việt Nam ngày nay” do nhà trường tổ chức.

Kết luận, nhận định

GV chấm 5 – 10 sản phẩm thực hiện các bài luyện tập, vận dụng, lấy điểm kiểm tra thường xuyên cho HS.

Rút kinh nghiệm:

BAN GIÁM HIỆU

TỔ TRƯỞNG

GV SOẠN

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY
BÀI 2. KHOAN DUNG
(3 tiết)**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức

- Nêu được khái niệm khoan dung và biểu hiện của khoan dung.
- Nhận biết được giá trị của khoan dung.

2. Năng lực

- Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về khoan dung.
- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến khoan dung.
- Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. Phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: Có lòng khoan dung, độ lượng, vị tha trong cuộc sống.
- Có phẩm chất trách nhiệm thể hiện ở sự khoan dung, tha thứ với những sai lầm của người khác để cùng nhau sống tốt đẹp hơn.

4. Nội dung tích hợp

a) Tích hợp quyền con người

- **Mức độ tích hợp:** Thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.

b. Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ: Nêu được khái niệm khoan dung và biểu hiện của khoan dung.

c. Tích hợp tư tưởng Hồ Chí Minh

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Học sinh tích cực rèn luyện phẩm chất khoan dung

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên kể một số câu chuyện nói về lòng khoan dung của chủ tịch Hồ Chí Minh, từ nội dung câu chuyện này, giáo viên rút ra được một số bài học về cách rèn luyện lòng khoan dung.

d. Tích hợp khung năng lực số và AI

- **Các năng lực số có thể tích hợp:** NL: 2.3. Sử dụng công nghệ số để thực hiện trách nhiệm công dân: Tham gia đóng góp cho xã hội thông qua việc sử dụng các dịch vụ số, để chia sẻ các thông tin hữu ích và có trách nhiệm, sống khoan dung, nhân ái, tích cực tìm hiểu và tham gia các hoạt động cộng đồng

- **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** NLb: Đạo đức AI; Đánh giá các nguyên tắc đạo đức AI trong các tình huống thực tế; biết vận dụng các nguyên tắc đạo đức trong dự án học tập; để tìm hiểu và chia các tấm gương, các cá nhân thể hiện sự khoan dung

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Công dân 9;
- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động: Mở đầu

a) Mục tiêu. HS có hứng thú học tập, kết nối vào bài mới qua những tìm hiểu và chia sẻ trải nghiệm bước đầu về khoan dung.

b) Nội dung. GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc lời chia sẻ của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn ở trang 10 trong SGK và trả lời câu hỏi: *Em hiểu như thế nào về lời chia sẻ đó?*

c) Sản phẩm. Học sinh bước đầu biết và chỉ ra được những biểu hiện về lòng khoan dung trong cuộc sống.

- Những chia sẻ của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã nói lên giá trị của lòng khoan dung trong cuộc sống. Nhạc sĩ muốn nhắn nhủ tới mọi người rằng: khi chúng ta có lòng khoan dung, thì cuộc sống và mối quan hệ giữa người với người sẽ trở nên tốt đẹp, ấm áp hơn.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc lời chia sẻ của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn ở trang 10 trong SGK và trả lời câu hỏi: *Em hiểu như thế nào về lời chia sẻ đó?*

Thực hiện nhiệm vụ

HS xem clip và trả lời câu hỏi.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình
- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Khoan dung là một trong những truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Truyền thống này được thể hiện qua cách ứng xử của con người trong các mối quan hệ xã hội.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa của khoan dung

a) Mục tiêu. HS nêu được khái niệm, các biểu hiện cơ bản và ý nghĩa của khoan dung.

b) Nội dung. GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi:

a) Em hãy nêu những việc làm của Bình Định vương Lê Lợi đối với quân Minh. Những việc làm đó thể hiện truyền thống nào của dân tộc Việt Nam? Nêu ý nghĩa của những việc làm đó.

b) Em hãy tìm những chi tiết thể hiện lòng khoan dung của Bác Hồ trong thông tin 2 và nêu ý nghĩa của lòng khoan dung đó.

c) Theo em, thế nào là lòng khoan dung? Hãy nêu những biểu hiện và ý nghĩa của lòng khoan dung trong cuộc sống.

Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ: Nêu được khái niệm khoan dung và biểu hiện của khoan dung.

- **Cách thức thực hiện:** *Giáo viên kể một số câu chuyện về lòng nhân ái khoan dung của Bác Hồ.* Qua câu chuyện về Bác Hồ, GV yêu cầu học sinh rút ra được các biểu hiện của khoan dung

Tích hợp khung năng lực số và AI

- **Các năng lực số có thể tích hợp:** NL: 2.3. Sử dụng công nghệ số để thực hiện trách nhiệm công dân: Tham gia đóng góp cho xã hội thông qua việc sử dụng các dịch vụ số, để chia sẻ các thông tin hữu ích và có trách nhiệm, sống khoan dung, nhân ái, tích cực tìm hiểu và tham gia các hoạt động cộng đồng

- **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** NLb: Đạo đức AI; Đánh giá các nguyên tắc đạo đức AI trong các tình huống thực tế; biết vận dụng các nguyên tắc đạo đức trong dự án học tập; để tìm hiểu và chia các tấm gương, các cá nhân thể hiện sự khoan dung

- Cách thức thực hiện.

+ Giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận diễn đàn vai trò của khoan dung trong thời đại số và AI

+ Đưa ra nội dung vấn đề: AI có phẩm chất khoan dung hay không và chúng ta cần làm gì để sử dụng AI trách nhiệm

c) Sản phẩm.

a) Những việc làm của Bình Định vương Lê Lợi đối với quân Minh:

+ Từ chối lời đề nghị giết quân Minh để trả thù; đồng thời khuyên giải các tướng lĩnh hãy “mở đường hiếu sinh” cho quân giặc.

+ Cấp cho thuyền và ngựa, xe cho quân Minh rút về nước.

- Những việc làm đó thể hiện truyền thống nhân đạo, khoan dung của dân tộc Việt Nam

- Ý nghĩa của những việc làm đó:

+ Thể hiện lòng khoan dung, nhân văn, nhân đạo của nhân dân Việt Nam.

+ Góp phần giúp “dập tắt muôn đời chiến tranh”, “mở ra muôn thuở thái bình”, đỡ hao tổn thêm xương máu của nhân dân hai nước.

b) Những chi tiết thể hiện lòng khoan dung của Bác Hồ trong thông tin 2:

+ Nhấn nhủ nhân dân hãy “lấy tinh thần thân ái” mà “cảm hóa” đối với “những đồng bào lạc lối lầm đường”.

+ Động viên các tù binh Pháp hãy yên lòng trước tinh thần nhân đạo của người dân Việt Nam; đồng thời thể hiện mong muốn “một ngày gần đây, hai dân tộc Pháp - Việt có thể cùng cộng tác trong vòng hoà bình và thân ái”

- Ý nghĩa của lòng khoan dung đó:

+ Góp phần tăng cường và thúc đẩy tinh thần đoàn kết dân tộc.

+ Thể hiện rõ trước nhân dân thế giới về tinh thần nhân đạo, khoan dung và thiện chí hòa bình của nhân dân Việt Nam; qua đó, tranh thủ được sự ủng hộ của các lực lượng yêu chuộng hòa bình, tiến bộ trên thế giới cho cách mạng Việt Nam.

c) Khái niệm: Khoan dung là rộng lòng tha thứ.

- **Biểu hiện** của khoan dung là:

+ Tha thứ cho chính mình và người khác khi đã biết hối hận và sửa chữa lỗi lầm;

+ Lắng nghe và tôn trọng sự khác biệt của người khác, không cố chấp, hẹp hòi, định kiến.

- **Giá trị của lòng khoan dung:**

+ Người có lòng khoan dung sẽ được mọi người yêu mến, tin cậy.

+ Người được tha thứ sẽ có cơ hội sửa chữa lỗi lầm để trở thành người tốt.

+ Nhờ có lòng khoan dung, mối quan hệ giữa người với người sẽ tốt đẹp hơn.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi:</p> <p>a) Em hãy nêu những việc làm của Bình Định vương Lê Lợi đối với quân Minh. Những việc làm đó thể hiện truyền thống nào của dân tộc Việt Nam? Nêu ý nghĩa của những việc làm đó.</p> <p>b) Em hãy tìm những chi tiết thể hiện lòng khoan dung của Bác Hồ trong thông tin 2 và nêu ý nghĩa của lòng khoan dung đó.</p> <p>c) Theo em, thế nào là lòng khoan dung? Hãy nêu những biểu hiện và ý nghĩa của lòng khoan dung trong cuộc sống.</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. <p>Báo cáo, thảo luận HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm đôi, lần lượt viết câu trả lời ra nháp/phiếu học tập.</p> <p>Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét <p>Người có lòng khoan dung sẽ được mọi người yêu mến, tin cậy. Người được tha thứ sẽ có cơ hội sửa chữa lỗi lầm để trở thành người tốt. Nhờ có lòng khoan dung, mối quan hệ giữa người với người sẽ tốt đẹp hơn.</p>	<p>1. Khoan dung và giá trị của khoan dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm: Khoan dung là rộng lòng tha thứ. - Biểu hiện của khoan dung là: <ul style="list-style-type: none"> + Tha thứ cho chính mình và người khác khi đã biết hối hận và sửa chữa lỗi lầm; + Lắng nghe và tôn trọng sự khác biệt của người khác, không cố chấp, hẹp hòi, định kiến. - Giá trị của lòng khoan dung: <ul style="list-style-type: none"> + Người có lòng khoan dung sẽ được mọi người yêu mến, tin cậy. + Người được tha thứ sẽ có cơ hội sửa chữa lỗi lầm để trở thành người tốt. + Nhờ có lòng khoan dung, mối quan hệ giữa người với người sẽ tốt đẹp hơn.

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Thực hiện những việc làm thể hiện sự khoan dung trong cuộc sống

a) **Mục tiêu.** HS trình bày được những việc cần làm để thể hiện lòng khoan dung trong cuộc sống.

b) **Nội dung.** GV sử dụng phương pháp trực quan, chiếu tranh lên bảng hoặc hướng dẫn HS quan sát tranh, đọc lời thoại ở mục 2 và đọc trường hợp ở trang 12 trong SGK, trả lời câu hỏi:

1/ Dựa vào biểu hiện của lòng khoan dung, em có nhận xét gì về lời nói, việc làm của các chủ thể trong những hình ảnh và trường hợp trên?

2/ Em có lời khuyên gì đối với những chủ thể thiếu khoan dung trong những hình ảnh và trường hợp trên?

3/ Theo em, để có lòng khoan dung, chúng ta cần làm gì?

Tích hợp quyền con người

- Thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.

- Giáo viên căn cứ nội dung của quyền con người như; Quyền được đối xử bình đẳng để lấy các ví dụ giúp học sinh hiểu được việc thực hiện quyền không bị bắt làm nô lệ và nô dịch; Quyền không bị tra tấn, nhục hình, bị đối xử hoặc chịu hình phạt tàn nhẫn vô nhân đạo; Quyền không phân biệt đối xử

Tích hợp tư tưởng Hồ Chí Minh

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Học sinh tích cực rèn luyện phẩm chất khoan dung

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên kể một số câu chuyện nói về lòng khoan dung của chủ tịch Hồ Chí Minh, từ nội dung câu chuyện này, giáo viên rút ra được một số bài học về cách rèn luyện lòng khoan dung.

Kể 1 câu chuyện ngắn về sự khoan dung của Bác Hồ

Tấm lòng khoan dung của Hồ Chí Minh không những đối với đồng bào trong nước, với người Việt Nam mà còn đối với cả kẻ thù. Đối với những người ngã xuống vì chiến tranh, Người thương xót cho sự hy sinh của chiến sĩ mình bao nhiêu thì cũng ngậm ngùi bấy nhiêu trước mất mát của những người đi xâm lược đã tử trận, bởi Người luôn quan niệm một điều rằng máu của người Việt Nam hay máu người Pháp cũng đỏ như nhau.

Trong một bài viết, Người đã xót xa, ngậm ngùi: “Tôi nghiêng mình trước anh hồn những chiến sĩ và đồng bào Việt Nam, đã vì Tổ quốc mà hy sinh tính mệnh. Tôi cũng ngậm ngùi thương xót cho những người Pháp đã tử vong. Than ôi, trước lòng bác ái, thì máu Pháp hay máu Việt cùng đều là máu, người Pháp hay người Việt cùng đều là người”.

Bởi vậy, Người luôn tỏ lòng thân ái, bao dung, độ lượng và chủ trương khoan hồng đối với tù binh chiến tranh. Nhân dịp Giáng sinh năm 1950, Người gửi thư cho tù binh Pháp với lời nhắn nhủ: “Nhân dân Việt Nam xem các bạn như những người bạn và tìm mọi cách để cuộc sống các bạn được tốt hơn”. Sau này, đối với tù binh Mỹ, người Việt Nam cũng đã đối xử với họ rất nhân đạo mà bộ phim Những tù binh Mỹ tại nhà tù Hỏa Lò Hilton của một đạo diễn người Pháp đã lột tả đầy đủ.

Ngay cả đối với nước Mỹ, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng chủ trương xây dựng và duy trì mối quan hệ tốt đẹp. Trong kháng chiến chống Mỹ, khi Mỹ thất bại và phải ngồi vào bàn đàm phán, Người đã có căn dặn: “Mỹ là nước lớn đứng đầu thế giới tư bản, buộc phải ngồi đàm phán, thương lượng đã là thất bại rồi, vì thế Bác yêu cầu là không được làm Mỹ mất mặt. Phải tế nhị, khéo léo, lúc cương, lúc nhu thì mới gọi là đàm phán hòa bình, mới đạt kết quả”...

Trong bài phát biểu tại hội thảo kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hà Nội, Tiến sĩ Ahmed, Giám đốc khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đại diện đặc biệt của Tổng giám đốc UNESCO, đã phát biểu: “Trong lịch sử có rất ít nhân vật đã trở thành một bộ phận của huyền thoại ngay từ khi còn sống, Hồ Chí Minh là một người trong số đó, Người sẽ được ghi nhớ không chỉ đã giải phóng cho Tổ quốc và nhân dân bị đô hộ, mà còn là một nhà hiền triết hiện đại đã mang lại một hy vọng và viễn cảnh mới cho những người đang đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng trên trái đất này”.

Lòng khoan dung Hồ Chí Minh đã trở thành biểu tượng của truyền thống hòa bình, hòa hiếu, hữu nghị của Việt Nam.

c) Sản phẩm.

a) Biểu hiện

- **Tranh số 1:** Bạn học sinh nữ (tóc dài) cảm thấy rất ăn năn, hối hận vì mình trông em không cẩn thận, khiến em bị ngã gãy tay. Dù thời gian trôi qua, tình trạng sức khỏe của em đã có nhiều tiến triển tốt; song bạn ấy vẫn chưa thể tha thứ cho chính mình => điều này cho thấy bạn nữ chưa học được cách khoan dung, tha thứ cho bản thân.

- **Tranh số 2:** Bạn học sinh nữ đang băn khoăn, không biết có nên tha thứ cho bạn K không, dù bạn K đã có thái độ và hành động sửa chữa lỗi lầm.

- Trường hợp:

+ Anh H gây ra tai nạn giao thông và anh đã phải chấp nhận hình phạt tù. Tuy nhiên, sau khi chấp hành xong bản án, anh H vẫn không nguôi day dứt về lỗi lầm của mình; anh chưa thể buông bỏ quá khứ, tha thứ cho bản thân, do đó, anh thường lủi thủi một mình, không dám giao tiếp với ai.

+ Anh T và mọi người xung quanh đã có thái độ và hành động khoan dung, khi họ tìm mọi cách để gần gũi, động viên, chia sẻ nhằm giúp anh H vượt qua mặc cảm, tái hòa nhập với cộng đồng.

b) Lời khuyên

- **Lời khuyên cho bạn HS trong tranh số 1:** bạn nên buông bỏ quá khứ, tha thứ cho chính mình.

- **Lời khuyên cho bạn HS trong tranh số 2:** bạn nên tha thứ cho bạn K, vì K đã có thái độ và hành động sửa chữa lỗi lầm.

- **Lời khuyên cho anh H:** anh nên buông bỏ quá khứ, tha thứ cho chính mình.

c) Học sinh cần

- Để trở thành người có lòng khoan dung, mỗi chúng ta đều cần:

+ Sống chân thành, rộng lượng;

+ Tôn trọng và chấp nhận cá tính, sở thích, thói quen của người khác;

+ Phê phán sự ích kỉ, hẹp hòi, thiếu khoan dung, độ lượng.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV sử dụng phương pháp trực quan, chiếu tranh lên bảng hoặc hướng dẫn HS quan sát tranh, đọc lời thoại ở mục 2 và đọc trường hợp ở trang 12 trong SGK, trả lời câu hỏi:</p> <p>1/ Dựa vào biểu hiện của lòng khoan dung, em có nhận xét gì về lời nói, việc làm của các chủ thể trong những hình ảnh và trường hợp trên?</p> <p>2/ Em có lời khuyên gì đối với những chủ thể thiếu khoan dung trong những hình ảnh và trường hợp trên?</p> <p>3/ Theo em, để có lòng khoan dung, chúng ta cần làm gì?</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. <p>Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra qua việc trả lời câu hỏi 1 và 2 - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. <p>Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét <p>Chúng ta cần tha thứ cho chính mình và người khác khi đã biết hối hận và sửa chữa lỗi lầm; lắng nghe và tôn trọng sự khác biệt của người khác, không cố chấp, hẹp hòi, định kiến.</p>	<p>2. Thực hiện những việc làm thể hiện sự khoan dung trong cuộc sống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Để trở thành người có lòng khoan dung, mỗi chúng ta đều cần: <ul style="list-style-type: none"> + Sống chân thành, rộng lượng; + Tôn trọng và chấp nhận cá tính, sở thích, thói quen của người khác; + Phê phán sự ích kỉ, hẹp hòi, thiếu khoan dung, độ lượng.

3. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em hãy tìm những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ, danh ngôn về lòng khoan dung, từ đó xác định biểu hiện, ý nghĩa và rút ra bài học về lòng khoan dung.

a) Mục tiêu. Rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến nội dung bài học về lòng khoan dung.

b) Nội dung. – GV tổ chức trò chơi “Đổi mặt” cho HS thực hiện bài tập số 1 ở trang 12 trong SGK: *Nêu những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ, danh ngôn về lòng khoan dung.*

c) Sản phẩm.

- Một số câu ca dao, tục ngữ nói về lòng khoan dung:

(1) Đánh kẻ chạy đi không ai đánh người chạy lại

(2) Đất có chỗ bồi chỗ lở, ngựa có con dở con hay

(3) Bàn tay có ngón dài ngón ngắn

(4) Khi bạn không tha thứ cho một ai đó, tức là bạn đang quay lưng lại với tương lai của mình.

Khi bạn bao dung, điều đó có nghĩa bạn đang tiến về phía trước (Tyler Perry)

(5) Sự khoan dung là sợi dây xích vàng gắn kết xã hội lại với nhau. (William Blake)

- Biểu hiện của lòng khoan dung:

+ Tha thứ cho chính mình và người khác khi đã biết hối hận và sửa chữa lỗi lầm;

+ Lắng nghe và tôn trọng sự khác biệt của người khác, không cố chấp, hẹp hòi, định kiến.

- Ý nghĩa của lòng khoan dung:

+ Người có lòng khoan dung sẽ được mọi người yêu mến, tin cậy.

+ Người được tha thứ sẽ có cơ hội sửa chữa lỗi lầm để trở thành người tốt.

+ Nhờ có lòng khoan dung, mối quan hệ giữa người với người sẽ tốt đẹp hơn.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm 5 – 6 HS chơi, đứng thành đội hình vòng tròn. Ai trả lời sai/trùng với đáp án của người trả lời trước/sau 10 giây không trả lời được sẽ bị loại. Người còn lại cuối cùng sẽ thắng. **Báo cáo, thảo luận**

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được những việc cần làm, những hành vi cần tránh trong việc rèn luyện lòng khoan dung

Câu 2. Em đồng tình/ không đồng tình với ý kiến nào dưới đây về lòng khoan dung?

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến biểu hiện của lòng khoan dung

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân, viết câu trả lời vào vở hoặc phiếu học tập, trao đổi, so sánh kết quả theo cặp.

c) Sản phẩm.

- **Ý kiến a)** Không đồng tình, vì: Chúng ta chỉ nên khoan dung, tha thứ cho người khác, khi họ nhận thức được sai lầm của bản thân và có thái độ, hành động sửa chữa những sai lầm, thiếu sót đó.

- **Ý kiến b)** Không đồng tình, vì: một trong những biểu hiện của lòng khoan dung là việc: chúng ta tha thứ cho bản thân khi chúng ta nhận thức được lỗi lầm và có hành động sửa chữa lỗi sai đó.

- **Ý kiến c)** Không đồng tình, vì: trước những lỗi sai, thiếu sót của người khác, chúng ta nên phê bình, góp ý với tinh thần xây dựng.

- **Ý kiến d)** Không đồng tình, vì: Một trong những biểu hiện của khoan dung là tôn trọng sở thích, thói quen tốt của người khác. Đối với những sở thích, thói quen xấu, gây hại cho chính bản thân người đó và xã hội, thì chúng ta cần phê bình, góp ý với tinh thần xây dựng.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

HS làm việc cá nhân, viết câu trả lời vào vở hoặc phiếu học tập, trao đổi, so sánh kết quả theo cặp.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để hiểu rõ được những biểu hiện của khoan dung

Câu 3. Từ câu danh ngôn dưới đây, em hãy viết một đoạn văn về tác hại của sự thiếu khoan dung trong cuộc sống:

Không khoan dung cũng là một hình thức bạo lực và là trở ngại cho sự phát triển của một tinh thần dân chủ thực sự.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến việc hình thành phẩm chất đạo đức khoan dung cho bản thân

b) Nội dung. GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập số 3 trong SGK: *Viết một đoạn văn bình luận về tác hại của sự thiếu khoan dung từ quan điểm “Không khoan dung cũng là một hình thức bạo lực và là trở ngại cho sự phát triển của một tinh thần dân chủ thực sự” (Mahatma Gandhi)*. Bài tập đã được giao về nhà từ tiết học trước.

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

+ “Không khoan dung cũng là một hình thức bạo lực” (bạo lực tinh thần với người không nhận được khoan dung và với chính người cố chấp, không tha thứ cho lỗi lầm của người khác).

+ Không khoan dung gây “trở ngại cho sự phát triển của một tinh thần dân chủ thực sự” (người

mắc lỗi luôn mặc cảm, tự ti, không dám thể hiện bản thân vì lúc nào cũng sợ bị sai lầm, chê trách).

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập số 3 trong SGK: *Viết một đoạn văn bình luận về tác hại của sự thiếu khoan dung từ quan điểm “Không khoan dung cũng là một hình thức bạo lực và là trở ngại cho sự phát triển của một tinh thần dân chủ thực sự” (Mahatma Gandhi)*. Bài tập đã được giao về nhà từ tiết học trước.

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân: suy nghĩ và thực hiện

Thảo luận nhóm đôi để nêu ý nghĩa của các việc làm, viết kết quả thảo luận vào nháp/ phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được giá trị của lòng khoan dung.

Câu 4. Em hãy đọc các tình huống sau để trả lời câu hỏi:

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được giá trị của lòng khoan dung.

b) Nội dung. HS lựa chọn các hình thức khác nhau để thực hiện nhiệm vụ này:

1/Xây dựng kịch bản, sắm vai xử lý tình huống/Xây dựng kịch bản, sắm vai thể hiện tình huống và hỏi ý kiến cả lớp về các cách xử lý, sau đó đưa ra cách xử lý của nhóm mình/Làm theo cách 2 nhưng quay clip (nếu GV cho bài tập này từ tuần trước);

2/Thảo luận nhóm, ghi kết quả thảo luận vào phiếu học tập/nháp...

c) Sản phẩm.

+ Tình huống a: Khuyến bạn nên viết nhật kí, nói ra lỗi lầm và sự ân hận của mình, hứa sẽ sửa chữa (như đang nói với ông khi ông còn sống). Dần dần bạn sẽ cảm thấy nhẹ lòng hơn và tự tha thứ cho mình.

+ Tình huống b: Khuyến P nên gặp Q, lắng nghe Q nói và cũng nói để Q hiểu cảm xúc của mình, sau đó hãy thứ lỗi cho Q.

+ Tình huống c: T nên khuyên K lựa chọn bạn để chơi. Nếu K vẫn chơi với nhóm bạn đó thì nói với K đừng làm như một số người trong nhóm vì việc “bình luận khiếm nhã về trang phục, hình dáng và đời tư của người khác” là thiếu khoan dung, thậm chí vi phạm đạo đức, pháp luật. Nếu có thể, K nên khéo léo khuyên họ không nên làm thế qua việc chỉ ra tác hại của những việc làm này.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS lựa chọn các hình thức khác nhau để thực hiện nhiệm vụ này:

1/Xây dựng kịch bản, sắm vai xử lý tình huống/Xây dựng kịch bản, sắm vai thể hiện tình huống và hỏi ý kiến cả lớp về các cách xử lý, sau đó đưa ra cách xử lý của nhóm mình/Làm theo cách 2 nhưng quay clip (nếu GV cho bài tập này từ tuần trước);

2/Thảo luận nhóm, ghi kết quả thảo luận vào phiếu học tập/nháp...

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm đã phân công

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đưa ra kết quả của nhóm mình

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được những điều cần học tập từ các nhân vật trong tình huống

Câu 5. Em hãy nêu một số tình huống thường gặp trong cuộc sống đòi hỏi lòng khoan dung và đưa ra cách ứng xử theo bảng gợi ý sau:

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được ý nghĩa của việc rèn luyện đức tính khoan dung

b) Nội dung. GV hướng dẫn HS làm bài tập 5 trong SGK: Em hãy nêu một số tình huống

thường gặp trong cuộc sống đòi hỏi lòng khoan dung và đưa ra cách ứng xử theo bảng gợi ý sau:

c) Sản phẩm.

- Biết điều chỉnh hành vi của cá nhân trong các tình huống thường gặp bằng lòng khoan dung

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS làm bài tập 5 trong SGK: *Em hãy nêu một số tình huống thường gặp trong cuộc sống đòi hỏi lòng khoan dung và đưa ra cách ứng xử theo bảng gợi ý sau:*

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, viết yêu cầu vào phiếu học tập, thể hiện hai ý cơ bản:

Báo cáo, thảo luận

- GV mời một số HS trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ, các HS khác nhận xét, đánh giá.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh xác định nhiệm vụ mà bản thân phải thực hiện trong học tập và cuộc sống, từ đó xây dựng kế hoạch để thực hiện những nhiệm vụ đó

4. Hoạt động: Vận dụng

Câu 1: Em hãy thiết kế một sản phẩm (bức tranh, thông điệp, tiểu phẩm, đoạn thơ,...) về vai trò của lòng khoan dung trong cuộc sống và chia sẻ ý nghĩa của sản phẩm đó

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. Giáo viên yêu cầu học sinh thiết kế tại nhà với nội dung: Em hãy thiết kế một sản phẩm (bức tranh, thông điệp, tiểu phẩm, đoạn thơ,...) về vai trò của lòng khoan dung trong cuộc sống và chia sẻ ý nghĩa của sản phẩm đó

c) Sản phẩm.

+ Thiết kế một sản phẩm (bức tranh, thông điệp, tiểu phẩm, đoạn thơ,...) về vai trò của lòng khoan dung trong cuộc sống và chia sẻ ý nghĩa của sản phẩm đó.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên yêu cầu học sinh thiết kế tại nhà với nội dung: Em hãy thiết kế một sản phẩm (bức tranh, thông điệp, tiểu phẩm, đoạn thơ,...) về vai trò của lòng khoan dung trong cuộc sống và chia sẻ ý nghĩa của sản phẩm đó

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

Báo cáo, thảo luận

GV mời một số HS trình bày thông điệp đã thiết kế theo yêu cầu của bài Vận dụng số 1.

Qua kĩ thuật phòng tranh ảo, GV và HS cả lớp xem “triển lãm” các thông điệp, nhận xét, đánh giá.

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn truyền thống dân tộc.

Câu 2: Em hãy viết một bức thư gửi tới người mà em cảm thấy ân hận khi đã từng ứng xử thiếu khoan dung với họ.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. GV hướng dẫn HS làm bài tập Vận dụng số 2: Em hãy viết một bức thư gửi tới người mà em cảm thấy ân hận khi đã từng ứng xử thiếu khoan dung với họ.

c) Sản phẩm.

- Có kế hoạch rèn luyện bản thân để bồi dưỡng lòng khoan dung

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS làm bài tập Vận dụng số 2: Em hãy viết một bức thư gửi tới người mà em cảm thấy ân hận khi đã từng ứng xử thiếu khoan dung với họ.

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.

Báo cáo, thảo luận

GV lựa chọn một số bức thư tiêu biểu để các em học sinh trình bày trước cả lớp và nêu lên cảm nghĩ của bản thân

Kết luận, nhận định

GV chấm 5 – 10 sản phẩm thực hiện các bài luyện tập, vận dụng, lấy điểm kiểm tra thường xuyên cho HS.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY
BÀI 3. TÍCH CỰC THAM GIA HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG
(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức

- Hiểu được thế nào là hoạt động cộng đồng, nêu được một số hoạt động cộng đồng
- Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng
- Nhận biết được trách nhiệm của học sinh trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng.

2. Năng lực

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công khi tham gia vào hoạt động cộng đồng.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan khi tham gia vào hoạt động cộng đồng.
- Năng lực điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân. Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức.

3. Phẩm chất

- Nhân ái và trách nhiệm trong việc tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng
- Chăm chỉ: Tích cực, tự giác tham gia các hoạt động cộng đồng phù hợp với lứa tuổi.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm, trung thực và không ngừng sáng tạo trong việc tham gia các hoạt động cộng đồng.

4. Nội dung tích hợp

a) Tích hợp quyền con người

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ với yêu cầu cần đạt sau: Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức.

b. Tích hợp quốc phòng an ninh

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Nhân ái và trách nhiệm trong việc tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng

c. Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** *Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt:* Có trách nhiệm, trung thực và không ngừng sáng tạo trong việc tham gia các hoạt động cộng đồng.

d. Tích hợp khung năng lực số và AI

- **Các năng lực số có thể tích hợp:** NL: 1.1 **Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số:** Xác định được nhu cầu thông tin, tìm kiếm được dữ liệu để thúc đẩy bản thân tham gia các hoạt động cộng đồng

- **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** NLc: Các kĩ thuật và ứng dụng AI: biết dùng một số công cụ AI đơn giản phục vụ học tập, dự án nhỏ; biết kết hợp nhiều công cụ AI để tạo sản phẩm số có ý nghĩa (video, thuyết trình, mô phỏng) phục vụ hoạt động cộng đồng

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Công dân 9;
- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động: Mở đầu

a) Mục tiêu. HS có hứng thú học tập, kết nối vào bài mới qua những tìm hiểu và chia sẻ trải nghiệm bước đầu về hoạt động cộng đồng.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS quan sát các bức tranh và cho biết ý nghĩa của những hoạt động trong tranh.

Em hãy quan sát các hình ảnh dưới đây và cho biết tên, ý nghĩa của những hoạt động cộng đồng được thể hiện trong các hình ảnh đó.

c) Sản phẩm. Học sinh bước đầu biết và chỉ ra được những biểu hiện của hoạt động cộng đồng và biểu hiện của việc tham gia hoạt động cộng đồng

+ Bức tranh 1: Tình nguyện mùa đông là hoạt động tình nguyện được diễn ra từ tháng 10 cho đến tháng 2 năm sau. Chương trình do Trung ương Đoàn, Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam phối hợp với Tỉnh đoàn trực thuộc để thực hiện. Các hoạt động tình nguyện mùa đông chính là các hoạt động tương thân tương ái, giúp đỡ người dân, thanh thiếu nhi, những mảnh đời kém may mắn, và những hộ gia đình đang còn gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống.... vươn lên để có một cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

+ Bức tranh 2: HS tích cực tham gia hoạt động thu gom rác thải trên bờ biển nhằm làm sạch môi trường biển.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV giao nhiệm vụ cho HS quan sát các bức tranh và cho biết ý nghĩa của những hoạt động trong tranh.

Em hãy quan sát các hình ảnh dưới đây và cho biết tên, ý nghĩa của những hoạt động cộng đồng được thể hiện trong các hình ảnh đó.

Thực hiện nhiệm vụ

HS quan sát các bức tranh, suy nghĩ và trả lời câu hỏi

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình
- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Mỗi chúng ta không chỉ cần có trách nhiệm với bản thân mà còn cần có trách nhiệm với gia đình, cộng đồng. Tham gia các hoạt động cộng đồng sẽ giúp lan toả những giá trị tích cực, góp phần xây dựng, phát triển cộng đồng, bên cạnh đó còn giúp bản thân mỗi người mở rộng hiểu biết, nâng cao giá trị bản thân, giúp chúng ta sống có trách nhiệm hơn.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Hoạt động cộng đồng và sự cần thiết phải tham gia hoạt động cộng đồng

a) Mục tiêu. HS nêu được khái niệm hoạt động cộng đồng và ý nghĩa của việc phải tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi:

a) Em hãy kể tên những hoạt động cộng đồng trong thông tin trên.

b) Em hãy nêu mục đích, đối tượng tham gia và ý nghĩa của những hoạt động đó.

c) Theo em, thế nào là hoạt động cộng đồng? Em hãy nêu ý nghĩa của hoạt động cộng đồng.

Tích hợp quốc phòng an ninh

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Nhân ái và trách nhiệm trong việc tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng

- **Cách thức thực hiện:** GV lấy các ví dụ thể hiện việc tham gia phát triển kinh tế, xã hội, giữ gìn an ninh trật tự địa phương. Giới thiệu một số hình ảnh về phát triển kinh tế, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Tích hợp khung năng lực số và AI

- **Các năng lực số có thể tích hợp: NL: 1.1 Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số:** Xác định được nhu cầu thông tin, tìm kiếm được dữ liệu để thúc đẩy bản thân tham gia các hoạt động cộng đồng

- **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** NLc: Các kĩ thuật và ứng dụng AI: biết dùng một số công cụ AI đơn giản phục vụ học tập, dự án nhỏ; biết kết hợp nhiều công cụ AI để tạo sản phẩm số có ý nghĩa (video, thuyết trình, mô phỏng) phục vụ hoạt động cộng đồng

- **Cách thức thực hiện:** GV hướng dẫn học sinh tìm kiếm thông tin qua môi trường số và AI để tìm hiểu về các hoạt động cộng đồng hoặc sử dụng ứng dụng số để lan tỏa những giá trị tốt đẹp tới cộng đồng bằng các việc làm phù hợp

c) Sản phẩm.

1/ Các hoạt động cộng đồng trong thông tin trên gồm có:

+ Hoạt động tình nguyện xây dựng nông thôn mới gồm: xây dựng kết cấu hạ tầng, đời sống văn hoá, bài trừ các hủ tục lạc hậu ở nông thôn; tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, xây dựng các sân chơi cho thiếu nhi, sửa chữa và làm đẹp các công trình, di tích lịch sử, văn hoá của địa phương; tham gia phát triển kinh tế ở nông thôn.

+ Hoạt động tình nguyện đảm bảo an sinh xã hội gồm: tham gia phát triển cộng đồng, hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, người già neo đơn, thanh niên yếu thế, dễ bị tổn thương thông qua các chương trình: Nhà nhân ái; Trường đẹp cho em; Nhà bán trú cho em; Hành trình nhân ái vì sức khoẻ cộng đồng; Mang âm nhạc đến bệnh viện; Cùng sống khoẻ; Tiếp sức người bệnh; Ngày Chủ nhật đỏ;...

2/ Mục đích, đối tượng tham gia và ý nghĩa của những hoạt động đó.

Hoạt động tình nguyện xây dựng nông thôn mới

Mục đích: Nhằm tạo khí thế thi đua sôi nổi, góp phần cải thiện đời sống, thay đổi diện mạo nông thôn và đạt các mục tiêu Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới đã đề ra.

Đối tượng tham gia: Đoàn viên, thanh niên và người dân ở các địa phương trên cả nước.

Ý nghĩa:

- Có ý nghĩa quan trọng và cấp thiết trong giai đoạn hiện nay, góp phần đưa đất nước phát triển phồn vinh, hạnh phúc.

- Góp phần thực hiện thành công công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, đem lại cuộc sống ấm no, văn minh, hạnh phúc.

- Góp phần bảo vệ môi trường, làm giàu sinh thái, tái tạo và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên.

- Góp phần phát triển quan hệ cộng đồng, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.

Hoạt động tình nguyện đảm bảo an sinh xã hội

Mục đích: Nhằm thực hiện hoạt động trợ giúp xã hội cho các đối tượng đặc biệt khó khăn, các đối tượng yếu thế trong xã hội.

Đối tượng tham gia: Đoàn viên, thanh niên trong cả nước và cá nhân, tổ chức có tấm lòng nhân ái.

Ý nghĩa: Giúp cho những người có hoàn cảnh khó khăn về vật chất, gặp biến cố, rủi ro trong cuộc sống vượt qua khó khăn, vươn lên trong cuộc sống. Khi được mọi người và cộng đồng giúp đỡ, họ ấm lòng hơn, có thêm niềm tin vào cuộc sống. Đồng thời, hoạt động đảm bảo an sinh xã hội cũng góp phần thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi: a) Em hãy kể tên những hoạt động cộng đồng trong thông tin trên. b) Em hãy nêu mục đích, đối tượng tham gia và ý nghĩa của những hoạt động đó. c) Theo em, thế nào là hoạt động cộng đồng? Em hãy nêu ý nghĩa của hoạt động cộng đồng.	1. Hoạt động cộng đồng và sự cần thiết phải tham gia hoạt động cộng đồng - Khái niệm: Hoạt động cộng đồng là những hoạt động được tổ chức bởi các cá nhân, tập thể nhằm mang lại lợi ích chung cho cộng đồng. - Một số hoạt động cộng đồng tiêu biểu như: thiện nguyện, nhân đạo; đền ơn đáp

<p>Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. <p>Báo cáo, thảo luận</p> <p>HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm đôi, lần lượt viết câu trả lời ra nháp/phiếu học tập.</p> <p>Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét <p>Đối với cá nhân: giúp mở rộng tầm hiểu biết, rèn luyện kỹ năng; có tinh thần trách nhiệm đóng góp công sức và trí tuệ của mình vào công việc chung của tập thể, xã hội; nâng cao giá trị của bản thân và được mọi người yêu mến;...</p> <p>Đối với cộng đồng: phát huy sức mạnh của các lực lượng xã hội; tạo ra sự kết nối các thành viên trong cộng đồng; xây dựng mối quan hệ đoàn kết, nhân ái, lan tỏa những giá trị tích cực; góp phần xây dựng đất nước văn minh, giàu mạnh.</p>	<p>nghĩa; bảo vệ môi trường, cảnh quan; phòng, chống tệ nạn xã hội; gìn giữ và phát huy truyền thống văn hoá dân tộc;...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý nghĩa của việc tham gia các hoạt động cộng đồng: <p>Đối với cá nhân: giúp mở rộng tầm hiểu biết, rèn luyện kỹ năng; có tinh thần trách nhiệm đóng góp công sức và trí tuệ của mình vào công việc chung của tập thể, xã hội; nâng cao giá trị của bản thân và được mọi người yêu mến;...</p> <p>Đối với cộng đồng: phát huy sức mạnh của các lực lượng xã hội; tạo ra sự kết nối các thành viên trong cộng đồng; xây dựng mối quan hệ đoàn kết, nhân ái, lan tỏa những giá trị tích cực; góp phần xây dựng đất nước văn minh, giàu mạnh</p>
---	---

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Tham gia các hoạt động cộng đồng

a) Mục tiêu. HS nêu được trách nhiệm của mỗi cá nhân, tổ chức và HS khi tham gia các hoạt động cộng đồng.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS quan sát các bức tranh trong SGK để trả lời câu hỏi:

a) Hoạt động nào trong các hình ảnh trên đã được trường, lớp, địa phương em tổ chức?

b) Em có nhận xét gì về tinh thần, thái độ của các nhân vật khi tham gia hoạt động cộng đồng trong các trường hợp trên? Hãy đưa ra lời khuyên cho những bạn chưa tích cực, tự giác khi tham gia hoạt động cộng đồng.

c) Em đã tham gia những hoạt động cộng đồng nào? Hãy chia sẻ những việc em đã làm khi tham gia các hoạt động đó và nêu những điều em thấy hài lòng, chưa hài lòng khi tham gia

Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Có trách nhiệm, trung thực và không ngừng sáng tạo trong việc tham gia các hoạt động cộng đồng.

- **Cách thức thực hiện:** Ví dụ về những cá nhân tham gia hoạt động cộng đồng, và phân tích lý do họ tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng. Điều đó có liên quan gì tới khát vọng cống hiến của họ không?

GV cho HS liệt kê các hoạt động cộng đồng ở địa phương, các hoạt động mà HS đã tham gia ở cộng đồng qua đó lòng ghép giáo dục ý thức trách nhiệm với quê hương, đất nước => nhấn mạnh tham gia hoạt động cộng đồng cũng một phần thể hiện sự cống hiến và khát vọng cống hiến của thế hệ trẻ, là một trong những phẩm chất của công dân toàn cầu.

Tích hợp quyền con người

- Tích hợp liên hệ với yêu cầu cần đạt sau: Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức.

- Giáo viên căn cứ nội dung của quyền con người yêu cầu học sinh lấy các ví dụ để làm nổi bật ý nghĩa của việc tham gia các hoạt động cộng đồng để giúp đỡ các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, qua đó khẳng định thực hiện quyền con người trong một số hoạt động tình nguyện, thiện nguyện; hoạt động giúp đỡ những cuộc đời cơ nhỡ, trẻ mồ côi

c) Sản phẩm.

a/ Các hoạt động cộng đồng được miêu tả trong 4 hình ảnh là:

+ Hình ảnh 1: HS quyên góp tiền, đồ dùng học tập ủng hộ cho các bạn HS miền Trung bị ảnh hưởng bởi lũ lụt;

+ Hình ảnh 2: Thanh niên tham gia hoạt động hiến máu tình nguyện;

+ Hình ảnh 3: HS tham gia hoạt động trồng cây, gây rừng (bảo vệ môi trường);

+ Hình ảnh 4: Thanh niên tình nguyện tham gia dạy chữ cho trẻ em vùng cao.

Tuỳ vào từng hoạt động cụ thể của mỗi trường mà các hoạt động trên được tổ chức vào các thời điểm, quy mô khác nhau.

b/ Nhận xét

+ Trường hợp 1: Đồng tình với tinh thần, thái độ và việc làm của B vì: B là người sống có trách nhiệm với cộng đồng; có ý thức tích cực, tự giác tham gia hoạt động cộng đồng (là thành viên câu lạc bộ hát quan họ, tích cực tập luyện và biểu diễn phục vụ người dân mỗi khi có lễ hội, đồng viên nhiều bạn trong xóm cùng tham gia câu lạc bộ). Đây là một trong các hoạt động góp phần giữ gìn và phát huy truyền thống văn hoá dân tộc, đặc biệt là di sản văn hoá phi vật thể – dân ca quan họ. B là tấm gương để mọi người noi theo.

+ Trường hợp 2: Không đồng tình với tinh thần, thái độ và việc làm của hai bạn C và H vì cả hai bạn chưa tự giác, chưa tích cực khi tham gia hoạt động cộng đồng, mặc dù được trường, lớp phân công nhiệm vụ làm vệ sinh khu vực đài tưởng niệm, nhưng cả hai mãi nói chuyện không chú tâm vào công việc để hoàn thành nhiệm vụ.

Lời khuyên: Hai bạn nên tích cực tham gia dọn dẹp, chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ bởi đây là hoạt động đền ơn đáp nghĩa, thể hiện tấm lòng, cũng như trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với người có công với cách mạng – những người đã hi sinh một phần xương máu để giành được độc lập, hoà bình cho Tổ quốc như ngày hôm nay. Tham gia hoạt động cộng đồng cũng giúp mỗi cá nhân nói chung và HS nói riêng được rèn luyện các kỹ năng, mở rộng sự hiểu biết, đóng góp sức mình vào hoạt động chung, được mọi người yêu mến,...

c/ Một số hoạt động cộng đồng

+ Hoạt động thiện nguyện, nhân đạo: quyên góp ủng hộ HS vùng lũ lụt, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; quyên góp, giúp đỡ, chăm sóc những người yếu thế trong xã hội: trẻ em nghèo, trẻ em mồ côi, người già không nơi nương tựa; tết ấm yêu thương; trung thu cho trẻ em nghèo;...

+ Hoạt động đền ơn đáp nghĩa: thăm hỏi, tặng quà, chăm sóc các gia đình thương binh, liệt sĩ, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng;...

+ Hoạt động bảo vệ môi trường, cảnh quan: trồng cây xanh, đổ rác đúng nơi quy định, vệ sinh trường lớp, đường làng, thôn xóm, đường phố, dọn dẹp rác thải ở bờ biển;...

+ Hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội: tham gia phát tờ rơi tuyên truyền phòng, chống thuốc lá, ma túy, tệ nạn mại dâm; phòng, chống bạo lực học đường; phòng, chống nạn cờ bạc;...

+ Hoạt động gìn giữ và phát huy truyền thống văn hoá dân tộc: giữ gìn các di sản văn hoá; bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá; tuyên truyền ý nghĩa của di sản văn hoá;...

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV giao nhiệm vụ cho HS quan sát các bức tranh trong SGK để trả lời câu hỏi:</p> <p>a) <i>Hoạt động nào trong các hình ảnh trên đã được trường, lớp, địa phương em tổ chức?</i></p> <p>b) <i>Em có nhận xét gì về tinh thần, thái độ của các nhân vật khi tham gia hoạt động cộng đồng trong các trường hợp trên? Hãy đưa ra lời khuyên cho những bạn chưa tích cực, tự giác khi tham gia hoạt động cộng đồng.</i></p> <p>c) <i>Em đã tham gia những hoạt động cộng đồng nào? Hãy chia sẻ những việc em đã làm khi tham gia các hoạt động đó và nêu những điều em thấy hài lòng, chưa hài lòng khi tham gia</i></p> <p>Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. 	<p>2. Tham gia các hoạt động cộng đồng</p> <p>Học sinh cần chủ động, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng do nhà trường, địa phương tổ chức; tích cực vận động người thân, bạn bè cùng tham gia; phê phán những biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng.</p>

Báo cáo thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra qua việc trả lời câu hỏi 1 và 2

- Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét

Học sinh cần chủ động, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng do nhà trường, địa phương tổ chức; tích cực vận động người thân, bạn bè cùng tham gia; phê phán những biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng.

3. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em đồng tình/ không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?.

a) Mục tiêu. HS củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá. Rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân khi tham gia các hoạt động cộng đồng.

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân, viết câu trả lời cho từng ý kiến vào giấy, vở hoặc phiếu học tập.

c) Sản phẩm.

- **Ý kiến a)** Không đồng tình, vì: Hoạt động cộng đồng là những hoạt động được tổ chức bởi các cá nhân, tập thể với mục tiêu mang lại lợi ích chung cho cộng đồng.

- **Ý kiến b)** Đồng tình. Vì: tham gia các hoạt động cộng đồng mang lại nhiều giá trị cho bản thân mỗi cá nhân và cả cộng đồng xã hội.

- **Ý kiến c)** Không đồng tình, vì: các hoạt động cộng đồng khi được phát động, đều hướng tới số đông, mong muốn huy động sự tham gia của nhiều cá nhân, tổ chức – những chủ thể có tầm lòng rộng mở, hướng tới lợi ích chung của tập thể, cộng đồng.

- **Ý kiến d)** Đồng tình. Học sinh cần chủ động, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng do nhà trường, địa phương tổ chức; tích cực vận động người thân, bạn bè cùng tham gia; phê phán những biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng.

d) Tổ chức thực hiện**Giao nhiệm vụ học tập**

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm 5 – 6 HS chơi, đứng thành đội hình vòng tròn. Ai trả lời sai/trùng với đáp án của người trả lời trước/sau 10 giây không trả lời được sẽ bị loại. Người còn lại cuối cùng sẽ thắng. **Báo cáo, thảo luận**

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được những ý nghĩa của việc tham gia các hoạt động cộng đồng

- **Ý kiến a)** Không đồng tình, vì: Hoạt động cộng đồng là những hoạt động được tổ chức bởi các cá nhân, tập thể với mục tiêu mang lại lợi ích chung cho cộng đồng.

- **Ý kiến b)** Đồng tình. Vì: tham gia các hoạt động cộng đồng mang lại nhiều giá trị cho bản thân mỗi cá nhân và cả cộng đồng xã hội.

- **Ý kiến c)** Không đồng tình, vì: các hoạt động cộng đồng khi được phát động, đều hướng tới số đông, mong muốn huy động sự tham gia của nhiều cá nhân, tổ chức – những chủ thể có tầm lòng rộng mở, hướng tới lợi ích chung của tập thể, cộng đồng.

- **Ý kiến d)** Đồng tình. Học sinh cần chủ động, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng do nhà trường, địa phương tổ chức; tích cực vận động người thân, bạn bè cùng tham gia; phê phán những biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng.

Câu 2. Em hãy nêu ý nghĩa của các hoạt động cộng đồng trong những trường hợp dưới đây

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến các hoạt động cộng đồng

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ HS tự nghiên cứu bài tập 2 trong SGK: *Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi.*

Em hãy nêu ý nghĩa của các hoạt động cộng đồng trong những trường hợp dưới đây:

c) Sản phẩm.

a. Đây là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm cho người dân tiếp cận công lý; hỗ trợ người dân hiểu biết hơn về pháp luật và giúp đỡ họ trong việc giải quyết các vụ việc để tìm kiếm sự đền bù/khắc phục khi các quyền và lợi ích hợp pháp bị vi phạm. Đồng thời, thông qua hoạt động trợ giúp pháp lý này còn góp phần đưa hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được sâu rộng trong nhân dân, tiến tới xây dựng một xã hội công bằng, đề cao tinh thần thượng tôn pháp luật.

b. Đây là hoạt động cộng đồng mang ý nghĩa tích cực trong việc chăm sóc sức khỏe cho người dân tộc thiểu số, người dân sinh sống và làm việc tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới đặc biệt khó khăn. Đồng thời đây là một trong các hoạt động nhằm thực hiện chính sách an sinh xã hội của Nhà nước ta, góp phần đảm bảo cho mọi người dân được tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản, trong đó có dịch vụ y tế.

c. Đây là hoạt động góp phần bảo đảm an ninh trật tự và phát triển đất nước thời kì hội nhập. Đảm bảo an ninh trật tự nói chung và phòng, chống tệ nạn xã hội nói riêng là góp phần tạo nên nền tảng vững chắc cho sự phát triển của đất nước.

d. Đây là hoạt động nhằm góp phần bảo vệ môi trường, khuyến khích mọi người phân loại rác thải điện tử đúng cách, nâng cao ý thức sống xanh trong cộng đồng, xây dựng lối sống thân thiện, an toàn. Với tốc độ phát triển của ngành công nghệ hiện nay, rác điện tử đang gia tăng rất nhanh so với các loại rác thải khác. Pin được liệt kê vào danh mục rác thải độc hại, lượng thủy ngân có trong pin cũ có thể gây ô nhiễm nguồn nước hoặc đất trong thời gian dài. Do đó, pin và rác thải điện tử, nếu không được thu gom và xử lý đúng cách sẽ tác động không tốt đến môi trường và con người.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

HS làm việc cá nhân, viết câu trả lời vào vở hoặc phiếu học tập, trao đổi, so sánh kết quả theo cặp.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để hiểu rõ được những ý nghĩa của tham gia các hoạt động cộng đồng

Câu 3. Em hãy đọc trường hợp sau và trả lời câu hỏi:

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến trách nhiệm của công dân trong việc tham gia các hoạt động cộng đồng

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi (Bài tập 3 trong SGK). GV có thể tổ chức cho các nhóm dựa trên nội dung trường hợp trong SGK, xây dựng kịch bản, đóng vai thể hiện vở kịch trên lớp.

Em có nhận xét gì về thái độ của em gái T? Hãy đưa ra lời khuyên cho em gái T.

c) Sản phẩm.

+ Nhận xét về thái độ của em gái T: chưa tích cực tham gia hoạt động thiện nguyện, giúp đỡ những người bệnh gặp khó khăn.

+ Lời khuyên dành cho em gái T: Nên tham gia cùng bố mẹ, anh trai và các cô chú/anh chị trong Hội Chữ thập đỏ vào mỗi ngày cuối tuần, hoặc khi rảnh để có thể chung tay chia sẻ với các bệnh

nhân nghèo, giúp họ giữ vững tinh thần lạc quan, yên tâm chữa bệnh để sớm vượt qua biến cố về sức khỏe. Đồng thời, thông qua việc tham gia hoạt động này còn giúp em gái T cũng như các HS khác được rèn luyện các kỹ năng, mở rộng tầm hiểu biết; sống có tinh thần trách nhiệm đóng góp công sức và trí tuệ của mình vào công việc chung của tập thể, xã hội; nâng cao giá trị của bản thân và được mọi người yêu mến;...

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi (Bài tập 3 trong SGK). GV có thể tổ chức cho các nhóm dựa trên nội dung trường hợp trong SGK, xây dựng kịch bản, đóng vai thể hiện vở kịch trên lớp.

Em có nhận xét gì về thái độ của em gái T? Hãy đưa ra lời khuyên cho em gái T.

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân: suy nghĩ và thực hiện

Thảo luận nhóm đôi để nêu ý nghĩa của các việc làm, viết kết quả thảo luận vào nháp/ phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được trách nhiệm của công dân trong việc tham gia các hoạt động cộng đồng.

Câu 4. Em hãy cùng nhóm bạn xây dựng kế hoạch thực hiện một hoạt động cộng đồng theo gợi ý dưới đây

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được ý nghĩa của việc tham gia các hoạt động cộng đồng.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc nhóm, thảo luận bài **tập 4** trong SGK: *Em hãy cùng nhóm bạn xây dựng kế hoạch thực hiện một hoạt động cộng đồng theo gợi ý.*

c) Sản phẩm.

KẾ HOẠCH

Tên hoạt động: MÙA ĐÔNG ẤM ÁP

1. *Mục đích của hoạt động:* Chia sẻ, giúp đỡ một số bạn HS trong lớp, trong trường có hoàn cảnh khó khăn có áo ấm tới trường.

2. *Những việc cần làm:*

- Nhiệm vụ 1: Lập danh sách các bạn HS có hoàn cảnh khó khăn trong lớp, trong trường.
- Nhiệm vụ 2: Phát động phong trào quyên góp ủng hộ quần áo ấm cho các bạn có hoàn cảnh khó khăn và nhận ủng hộ hiện vật (**quần áo**) và tiền mặt.

3. *Thời gian, địa điểm:* Thời gian thực hiện là 10 ngày (kể từ ngày phát động phong trào). Địa điểm: các lớp học trong trường.

4. *Cách thức thực hiện:*

- Phối hợp với GV chủ nhiệm để liên hệ với Ban Giám hiệu nhà trường, Ban Chỉ huy Liên đội cùng phát động phong trào trong toàn trường.

- Gửi thông điệp, truyền thông tới toàn thể GV, cán bộ, nhân viên và HS trong trường: Mùa đông năm nay rất lạnh, nhiều bạn còn khó khăn, thiếu quần áo ấm để mặc. Vì vậy, những bộ quần áo ấm chính là tấm lòng, tình cảm sẽ chia gửi tặng đến các bạn, giúp các bạn vượt qua mùa đông giá rét, giữ gìn sức khỏe để học tập.

- Phân công cá nhân phụ trách tiếp nhận ủng hộ từ các lớp, các thầy cô giáo trong toàn trường.

- Tổ chức lễ trao quần áo ấm cho các bạn.

5. *Người phối hợp thực hiện:* Ban Giám hiệu nhà trường; Thầy cô giáo chủ nhiệm các lớp; Ban Chỉ huy Liên đội, Chi đội và Lớp trưởng các lớp.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc nhóm, thảo luận bài tập 4 trong SGK: *Em hãy cùng nhóm bạn xây dựng kế hoạch thực hiện một hoạt động cộng đồng theo gợi ý.*

Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm, viết câu trả lời vào giấy A3, vở nháp hoặc phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đưa ra kết quả của nhóm mình

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát giúp học sinh biết điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp

4. Hoạt động: Vận dụng

Câu 1: Em hãy cùng các bạn trong nhóm thực hiện kế hoạch tham gia hoạt động cộng đồng đã được xây dựng trong hoạt động luyện tập và báo cáo kết quả thực hiện (thông qua bài thu hoạch, clip, tranh ảnh,...).

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập Vận dụng số 1 trong SGK theo nhóm và hướng dẫn HS thực hiện bài tập này ở trường, ở nhà trong thời gian phát động hoạt động cộng đồng (khi lập kế hoạch hoạt động cộng đồng).

c) Sản phẩm.

Thực hiện kế hoạch tham gia hoạt động cộng đồng đã được xây dựng trong hoạt động luyện tập và báo cáo kết quả thực hiện (thông qua bài thu hoạch, clip, tranh ảnh,...).

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập Vận dụng số 1 trong SGK theo nhóm và hướng dẫn HS thực hiện bài tập này ở trường, ở nhà trong thời gian phát động hoạt động cộng đồng (khi lập kế hoạch hoạt động cộng đồng).

Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ, ghi lại kết quả thông qua các hình ảnh, video tái hiện việc thực hiện kế hoạch hoặc báo cáo kết quả bằng số liệu cụ thể của việc thực hiện kế hoạch.

Báo cáo, thảo luận

GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thực hiện bài tập này vào hoạt động khởi động của tiết học tuần kế tiếp.

Kết luận, nhận định

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập, chọn các nhóm làm tốt để chấm điểm đưa vào điểm đánh giá thường xuyên.

Câu 2: Em hãy cùng các bạn trong nhóm viết bài tuyên truyền về chương trình “Giờ Trái Đất” để vận động mọi người cùng tham gia hưởng ứng.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập Vận dụng số 2 trong SGK và hướng dẫn HS thực hiện bài tập này ở nhà.

c) Sản phẩm.

- Có kế hoạch tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng

Đây là phong trào nhằm mục đích gì; Các việc cần làm trong giờ Trái Đất; Lí do vì sao mọi người cần tham gia hoạt động này.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập Vận dụng số 2 trong SGK và hướng dẫn HS thực hiện bài tập này ở nhà.

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.

Báo cáo, thảo luận

GV mời 1 – 2 HS báo cáo kết quả thực hiện bài tập này vào hoạt động khởi động của tiết học tuần kế tiếp.

Kết luận, nhận định

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập, chọn 5 – 10 bài viết của HS để chấm điểm đưa vào điểm đánh giá thường xuyên.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY BÀI 4. KHÁCH QUAN VÀ CÔNG BẰNG (2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức

- Nhận biết được những biểu hiện khách quan, công bằng.
- Hiểu được ý nghĩa của khách quan, công bằng, tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng.

2. Năng lực

- Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về khách quan, công bằng.
- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến khách quan, công bằng.
- Năng lực điều chỉnh hành vi: Thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng.
- Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội về khách quan và công bằng; Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về khách quan và công bằng trong đời sống thực tế;

3. Phẩm chất

- Trung thực: Có thái độ và hành động khách quan, công bằng trong cuộc sống.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm về lời nói và hành vi của mình trong học tập và trong cuộc sống

4. Nội dung tích hợp

a) Tích hợp quyền con người

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng.

b. Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ: Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng

c. Tích hợp khung năng lực số và AI

- **Các năng lực số có thể tích hợp:** NL: 1.1_Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Tạo và chia sẻ các thông tin một cách chân thực và phù hợp, không tìm kiếm, chia sẻ các thông tin chưa được kiểm chứng.

+ **NL: 2.5. Thực hiện quy tắc ứng xử trên mạng:** Luôn tôn trọng sự thật, tôn trọng tính khách quan của thông tin không đưa tin, sáng tạo hoặc chia sẻ các thông tin không đúng sự thật

- **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** NLb: Đạo đức AI: Nêu được các nguyên tắc đạo đức cơ bản của AI: không gây hại, không thiên kiến, công bằng, minh bạch; biết áp dụng các nguyên tắc đó khi học tập, làm việc với công cụ AI (không gian lận, tôn trọng quyền riêng tư); biết đánh giá sản phẩm AI có nguy cơ xâm phạm quyền con người, đề xuất giải pháp cải thiện

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Công dân 9;
- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động: Mở đầu

a) **Mục tiêu.** HS có hứng thú học tập, kết nối vào bài mới qua những tìm hiểu và chia sẻ trải nghiệm bước đầu về khách quan, công bằng.

b) **Nội dung.** GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện yêu cầu sau:

Em hãy kể về một trường hợp thể hiện sự khách quan, công bằng trong cuộc sống mà em được chứng kiến.

c) **Sản phẩm.** Học sinh bước đầu biết và chỉ ra được những biểu hiện của khách quan và công bằng được biểu hiện trong cuộc sống

- **Trường hợp.** Vào dịp nghỉ hè, bạn M rất hay về quê. Mỗi lần về, M rất thích chơi với chị họ cùng trạc tuổi. Tuy nhiên, thường chỉ chơi được một lúc là lại xảy ra mâu thuẫn, khi thì tranh giành đồ ăn, lúc thì tranh giành đồ chơi, chỗ chơi, thậm chí còn giành tối được ngủ với bà. Những lúc như vậy, bà thường: hỏi rõ cả hai chị em M về nguyên nhân xảy ra sự việc; sau đó bà phân tích, chỉ ra những lỗi sai, thiếu sót của mỗi chị em M; vì vậy, chị em M đều thấy thoải mái và nghiêm túc thực hiện những quyết định hay lời căn dặn của bà.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện yêu cầu sau:

Em hãy kể về một trường hợp thể hiện sự khách quan, công bằng trong cuộc sống mà em được chứng kiến.

Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình
- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Trong xã hội, mỗi cá nhân, mỗi nhóm người có những nhu cầu và lợi ích khác nhau. Để đảm bảo lợi ích chính đáng cho mỗi cá nhân và giải quyết hài hoà các mối quan hệ, góp phần xây dựng xã hội văn minh, tiến bộ, chúng ta cần phải có sự khách quan, công bằng trong đánh giá và ứng xử

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Khách quan và biểu hiện của khách quan.

a) **Mục tiêu.** HS nêu được khái niệm, những biểu hiện, ý nghĩa của khách quan.

b) **Nội dung.** GV hướng dẫn HS đọc thông tin ở mục Khám phá 1 trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Để thực hiện được tính khách quan, người cán bộ kiểm sát phải làm gì? Điều gì sẽ xảy ra nếu họ thiếu khách quan trọng công việc?

2/ Qua thông tin trên, em hãy chỉ ra các biểu hiện và ý nghĩa của khách quan.

3/ Theo em, nhận thức và hành vi thiếu khách quan sẽ có tác hại gì?

Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ: Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng

- **Cách thức thực hiện:** Qua tình huống, GV lồng ghép và nhấn mạnh với HS về tính trung thực, tự giác, tự ý thức trong học tập cho sinh viên, tích cực đấu tranh chống lại những hiện tượng tiêu cực trong học đường (gian dối trong học tập, thi cử, lừa dối thầy cô, bạn bè)

Tích hợp khung năng lực số và AI

- **Các năng lực số có thể tích hợp:** NL: 1.1_Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Tạo và chia sẻ các thông tin một cách chân thực và phù hợp, không tìm kiếm, chia sẻ các thông tin chưa được kiểm chứng.

+ **NL: 2.5. Thực hiện quy tắc ứng xử trên mạng:** Luôn tôn trọng sự thật, tôn trọng tính khách quan của thông tin không đưa tin, sáng tạo hoặc chia sẻ các thông tin không đúng sự thật

- **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** NLb: Đạo đức AI: Nếu được các nguyên tắc đạo đức cơ bản của AI: không gây hại, không thiên kiến, công bằng, minh bạch; biết áp dụng các nguyên tắc đó khi học tập, làm việc với công cụ AI (không gian lận, tôn trọng quyền riêng tư); biết đánh giá sản phẩm AI có nguy cơ xâm phạm quyền con người, đề xuất giải pháp cải thiện

- **Cách thức thực hiện.** Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm kiếm trên môi trường số các cá nhân, các câu chuyện hoặc các vi deo về bài học cuộc sống. Học sinh có trách nhiệm trong việc tìm kiếm thông tin và kiểm chứng thông tin trước khi chia sẻ. Học sinh có kỹ năng tôn trọng sự thật khi sử dụng và ứng dụng các nền tảng số

c) Sản phẩm.

1/ Để thực hiện được tính khách quan, người cán bộ kiểm sát phải “chí công vô tư, luôn tôn trọng sự thật khách quan; giải quyết công việc theo đúng pháp luật và quy định của Ngành; không vì

lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm, không thiên vị hoặc áp đặt định kiến cá nhân chủ quan bất cứ bên nào trong giải quyết vụ án, vụ việc...

Nếu họ thiếu khách quan trọng công việc sẽ dẫn tới oan sai, xét xử không đúng người, đúng tội, làm mất niềm tin trong nhân dân, làm suy giảm hiệu lực và sức mạnh của bộ máy nhà nước.

2/ Biểu hiện của khách quan: xuất phát từ thực tế, phản ánh thực tế một cách trung thực, tôn trọng sự thật, đánh giá đối tượng dựa trên dữ liệu có thể quan sát, đo lường và chứng minh được.

Ý nghĩa của khách quan: Khách quan giúp chúng ta nhìn nhận, đánh giá đúng bản chất của sự vật, sự việc, con người, từ đó có các quyết định chính xác trong công việc và cách ứng xử văn hoá trong các mối quan hệ.

3/ Nếu nhận thức và hành vi thiếu khách quan sẽ dẫn tới những sai lầm trong công việc và ứng xử, ảnh hưởng tiêu cực tới các mối quan hệ.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc thông tin ở mục Khám phá 1 trong SGK và trả lời câu hỏi:</p> <p>1/ Để thực hiện được tính khách quan, người cán bộ kiểm sát phải làm gì? Điều gì sẽ xảy ra nếu họ thiếu khách quan trọng công việc?</p> <p>2/ Qua thông tin trên, em hãy chỉ ra các biểu hiện và ý nghĩa của khách quan.</p> <p>3/ Theo em, nhận thức và hành vi thiếu khách quan sẽ có tác hại gì?</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. <p>Báo cáo, thảo luận HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm đôi, lần lượt viết câu trả lời ra nháp/phiếu học tập.</p> <p>Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét <p>Biểu hiện của khách quan: xuất phát từ thực tế, phản ánh thực tế một cách trung thực, tôn trọng sự thật, đánh giá đối tượng dựa trên dữ liệu có thể quan sát, đo lường và chứng minh được.</p> <p>Ý nghĩa của khách quan: Khách quan giúp chúng ta nhìn nhận, đánh giá đúng bản chất của sự vật, sự việc, con người, từ đó có các quyết định chính xác trong công việc và cách ứng xử văn hoá trong các mối quan hệ.</p>	<p>1. Khách quan và biểu hiện của khách quan.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm: Biểu hiện của khách quan là nhìn nhận sự vật, hiện tượng chính xác, trung thực, không định kiến, thiên vị. - Ý nghĩa: Khách quan có vai trò giúp chúng ta nhìn nhận, đánh giá đúng bản chất của sự vật, sự việc, con người, từ đó có các quyết định chính xác trong công việc và cách ứng xử văn hoá trong các mối quan hệ. Trái lại, thiếu khách quan sẽ dẫn tới những sai lầm trong công việc và ứng xử, ảnh hưởng tiêu cực tới các mối quan hệ.

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Công bằng và biểu hiện của công bằng

a) Mục tiêu. HS nêu được những biểu hiện, ý nghĩa của công bằng.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin và trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

a) Em hãy chỉ ra những biểu hiện của công bằng/ thiếu công bằng trong các thông tin, trường hợp trên.

b) Em hãy nêu ý nghĩa của công bằng, tác hại của sự thiếu công bằng trong cuộc sống.

c) Sản phẩm.

Yêu cầu a) Những biểu hiện của công bằng/ thiếu công bằng

- **Thông tin.** Biểu hiện của công bằng là: nhà nước tiếp tục hoàn thiện và thực hiện các chính sách dân tộc bình đẳng, đoàn kết, cùng phát triển, nhằm mục đích: tạo điều kiện để mọi người, nhất là

trẻ em, nhóm yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số, người di cư hoà nhập, tiếp cận bình đẳng nguồn lực, cơ hội phát triển và hưởng thụ công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

- **Trường hợp 1.** Biểu hiện của công bằng là: nhà nước có những chính sách ưu đãi dành cho học sinh dân tộc thiểu số.

- **Trường hợp 2.** Biểu hiện của thiếu công bằng là: tuy cùng là bệnh nhân, nhưng cô D phải xếp hàng và chờ đợi rất lâu mới tới lượt khám bệnh; nhưng anh Y vừa đến phòng khám đã được mời vào khám trước do có người quen là nhân viên làm việc ở đây

Yêu cầu b)

- Ý nghĩa của công bằng:

+ Công bằng có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi chính đáng của mỗi cá nhân, giúp con người có cơ hội phát triển bình đẳng với nhau, giúp họ cảm thấy được tôn trọng, tự tin hơn trong cuộc sống.

+ Công bằng cũng góp phần xây dựng xã hội bình đẳng, dân chủ, văn minh.

- Thiếu công bằng sẽ dẫn tới bất công, bất bình đẳng, mâu thuẫn, xung đột trong các mối quan hệ.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Chuyển giao nhiệm vụ GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin và trường hợp sau để trả lời câu hỏi:</p> <p>a) Em hãy chỉ ra những biểu hiện của công bằng/ thiếu công bằng trong các thông tin, trường hợp trên.</p> <p>b) Em hãy nêu ý nghĩa của công bằng, tác hại của sự thiếu công bằng trong cuộc sống.</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.</p> <p>Báo cáo thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra qua việc trả lời câu hỏi 1 và 2 - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.</p> <p>Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét Công bằng có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi chính đáng của mỗi cá nhân, giúp con người có cơ hội phát triển bình đẳng với nhau, giúp họ cảm thấy được tôn trọng, tự tin hơn trong cuộc sống. Công bằng cũng góp phần xây dựng xã hội bình đẳng, dân chủ, văn minh.</p>	<p>2. Công bằng và biểu hiện của công bằng Biểu hiện của công bằng là đối xử bình đẳng, không thiên vị, không phân biệt đối xử. Ý nghĩa: Công bằng có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi chính đáng của mỗi cá nhân, giúp con người có cơ hội phát triển bình đẳng với nhau, giúp họ cảm thấy được tôn trọng, tự tin hơn trong cuộc sống. Công bằng cũng góp phần xây dựng xã hội bình đẳng, dân chủ, văn minh. Trái lại, thiếu công bằng sẽ dẫn tới bất công, bất bình đẳng, mâu thuẫn, xung đột trong các mối quan hệ.</p>

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Rèn luyện thái độ khách quan, công bằng

a) **Mục tiêu.** HS nêu được những việc cần làm để thể hiện thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống.

b) **Nội dung.** GV hướng dẫn HS đọc trường hợp, kết hợp quan sát hình ảnh ở mục Khám phá 2 trong SGK để trả lời câu hỏi:

1/ Em có nhận xét gì về lời nói và hành động của các nhân vật trong những trường hợp đó?

2/ Nếu ở trong các trường hợp đó, em sẽ làm gì?

Tích hợp quyền con người : Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: **Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng.**

Nội dung: Giáo viên lấy tình huống trong thực tiễn để làm rõ nội dung quyền con người sau: quyền không bị phân biệt đối xử, quyền được thừa nhận và bình đẳng trước pháp luật... giáo HS thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày và phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng.

c) Sản phẩm.

+ Trường hợp 1: K không đảm bảo tính khách quan. Dù mỗi người có những nét giống nhau về hứng thú học tập nhưng không đồng nhất. Bởi vậy, K không nên viết thay cho G. Nếu trong trường hợp đó, em sẽ khuyên K không nên làm thế, khuyên G tự tay viết phiếu điều tra để đảm bảo tính khách quan cho kết quả điều tra.

+ Trường hợp 2 (hình ảnh và lời thoại): Bạn nam ngoài cùng bên trái nói sẽ không bầu cho Q làm lớp trưởng vì không bỏ qua việc đi học muộn của bạn đó là thiếu công bằng đối với Q. Hai bạn nữ bên phải thể hiện tinh thần công bằng khi một bạn không bênh vực mà còn chỉ ra khuyết điểm của bạn nam (nhiều lần đi muộn), dù Q không có ở đó nhưng một bạn nữ vẫn khẳng định Q xứng đáng là lớp trưởng và khuyên bạn nam nên cân nhắc để bỏ phiếu cho Q.

Nếu ở trong trường hợp đó, em sẽ khuyên bạn nam nên bỏ phiếu cho Q.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS đọc trường hợp, kết hợp quan sát hình ảnh ở mục Khám phá 2 trong SGK để trả lời câu hỏi: 1/ Em có nhận xét gì về lời nói và hành động của các nhân vật trong những trường hợp đó? 2/ Nếu ở trong các trường hợp đó, em sẽ làm gì?</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.</p> <p>Báo cáo thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra qua việc trả lời câu hỏi 1 và 2 - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.</p> <p>Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét Mỗi công dân có trách nhiệm tự mình rèn luyện phẩm chất khách quan, công bằng, đồng thời phải đấu tranh phê phán với những hành vi thiếu khách quan, công bằng.</p>	<p>3. Rèn luyện thái độ khách quan, công bằng Mỗi người đều cần rèn luyện thái độ nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng khách quan, tôn trọng, bảo vệ lẽ phải, không định kiến, thiên vị trong việc đánh giá hành vi, việc làm của bản thân và những người xung quanh, phê phán các biểu hiện thiếu khách quan, công bằng.</p>

3. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Trong các câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ dưới đây, câu nào nói về sự khách quan, công bằng? Câu nào nói về sự thiếu khách quan, công bằng? Vì sao?

a) Mục tiêu. HS củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá. Rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân, viết câu trả lời cho từng ý kiến vào giấy, vở hoặc phiếu học tập.

c) Sản phẩm.

+ a) Nói có sách, mách có chứng: Khách quan. Nói điều gì đó xác thực, có chứng cứ rõ ràng, có thể kiểm chứng được.

+ b) Yêu nhau củ ấu cũng tròn/ Ghét nhau thì quả bồ hòn cũng vuông: Không khách quan. Khi đã yêu thì mọi thứ đều trở nên tốt đẹp (củ ấu nhiều gai cũng thành tròn), khi đã ghét dù tốt đến mấy cũng thành xấu (quả bồ hòn tròn cũng thành vuông).

+ c) Nhất bên trọng nhất bên khinh. Không công bằng. Tình trạng bất công và thiên vị. Một bên thì xem trọng, còn một bên thì coi không ra gì.

+ d) Quân pháp bất vị thân. Công bằng. Pháp luật của vua không thiên vị ai. Trước pháp luật, mọi người đều được đối xử bình đẳng, không phân biệt người thân hay người ngoài.

+ e) Ăn cho đều, kêu cho sòng. Công bằng. Công bằng, sòng phẳng trong công việc cũng như hưởng thụ thành quả.

+ g) Công ai nấy nhớ, tội ai nấy chịu. Công bằng. Ai có công thì sẽ luôn được nhớ tới, người đó sẽ được hưởng. Còn ai có tội thì phải tự chịu, không trốn tránh.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

HS làm việc cá nhân, viết câu trả lời cho từng ý kiến vào giấy, vở hoặc phiếu học tập.

Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm 5 – 6 HS chơi, đứng thành đội hình vòng tròn. Ai trả lời sai/trùng với đáp án của người trả lời trước/sau 10 giây không trả lời được sẽ bị loại. Người còn lại cuối cùng sẽ thắng.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được những biểu hiện của khách quan và công bằng

Câu 2. Trường hợp nào dưới đây thể hiện/ không thể hiện sự khách quan, công bằng? Vì sao?

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến các hành vi và biểu hiện của khách quan, công bằng

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ HS tự nghiên cứu bài tập 2 trong SGK: *Đọc các trường hợp dưới đây và cho biết trường hợp nào thể hiện/ không thể hiện sự khách quan, công bằng? Vì sao?*

c) Sản phẩm.

a. Không khách quan vì không phải lúc nào ý kiến của số đông cũng đúng.

b. Khách quan vì không thể ủng hộ việc làm vi phạm pháp luật dù người đó là ân nhân.

c. Không công bằng vì vi phạm bình đẳng giới.

d. Không công bằng vì thiên vị bạn thân.

e. Công bằng vì đã tạo điều kiện tốt hơn cho người yếu thế có cơ hội như người mạnh hơn. g.

Không công bằng mà là cào bằng.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ HS tự nghiên cứu bài tập 2 trong SGK: *Đọc các trường hợp dưới đây và cho biết trường hợp nào thể hiện/ không thể hiện sự khách quan, công bằng? Vì sao?*

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để hiểu rõ được những ý nghĩa của tham gia các hoạt động cộng đồng

Câu 3. Từ quan niệm “Không có sự khách quan và công bằng, không thể có niềm tin và sự đồng lòng của mọi người”, em hãy viết một đoạn văn và thuyết trình trước lớp về ý nghĩa của sự khách quan, công bằng và tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến trách nhiệm của công dân trong việc rèn luyện và thực hiện khách quan công bằng.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi (Bài tập 3 trong SGK). GV có thể tổ chức cho các nhóm dựa trên nội dung trường hợp trong SGK:

Từ quan niệm “Không có sự khách quan và công bằng, không thể có niềm tin và sự đồng lòng của mọi người”, em hãy viết một đoạn văn và thuyết trình trước lớp về ý nghĩa của sự khách quan, công bằng và tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng.

c) Sản phẩm.

- Ý nghĩa của khách quan, công bằng:

+ Khách quan góp phần quan trọng trong việc xây dựng và duy trì một xã hội công bằng, bình đẳng, dân chủ, văn minh; giúp cá nhân đưa ra được những quyết định đúng đắn, chính xác, cung cấp cơ hội cho cá nhân mở rộng kiến thức và sự hiểu biết của bản thân.

+ Công bằng có vai trò quan trọng trong việc xây dựng và duy trì một xã hội bình đẳng, dân chủ, văn minh, đồng thời giúp mỗi cá nhân cảm thấy được tôn trọng, giúp họ tự tin trong cuộc sống.

- Sự thiếu khách quan và công bằng có thể tạo ra nhận thức sai lệch dẫn đến những quyết định sai lầm; làm nảy sinh mâu thuẫn trong các mối quan hệ; làm mất niềm tin và tác động đối với những người bị ảnh hưởng.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi (Bài tập 3 trong SGK). GV có thể tổ chức cho các nhóm dựa trên nội dung trường hợp trong SGK:

Từ quan niệm “Không có sự khách quan và công bằng, không thể có niềm tin và sự đồng lòng của mọi người”, em hãy viết một đoạn văn và thuyết trình trước lớp về ý nghĩa của sự khách quan, công bằng và tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng.

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân: suy nghĩ và thực hiện

Thảo luận nhóm đôi để nêu ý nghĩa của các việc làm, viết kết quả thảo luận vào nháp/ phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được trách nhiệm của công dân trong việc rèn luyện phẩm chất khách quan, công bằng.

Câu 4. Em hãy đọc các tình huống sau và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được ý nghĩa của việc thực hiện khách quan, công bằng

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc nhóm, thảo luận bài tập 4 trong SGK: Em hãy đọc các tình huống sau và trả lời câu hỏi

Tình huống a: Em có nhận xét gì về việc làm của bạn H? Theo em, bạn H cần làm gì để đảm bảo tính khách quan, công bằng?

Tình huống b: Bằng hiểu biết về công bằng xã hội, em hãy giải đáp thắc mắc cho anh C

c) Sản phẩm.

a. Việc làm của H không khách quan, công bằng (bỏ qua lỗi vi phạm của đội bóng lớp 9A, dẫn tới bàn thua cho đội bóng lớp 9B). Là trọng tài, bạn H cần khách quan, chỉ ra lỗi của các cầu thủ, không thiên vị bên nào, từ đó đảm bảo sự công bằng cho các đội bóng.

b. Suy nghĩ của anh C là không đúng. Người lao động có thời gian lao động và độ vất vả như nhau nhưng mức thu nhập khác nhau là do năng lực khác nhau nên đóng góp khác nhau.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc nhóm, thảo luận bài tập 4 trong SGK: Em hãy đọc các tình huống sau và trả lời câu hỏi

Tình huống a: Em có nhận xét gì về việc làm của bạn H? Theo em, bạn H cần làm gì để đảm bảo tính khách quan, công bằng?

Tình huống b: Bằng hiểu biết về công bằng xã hội, em hãy giải đáp thắc mắc cho anh C

Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm, viết câu trả lời vào giấy, vở nháp hoặc phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đưa ra kết quả của nhóm mình

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát giúp học sinh biết và rút ra được ý nghĩa cho bản thân.

Câu 5. Em hãy kể về một số biểu hiện thiếu khách quan, công bằng trong cuộc sống và đề xuất cách khắc phục phù hợp.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được ý nghĩa của việc thực hiện khách quan, công bằng

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc nhóm, thảo luận bài tập 5 trong SGK: Em hãy kể về một số biểu hiện thiếu khách quan, công bằng trong cuộc sống và đề xuất cách khắc phục phù hợp.

c) Sản phẩm.

- Học sinh biết vận dụng các kiến thức đã học để nhìn nhận, đánh giá các hành vi thực hiện khách quan, công bằng biết rèn luyện bản thân mình một cách tự giác

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc nhóm, thảo luận bài tập 5 trong SGK: Em hãy kể về một số biểu hiện thiếu khách quan, công bằng trong cuộc sống và đề xuất cách khắc phục phù hợp.

Thực hiện nhiệm vụ

HS có thể làm bài tập này ở nhà và nộp trên phần mềm dạy học HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm, viết câu trả lời vào giấy, vở nháp hoặc phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

GV mời 1 – 2 HS trình bày sản phẩm (nếu có thời gian), lựa chọn một số sản phẩm để chấm lấy điểm kiểm tra thường xuyên.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát giúp học sinh biết điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp

4. Hoạt động: Vận dụng

Câu 1: Em hãy sưu tầm câu chuyện về sự khách quan, công bằng và rút ra bài học cho bản thân.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập Vận dụng số 1 trong SGK theo nhóm và hướng dẫn HS thực hiện bài tập này ở trường, ở nhà: Em hãy sưu tầm câu chuyện về sự khách quan, công bằng và rút ra bài học cho bản thân.

c) Sản phẩm.

- Học sinh biết vận dụng các kiến thức đã học để nhìn nhận, đánh giá các hành vi thực hiện khách quan, công bằng biết rèn luyện bản thân mình một cách tự giác

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập Vận dụng số 1 trong SGK theo nhóm và hướng dẫn HS thực hiện bài tập này ở trường, ở nhà: Em hãy sưu tầm câu chuyện về sự khách quan, công bằng và rút ra bài học cho bản thân.

Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ, ghi lại kết quả thông qua các hình ảnh, video tái hiện việc thực hiện kế hoạch hoặc báo cáo kết quả bằng số liệu cụ thể của việc thực hiện kế hoạch.

Báo cáo, thảo luận

GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thực hiện bài tập này vào hoạt động khởi động của tiết học tuần kế tiếp.

Kết luận, nhận định

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập, chọn các nhóm làm tốt để chấm điểm đưa vào điểm đánh giá thường xuyên.

Câu 2: Em hãy cùng nhóm bạn thiết kế một áp phích tuyên truyền về vai trò của sự công bằng trong xã hội.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập Vận dụng số 2 trong SGK và hướng dẫn HS thực hiện bài tập này ở nhà.

Em hãy cùng nhóm bạn thiết kế một áp phích tuyên truyền về vai trò của sự công bằng trong xã hội.

c) Sản phẩm.

- Học sinh biết vận dụng các kiến thức đã học để nhìn nhận, đánh giá các hành vi thực hiện khách quan, công bằng biết rèn luyện bản thân mình một cách tự giác

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập Vận dụng số 2 trong SGK và hướng dẫn HS thực hiện bài tập này ở nhà.

Em hãy cùng nhóm bạn thiết kế một áp phích tuyên truyền về vai trò của sự công bằng trong xã hội.

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.

Báo cáo, thảo luận

GV mời 1 – 2 HS báo cáo kết quả thực hiện bài tập này vào hoạt động khởi động của tiết học tuần kế tiếp.

Kết luận, nhận định

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập, chọn 5 – 10 bài viết của HS để chấm điểm đưa vào điểm đánh giá thường xuyên.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY BÀI 5. BẢO VỆ HÒA BÌNH (3 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức

- Nêu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình; các biểu hiện của hoà bình.
- Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình.
- Nhận ra được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình.

2. Năng lực

- Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về bảo vệ hoà bình.
- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.
- Năng lực điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân: Nhận biết được sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình; Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình; phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa.

3. Phẩm chất

- Yêu nước, nhân ái và trách nhiệm trong việc bảo vệ hoà bình.
- Chăm chỉ, tích cực, tự giác tham gia các hoạt động việc bảo vệ hoà bình phù hợp với lứa tuổi.
- Có trách nhiệm trong việc việc bảo vệ hoà bình.

4. Nội dung tích hợp

a) Tích hợp quyền con người

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa.

b. Tích hợp quốc phòng an ninh

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: : Nhận biết được sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình; Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình; phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa.

c. Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ: Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình.

d. Tích hợp khung năng lực số và AI

- **Các năng lực số có thể tích hợp:**

+ **NL: 2.2. Chia sẻ thông tin và nội dung thông qua công nghệ số:** Chia sẻ dữ liệu, thông tin và nội dung về các hành vi bảo vệ hòa bình thông qua các công nghệ số phù hợp..

+ **NL: 2.3. Sử dụng công nghệ số để thực hiện trách nhiệm công dân:** Tham gia đóng góp vào việc bảo vệ hòa bình một cách phù hợp

- **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** Nla: Tư duy lấy con người làm trung tâm: Hiểu vai trò của con người trong thiết kế, vận hành, sử dụng AI; biết sử dụng các công cụ số thúc đẩy các hoạt động bảo vệ hòa bình một cách phù hợp

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Công dân 9;

- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;

- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động: Mở đầu

a) **Mục tiêu.** Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập của HS và kết nối với bài học mới.

b) **Nội dung.** GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện yêu cầu sau:

GV cho HS đọc đoạn trích lời bài hát “Chúng em cần hoà bình” (sáng tác: Hoàng Long và Hoàng Lân) để cả lớp cùng nghe.

c) **Sản phẩm.** Học sinh bước đầu biết và chỉ ra được những biểu hiện của hòa bình được biểu hiện trong cuộc sống

- Trong lịch sử hình thành và phát triển của nhân loại, các quốc gia đã trải qua quá trình đấu tranh gian khổ, phải hi sinh nhiều xương máu, mồ hôi và nước mắt để bảo vệ hòa bình. Do đó, hòa bình là khát vọng chung của mọi quốc gia, dân tộc.

- Hòa bình đem lại nhiều lợi ích lớn lao, thiết thực, như: Giúp con người có cuộc sống ấm no, hạnh phúc; Tạo điều kiện để phát triển kinh tế xã hội; Thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các quốc gia trên thế giới vì sự thịnh vượng chung toàn cầu.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện yêu cầu sau:

GV cho HS đọc đoạn trích lời bài hát “Chúng em cần hoà bình” (sáng tác: Hoàng Long và Hoàng Lân) để cả lớp cùng nghe.

Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình

- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Được sống trong hoà bình là khát vọng mãnh liệt của các quốc gia và của cả nhân loại. Bảo vệ hoà bình là nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi người. Bài học này sẽ giúp em hiểu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình để từ đó thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc góp phần bảo vệ hoà bình.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu khái niệm hoà bình và các biểu hiện của hoà bình

a) **Mục tiêu.** HS nêu được khái niệm hoà bình và biểu hiện của hoà bình.

b) **Nội dung.** GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi, đọc thông tin và quan sát các hình ảnh để trả lời câu hỏi trong SGK:

1/ Từ thông tin và các hình ảnh trên, em hãy cho biết cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ đã gây ra hậu quả gì với Thủ đô Hà Nội. Cuộc sống của người dân và sự phát triển của Hà Nội

trong chiến tranh và trong hoà bình có sự khác nhau như thế nào?

2/ Theo em, hoà bình là gì? Hãy nêu các biểu hiện của hoà bình

Tích hợp quốc phòng an ninh

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: : Nhận biết được sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình; Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình; phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa.

- **Cách thức thực hiện:** Những tấm gương về truyền thống yêu nước qua các thời kỳ chiến đấu và bảo vệ Tổ quốc.

- Hậu quả của các cuộc chiến tranh xâm lược đối với dân tộc Việt Nam.

- Trách nhiệm của học sinh tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Tích hợp khung năng lực số và AI

- Các năng lực số có thể tích hợp:

+ **NL: 2.2. Chia sẻ thông tin và nội dung thông qua công nghệ số:** Chia sẻ dữ liệu, thông tin và nội dung về các hành vi bảo vệ hòa bình thông qua các công nghệ số phù hợp..

+ **NL: 2.3. Sử dụng công nghệ số để thực hiện trách nhiệm công dân:** Tham gia đóng góp vào việc bảo vệ hòa bình một cách phù hợp

- **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** Nla: Tư duy lấy con người làm trung tâm: Hiểu vai trò của con người trong thiết kế, vận hành, sử dụng AI; biết sử dụng các công cụ số thúc đẩy các hoạt động bảo vệ hòa bình một cách phù hợp

- Cách thức thực hiện.

+ Giáo viên tổ chức cho học sinh tham gia cuộc thi trong lớp với chủ đề: Tuyên truyền về hòa bình trên nền tảng số. Học sinh sử dụng các công cụ số để thể hiện, trình bày một cách sáng tạo và phù hợp

c) Sản phẩm.

1/ Hậu quả của cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ đã gây ra đối với Thủ đô Hà Nội:

Đề lại những tổn thất về người và của: hàng nghìn người chết, những người may mắn sống sót nhưng mang nhiều di chứng, dư chấn thời hậu chiến: ám ảnh về cái chết, nỗi đau mất người thân, gia đình bị li tán,... Nhiều công trình, nhà máy, xí nghiệp, trường học, nhà ở của người dân bị phá huỷ; ô nhiễm môi trường, thiên nhiên bị tàn phá nghiêm trọng; nền kinh tế trở nên kiệt quệ;...

Sự khác nhau trong cuộc sống của người dân và sự phát triển của Hà Nội trong chiến tranh và trong hoà bình:

+ Cuộc sống trong chiến tranh: Tính mạng của người dân luôn bị đe dọa. Nhiều gia đình bị chia cắt, li tán. Thành phố bị phá huỷ, kinh tế suy sụp, đói nghèo, trẻ em **thất** học,...

+ Cuộc sống trong hoà bình: Người dân được sống tự do, thoải mái, được vui chơi và tới trường học tập, phát triển bình thường; nhiều công trình công cộng được xây dựng phục vụ cuộc sống con người,... Hà Nội đã trở thành trung tâm kinh tế, chính trị và văn hoá của cả nước và được UNESCO vinh danh là “Thành phố vì hoà bình”.

2/+ Hoà bình là tình trạng không có chiến tranh hay xung đột vũ trang; con người được sống trong một môi trường xã hội an toàn, hạnh phúc.

+ Biểu hiện của hoà bình là cuộc sống bình yên, con người được học tập, lao động, phát triển, chung sống hoà thuận cùng nhau; các quốc gia tôn trọng, hợp tác cùng phát triển.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi, đọc thông tin và quan sát các hình ảnh để trả lời câu hỏi trong SGK: 1/ Từ thông tin và các hình ảnh trên, em hãy cho biết cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ đã gây ra hậu quả gì với Thủ đô Hà Nội. Cuộc sống của người dân và sự phát triển của Hà Nội trong chiến tranh và trong hoà bình có sự khác nhau như thế nào? 2/ Theo em, hoà bình là gì? Hãy nêu các biểu hiện của	1. Hoà bình và các biểu hiện của hoà bình. - Hoà bình là tình trạng không có chiến tranh hay xung đột vũ trang; con người được sống trong một môi trường xã hội an toàn, hạnh phúc. - Biểu hiện của hoà bình là cuộc sống bình yên, con người được học tập, lao động, phát triển, chung sống

<p><i>hoà bình</i></p> <p>Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. <p>Báo cáo, thảo luận</p> <p>HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm đôi, lần lượt viết câu trả lời ra nháp/phiếu học tập.</p> <p>Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét <p>Biểu hiện của hoà bình là cuộc sống bình yên, con người được học tập, lao động, phát triển, chung sống hoà thuận cùng nhau; các quốc gia tôn trọng, hợp tác cùng phát triển.</p>	<p>hoà thuận cùng nhau; các quốc gia tôn trọng, hợp tác cùng phát triển.</p>
---	--

Nội dung 2: Tìm hiểu bảo vệ hoà bình và các biện pháp bảo vệ hoà bình

a) Mục tiêu. HS nêu được khái niệm bảo vệ hoà bình, ý nghĩa của việc bảo vệ hoà bình và các biện pháp bảo vệ hoà bình.

b) Nội dung. GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, nghiên cứu thông tin 1 trong SGK và trả lời câu hỏi:

Từ các thông tin và hình ảnh trên, em hãy giải thích vì sao cần phải bảo vệ hoà bình và cho biết các biện pháp góp phần thúc đẩy và bảo vệ hoà bình

Từ thực tiễn cuộc sống, em hãy lấy ví dụ về xung đột sắc tộc, chiến tranh phi nghĩa trên thế giới và bày tỏ quan điểm của mình về những sự kiện đó

Theo em, bảo vệ hoà bình là gì? Hãy kể thêm những biện pháp thúc đẩy và bảo vệ hoà bình mà em biết.

Tích hợp quyền con người

Phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa.

Cách thức thực hiện: Giáo viên căn cứ vào nội dung quyền con người để làm rõ việc tôn trọng quyền bình đẳng và hợp tác giữa các quốc gia, quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo. Quyền được bảo đảm an sinh xã hội, Quyền được bảo vệ khi gặp thiên tai, thảm họa, ô nhiễm môi trường, xung đột vũ trang

Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ: Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình.

- **Cách thức thực hiện:** Qua câu chuyện, số liệu lịch sử để HS nhận thấy nền hoà bình Việt Nam đang có là sự hi sinh, đổ máu của nhiều thế hệ cha anh, những con người kiên định mục tiêu độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội (qua số liệu, video), qua đó nhấn mạnh tới trách nhiệm, lí tưởng của HS hiện nay. Giao dự án học tập (là nhân viên Liên hiệp quốc, em sẽ làm dự để góp phần bảo vệ nền hòa bình thế giới).

c) Sản phẩm.

- Cần phải bảo vệ hòa bình, vì: hòa bình đem lại những lợi ích to lớn, thiết thực, như:
 + Giúp con người có cuộc sống ấm no, hạnh phúc;
 + Tạo điều kiện để phát triển kinh tế xã hội;
 + Thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các quốc gia trên thế giới vì sự thịnh vượng chung toàn cầu.

- Các biện pháp góp phần thúc đẩy và bảo vệ hoà bình:
 + Chủ động giải quyết mâu thuẫn bằng biện pháp hoà bình qua thương lượng, đàm phán.
 + Giải quyết mâu thuẫn khi xảy ra xung đột, mâu thuẫn căn cứ theo pháp luật quốc tế, dựa trên công lí và chính nghĩa, không thỏa hiệp vô nguyên tắc với tội ác và bất công xã hội.

2/- **Ví dụ về xung đột sắc tộc:** cuộc xung đột giữa hai bộ tộc Hutu và Tuxi ở Ruanda vào năm 1994. Hậu quả của cuộc xung đột này: làm hơn 80 vạn người thiệt mạng; hơn 1.2 triệu người phải tị nạn (trong khi dân số của Ruanda vào thời điểm này chỉ có 7 triệu người)

- **Ví dụ về chiến tranh phi nghĩa:** Cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 – 1918) đã lôi cuốn 70 triệu người ở các nước tham chiến, làm cho 10 triệu người bị chết, 19 triệu người bị thương và 3,5 triệu người bị tàn phế. Những thiệt hại về vật chất do cuộc chiến tranh gây ra rất lớn, rất nhiều làng mạc, thành phố, nhà máy, hệ thống đường sắt, cầu cống bị phá huỷ. Quân chúng lao động ở chính quốc cũng như thuộc địa là những người gánh chịu tất cả gánh nặng của mọi tai hoạ do cuộc chiến tranh gây nên.

3/ Bảo vệ hoà bình là giữ gìn cuộc sống bình yên; dùng thương lượng, đàm phán giải quyết mọi mâu thuẫn, xung đột giữa các dân tộc, tôn giáo và quốc gia, không để xảy ra chiến tranh hay xung đột vũ trang.

- Biện pháp bảo vệ hoà bình:

+ Chủ động giải quyết mâu thuẫn bằng biện pháp hoà bình qua thương lượng, đàm phán.

+ Giải quyết mâu thuẫn khi xảy ra xung đột, mâu thuẫn căn cứ theo pháp luật quốc tế, dựa trên công lí và chính nghĩa, không thoả hiệp vô nguyên tắc với tội ác và bất công xã hội.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, nghiên cứu thông tin 1 trong SGK và trả lời câu hỏi:</p> <p><i>Từ các thông tin và hình ảnh trên, em hãy giải thích vì sao cần phải bảo vệ hoà bình và cho biết các biện pháp góp phần thúc đẩy và bảo vệ hoà bình</i></p> <p><i>Từ thực tiễn cuộc sống, em hãy lấy ví dụ về xung đột sắc tộc, chiến tranh phi nghĩa trên thế giới và bày tỏ quan điểm của mình về những sự kiện đó</i></p> <p><i>Theo em, bảo vệ hoà bình là gì? Hãy kể thêm những biện pháp thúc đẩy và bảo vệ hoà bình mà em biết.</i></p> <p>Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận.</p> <p>- Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.</p> <p>Báo cáo thảo luận</p> <p>- Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra qua việc trả lời câu hỏi 1 và 2, 3</p> <p>- Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.</p> <p>Kết luận, nhận định</p> <p>- Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét</p> <p>Học sinh cần học điều hay, lẽ phải; học cách sống hài hoà, văn minh; biết giải quyết các mâu thuẫn bằng hoà giải; chủ động can ngăn các bất đồng; hưởng ứng các phong trào về hoà bình mà trường, lớp tổ chức; biết tôn trọng và không phân biệt kì thị văn hoá, dân tộc.</p>	<p>2. Bảo vệ hoà bình và các biện pháp bảo vệ hoà bình</p> <p>Sự cần thiết phải bảo vệ hòa bình</p> <p>Bảo vệ hoà bình là giữ gìn cuộc sống bình yên; dùng thương lượng, đàm phán giải quyết mọi mâu thuẫn, xung đột giữa các dân tộc, tôn giáo và quốc gia, không để xảy ra chiến tranh hay xung đột vũ trang.</p> <p>Hoà bình mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc và bình yên cho mỗi người, mỗi gia đình và xã hội; Bảo vệ hoà bình để ngăn chặn chiến tranh, nhằm phát triển kinh tế - xã hội; thúc đẩy và xây dựng các mối quan hệ bình đẳng, hữu nghị, hợp tác giữa các quốc gia, dân tộc.</p> <p>Biện pháp bảo vệ hoà bình:</p> <p>Chủ động giải quyết mâu thuẫn bằng biện pháp hoà bình qua thương lượng, đàm phán.</p> <p>Giải quyết mâu thuẫn khi xảy ra xung đột, mâu thuẫn căn cứ theo pháp luật quốc tế, dựa trên công lí và chính nghĩa, không thoả hiệp vô nguyên tắc với tội ác và bất công xã hội.</p> <p>Trách nhiệm của học sinh</p> <p>Học sinh cần học điều hay, lẽ phải; học cách sống hài hoà, văn minh; biết giải quyết các mâu thuẫn bằng hoà giải; chủ động can ngăn các bất đồng; hưởng ứng các phong trào về hoà bình mà trường, lớp tổ chức; biết tôn trọng và không phân biệt kì thị văn hoá, dân</p>

3. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em đồng tình/ không đồng tình với ý kiến nào sau đây? Vì sao?

- a) Hoà bình là khát vọng của những nước đang có chiến tranh.
- b) Hoà bình, hợp tác, liên kết và phát triển vẫn là xu thế tất yếu của thời đại.
- c) Mỗi quốc gia có ý thức xây dựng mối quan hệ tôn trọng, bình đẳng, thân thiện sẽ góp phần bảo vệ hoà bình.
- d) Bảo vệ hoà bình là trách nhiệm của những nước có tiềm năng quân sự.
- a) **Mục tiêu.** Rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến nội dung hoà bình, bảo vệ hoà bình
- b) **Nội dung.** HS làm việc cá nhân, viết câu trả lời cho từng ý kiến vào giấy, vở hoặc phiếu học tập.

Em đồng tình/ không đồng tình với ý kiến nào sau đây? Vì sao?

c) Sản phẩm.

- a. Không đồng tình, vì khát vọng hoà bình đã trở thành lẽ sống của các dân tộc, các quốc gia trên toàn thế giới (cả các nước đang được sống trong hoà bình) và là động lực to lớn trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đối với mỗi dân tộc, quốc gia và thực hiện trách nhiệm của mỗi quốc gia, dân tộc đối với nền hoà bình trên toàn thế giới.
- b. Đồng tình, vì thế giới hiện nay đang trong tiến trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế nên xu thế tất yếu của thời đại chính là hoà bình, hợp tác, liên kết và phát triển.
- c. Đồng tình, vì đây là một trong các biện pháp góp phần bảo vệ nền hoà bình của thế giới.
- d. Không đồng tình, vì bảo vệ hoà bình là trách nhiệm chung của tất cả các quốc gia, dân tộc để giữ gìn nền hoà bình chung của toàn nhân loại.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

HS làm việc cá nhân, viết câu trả lời cho từng ý kiến vào giấy, vở hoặc phiếu học tập.

Em đồng tình/ không đồng tình với ý kiến nào sau đây? Vì sao?

Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm 5 – 6 HS chơi, đứng thành đội hình vòng tròn. Ai trả lời sai/trùng với đáp án của người trả lời trước/sau 10 giây không trả lời được sẽ bị loại. Người còn lại cuối cùng sẽ thắng.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được những biểu hiện của hòa bình

Câu 2. Em hãy quan sát các hình ảnh sau và trả lời câu hỏi:

- a) **Mục tiêu.** HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến các hành vi và biểu hiện của hòa bình và bảo vệ hòa bình
- b) **Nội dung.** GV giao nhiệm vụ HS tự nghiên cứu bài tập 2 trong SGK: Em hãy quan sát các hình ảnh sau và trả lời câu hỏi:

Em có nhận xét gì về hành động góp phần bảo vệ hoà bình của các bạn trong những hình ảnh trên?

Hãy kể về một số việc em đã làm để góp phần bảo vệ hoà bình. Cảm xúc của em khi đó như thế nào?

c) Sản phẩm.

+ Cả bốn bức tranh đều là những việc tích cực, đúng đắn thể hiện trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với việc giữ gìn và bảo vệ hoà bình.

Tranh 1: Bạn nam tham gia vào hoạt động tuyên truyền (vẽ tranh cổ động) về các việc làm góp phần bảo vệ hoà bình. Đây là việc làm đúng, thực hiện trách nhiệm của một người HS đối với việc bảo vệ nền hoà bình.

Tranh 2: Các bạn HS tham gia lưu văn hoá với quốc gia láng giềng, thể hiện sự tôn trọng nền văn hoá, truyền thống của các dân tộc, quốc gia khác nhằm củng cố, xây dựng tinh thần hợp tác, hoà

bình.

Tranh 3: Bạn nữ tham gia cuộc thi viết thư với thông điệp “Nói không với chiến tranh” nhằm góp phần tuyên truyền nâng cao ý thức phòng chống chiến tranh để **bảo** vệ nền hoà bình.

Tranh 4: Nhiều người tham gia giải chạy vì hoà bình để rèn luyện và hình thành thói quen tập luyện thể dục, thể thao, từ đó nâng cao sức khoẻ để phục vụ học tập, lao động, sản xuất, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, thông qua giải chạy này nhằm lan toả thông điệp bảo **vệ** hoà bình.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ HS tự nghiên cứu bài tập 2 trong SGK: Em hãy quan sát các hình ảnh sau và trả lời câu hỏi:

Em có nhận xét gì về hành động góp phần bảo vệ hoà bình của các bạn trong những hình ảnh trên?

Hãy kể về một số việc em đã làm để góp phần bảo vệ hoà bình. Cảm xúc của em khi đó như thế nào?

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để hiểu rõ được những ý nghĩa của việc biểu hiện của hòa bình và biện pháp bảo vệ hòa bình

Câu 3. Em hãy kể tên một địa điểm trên thế giới đã từng xảy ra chiến tranh, khủng bố hoặc xung đột vũ trang gần đây và cho biết nguyên nhân, hậu quả của cuộc chiến tranh, khủng bố hoặc xung đột vũ trang đó.

Theo em, mỗi cá nhân, tổ chức cần làm gì để phòng chống chiến tranh, khủng bố và xung đột vũ trang?

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến trách nhiệm của công dân trong việc đấu tranh để bảo vệ hòa bình

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi (Bài tập 3 trong SGK). *Em hãy kể tên một địa điểm trên thế giới đã từng xảy ra chiến tranh, khủng bố hoặc xung đột vũ trang gần đây và cho biết nguyên nhân, hậu quả của cuộc chiến tranh, khủng bố hoặc xung đột vũ trang đó.*

Theo em, mỗi cá nhân, tổ chức cần làm gì để phòng chống chiến tranh, khủng bố và xung đột vũ trang?

c) Sản phẩm.

Mỗi cá nhân, tổ chức cần phòng, chống chiến tranh, khủng bố và xung đột vũ trang:

+ *Đối với cá nhân:* Có ý thức bảo vệ hoà bình mọi lúc mọi nơi, tùy vào khả năng của mình; ngăn chặn những âm mưu chống phá, gây chiến tranh phá hoại của các thế lực thù địch; tích cực tham gia đấu tranh vì hoà bình và chống chiến tranh tại các khu vực bất ổn hiện nay trên thế giới; không phân biệt đối xử về giới tính, năng lực, màu da, tôn giáo; tôn trọng nền văn hoá, truyền thống của các dân tộc, quốc gia khác; giao lưu với bạn bè trên thế giới; tham gia các hoạt động thiện nguyện như: viết thư; gửi áo ấm, sách vở,... cho trẻ em và nhân dân tại những vùng có chiến tranh, nghèo đói; tham gia các cuộc thi vẽ tranh về hoà bình; tham gia các diễn đàn vì hoà bình do nhà trường, địa phương tổ chức;...

+ *Đối với Nhà nước:* Chủ động dùng thương lượng, đàm phán giải quyết mọi mâu thuẫn, xung đột giữa các dân tộc, tôn giáo và quốc gia, không để xảy ra chiến tranh hay xung đột vũ trang; giải quyết mâu thuẫn theo pháp luật quốc tế, dựa trên công lý và chính nghĩa, không thoả hiệp vô nguyên tắc với tội ác và bất công xã hội; tham gia lực lượng giữ gìn hoà bình thế giới;...

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi (Bài tập 3 trong SGK). *Em hãy kể tên một địa điểm trên thế giới đã từng xảy ra chiến tranh, khủng bố hoặc xung đột vũ trang gần đây và cho biết nguyên nhân, hậu quả của cuộc chiến tranh, khủng bố hoặc xung đột vũ trang đó.*

Theo em, mỗi cá nhân, tổ chức cần làm gì để phòng chống chiến tranh, khủng bố và xung đột vũ trang?

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân: suy nghĩ và thực hiện

Thảo luận nhóm đôi để nêu ý nghĩa của các việc làm, viết kết quả thảo luận vào nháp/ phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ hòa bình.

Câu 4. Em hãy sưu tầm một số câu nói mang tính chất tuyên ngôn về hoà bình và bảo vệ hoà bình của một số nguyên thủ quốc gia và cho biết ý nghĩa của các câu nói đó.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến trách nhiệm của công dân trong việc đấu tranh để bảo vệ hòa bình

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi (Bài tập 4 trong SGK). *Em hãy sưu tầm một số câu nói mang tính chất tuyên ngôn về hoà bình và bảo vệ hoà bình của một số nguyên thủ quốc gia và cho biết ý nghĩa của các câu nói đó.*

c) Sản phẩm.

- Câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”

- Ý nghĩa của câu nói đó: “Không có gì quý hơn độc lập tự do” là sự thể hiện ý chí kiên cường, bất khuất của dân tộc Việt Nam đã được hun đúc qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước. Đó là một chân lý, một chân lý bất hủ, có ý nghĩa lý luận, thực tiễn và giá trị thời đại sâu sắc. Đó cũng là mục tiêu chiến đấu, là nguồn sức mạnh làm nên chiến thắng của nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh vĩ đại vì độc lập tự do, vì sự tồn tại và phát triển của dân tộc. Đồng thời tư tưởng đó cũng là nguồn cổ vũ, động viên to lớn đối với nhân loại tiến bộ, đặc biệt đối với các dân tộc bị áp bức trên thế giới trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, tự do, hạnh phúc.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi (Bài tập 4 trong SGK). *Em hãy sưu tầm một số câu nói mang tính chất tuyên ngôn về hoà bình và bảo vệ hoà bình của một số nguyên thủ quốc gia và cho biết ý nghĩa của các câu nói đó.*

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân: suy nghĩ và thực hiện

Thảo luận nhóm đôi để nêu ý nghĩa của các việc làm, viết kết quả thảo luận vào nháp/ phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện bảo vệ hòa bình.

4. Hoạt động: Vận dụng

Câu 1: Em hãy sưu tầm hình ảnh về hoạt động bảo vệ hoà bình, chống chiến tranh của nhân dân Việt Nam và các nước trên thế giới và viết lời bình cho hoạt động đó.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới có ý thức tham gia các hoạt động bảo vệ hòa bình một cách phù hợp

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập Vận dụng số 1 trong SGK theo nhóm và hướng dẫn HS thực hiện bài tập này ở trường, ở nhà: *Em hãy sưu tầm hình ảnh về hoạt động bảo vệ hoà bình, chống chiến tranh của nhân dân Việt Nam và các nước trên thế giới và viết lời bình*

cho hoạt động đó

c) Sản phẩm.

HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà, sưu tầm tranh ảnh có nội dung về hoạt động bảo vệ hoà bình, chống chiến tranh của nhân dân Việt Nam và các nước trên thế giới; đồng thời viết lời bình cho hoạt động đó.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập Vận dụng số 1 trong SGK theo nhóm và hướng dẫn HS thực hiện bài tập này ở trường, ở nhà: *Em hãy sưu tầm hình ảnh về hoạt động bảo vệ hoà bình, chống chiến tranh của nhân dân Việt Nam và các nước trên thế giới và viết lời bình cho hoạt động đó*

c) Sản phẩm.

Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ, ghi lại kết quả thông qua các hình ảnh, video tái hiện việc thực hiện kế hoạch hoặc báo cáo kết quả bằng số liệu cụ thể của việc thực hiện kế hoạch.

Báo cáo, thảo luận

GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thực hiện bài tập này vào hoạt động khởi động của tiết học tuần kế tiếp.

Kết luận, nhận định

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập, chọn các nhóm làm tốt để chấm điểm đưa vào điểm đánh giá thường xuyên.

Câu 2: Em hãy viết đoạn văn bày tỏ quan điểm về câu nói sau: Hoà bình là đức hạnh của nhân loại. Chiến tranh là tội ác.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập Vận dụng số 2 trong SGK và hướng dẫn HS thực hiện bài tập này ở nhà.

Em hãy viết đoạn văn bày tỏ quan điểm về câu nói sau: Hoà bình là đức hạnh của nhân loại. Chiến tranh là tội ác.

c) Sản phẩm.

- Học sinh biết vận dụng các kiến thức đã học để nhìn nhận, đánh giá các biện pháp nhằm góp phần bảo vệ hòa bình một cách phù hợp

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập Vận dụng số 2 trong SGK và hướng dẫn HS thực hiện bài tập này ở nhà.

Em hãy viết đoạn văn bày tỏ quan điểm về câu nói sau: Hoà bình là đức hạnh của nhân loại. Chiến tranh là tội ác.

c) Sản phẩm.

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.

Báo cáo, thảo luận

GV mời 1 – 2 HS báo cáo kết quả thực hiện bài tập này vào hoạt động khởi động của tiết học tuần kế tiếp.

Kết luận, nhận định

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập, chọn 5 – 10 bài viết của HS để chấm điểm đưa vào điểm đánh giá thường xuyên.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY
BÀI 6. QUẢN LÝ THỜI GIAN HIỆU QUẢ
(3 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức

- Hiểu được thế nào là quản lý thời gian hiệu quả.
- Nhận biết được sự cần thiết phải quản lý thời gian hiệu quả.
- Nêu được cách quản lý thời gian hiệu quả.

2. Năng lực

- Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quản lý thời gian hiệu quả.
- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến việc quản lý thời gian hiệu quả
- Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong quản lý thời gian hiệu quả

- Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội về quản lý thời gian hiệu quả; Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, tình huống về quản lý thời gian cá nhân

- Năng lực điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân: Nhận thức được những ưu tiên trong cuộc sống, những việc cần làm và những việc muốn làm để có thể sắp xếp thời gian và công việc một cách hợp lý. Thiết lập được thời gian biểu phù hợp để thực hiện được các mục tiêu cá nhân.

3. Phẩm chất

- Có trách nhiệm trong việc quản lý thời gian để đạt hiệu quả trong học tập, công việc và cuộc sống.
- Chăm chỉ, luôn vươn lên để đạt kết quả tốt trong học tập, lao động và các hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi
- Có trách nhiệm trong việc xác định quản lý thời gian cá nhân

4. Nội dung tích hợp

a. Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ: Nhận biết được sự cần thiết phải quản lý thời gian hiệu quả.

- **Cách thức thực hiện:** GV kể các câu chuyện về hoạt động quản lý thời gian của Bác Hồ. *Qua câu chuyện về quản lý thời gian của Bác Hồ gv hướng dẫn học sinh rút ra được bài học cho bản thân.*

b. Tích hợp tư tưởng Hồ Chí Minh

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: *Nêu được cách quản lý thời gian hiệu quả*

- **Cách thức thực hiện:** *Giáo viên nêu một số câu chuyện về phương pháp quản lý thời gian của Bác Hồ. Qua câu chuyện, giáo viên yêu cầu học sinh rút ra được bài học cho bản thân.*

c. Tích hợp khung năng lực số và AI

- **Các năng lực số có thể tích hợp:** NL: 5.3. **Sử dụng sáng tạo công nghệ số:** Sử dụng được các công cụ và công nghệ số để từng bước làm chủ bản thân. Biết ứng dụng công nghệ số để quản lý thời gian của cá nhân một cách phù hợp

- **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** NLb: Đạo đức AI: Đánh giá các nguyên tắc đạo đức AI trong các tình huống thực tế; sử dụng AI có trách nhiệm trong việc quản lý thời gian của bản thân

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Công dân 9;
- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động: Mở đầu

a) **Mục tiêu.** HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới. Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập của HS và kết nối với bài học mới.

b) **Nội dung.** GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện yêu cầu sau:

Em hãy chia sẻ những điều mình cảm thấy hài lòng và chưa hài lòng trong việc phân bổ và quản lý thời gian hằng ngày của bản thân.

c) **Sản phẩm.** Học sinh bước đầu biết và chỉ ra được những biểu hiện của việc sắp xếp và phân bổ thời gian một cách phù hợp với lứa tuổi

- Những điều em cảm thấy hài lòng:
- + Sắp xếp các công việc hợp lý, khoa học.
- + Biết sử dụng một số công cụ hỗ trợ việc quản lý thời gian, như: Trello; Google keep,...
- Những điều em cảm thấy chưa hài lòng:
- + Đôi khi thiếu linh động trong việc xử lý các công việc phát sinh ngoài kế hoạch.
- + Trong quá trình thực hiện các công việc, đôi khi em bị mất tập trung.
- + Em dành nhiều thời gian cho việc giải trí qua các thiết bị điện tử (điện thoại, laptop, Ipad,

...)

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện yêu cầu sau:

Em hãy chia sẻ những điều mình cảm thấy hài lòng và chưa hài lòng trong việc phân bổ và quản lý thời gian hằng ngày của bản thân.

Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình
- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Ai cũng có thời gian 24 giờ một ngày, 365 ngày một năm nhưng có người làm được nhiều việc, có người lại không làm được bao nhiêu. Điều này tùy thuộc vào cách quản lý thời gian của mỗi người. Quản lý thời gian hiệu quả giúp chúng ta nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc, tạo dựng được cuộc sống tốt đẹp.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu khái niệm quản lý thời gian hiệu quả và sự cần thiết phải quản lý thời gian hiệu quả

a) Mục tiêu. HS nhận biết được thế nào là quản lý thời gian hiệu quả và sự cần thiết phải quản lý thời gian hiệu quả.

b) Nội dung. - GV yêu cầu HS đọc các trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Trong các trường hợp trên, bạn nào quản lý thời gian hiệu quả/không hiệu quả? Vì sao?

2/ Em hãy nêu ví dụ về việc quản lý thời gian hiệu quả và cho biết quản lý thời gian hiệu quả mang lại những lợi ích gì.

Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- Mức độ tích hợp: Tích hợp liên hệ: Nhận biết được sự cần thiết phải quản lý thời gian hiệu quả.

- Cách thức thực hiện: GV kể các câu chuyện về hoạt động quản lý thời gian của Bác Hồ. Qua câu chuyện về quản lý thời gian của Bác Hồ gv hướng dẫn học sinh rút ra được bài học cho bản thân.

c. Tích hợp khung năng lực số và AI

- Các năng lực số có thể tích hợp: NL: 5.3. Sử dụng sáng tạo công nghệ số: Sử dụng được các công cụ và công nghệ số để từng bước làm chủ bản thân. Biết ứng dụng công nghệ số để quản lý thời gian của cá nhân một cách phù hợp

- Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI: NLb: Đạo đức AI: Đánh giá các nguyên tắc đạo đức AI trong các tình huống thực tế; sử dụng AI có trách nhiệm trong việc quản lý thời gian của bản thân

- Cách thức thực hiện: Giáo viên hướng dẫn học sinh khai thác các thông tin trên môi trường số và ứng dụng AI một cách phù hợp để nâng cao năng lực của bản thân, hỗ trợ quá trình quản lý thời gian một cách tối ưu và hiệu quả cao

c) Sản phẩm.

+ Trong các trường hợp trên, bạn K và H quản lý thời gian không hiệu quả, bạn M quản lý thời gian hiệu quả, vì:

• Trường hợp 1: Bạn K quản lí thời gian không hiệu quả vì bạn K có rất nhiều công việc cần thực hiện nhưng lại không lên kế hoạch thời gian cụ thể, chưa sắp xếp và ưu tiên những việc cần làm như việc học tập, hoạt động ngoại khoá và thời gian đi chơi. Bên cạnh đó, bạn K còn lãng phí thời gian khi mãi xem ti vi mà quên cả thời gian học bài.

• Trường hợp 2: Bạn H quản lí thời gian không hiệu quả vì dù bạn đã có kế hoạch công việc nhưng lại bị sao nhãng bởi việc nói chuyện điện thoại, mạng xã hội, thiết bị điện tử dẫn đến kết quả là không quản lí tốt thời gian, không thực hiện được kế hoạch đã đặt ra.

• Trường hợp 3: Bạn M quản lí thời gian hiệu quả vì bạn đã xây dựng kế hoạch công việc, quản lí, sắp xếp, phân bổ thời gian hợp lí và tuân thủ kế hoạch đã đề ra và hoàn thành được hết các công việc.

+ Ví dụ về quản lí thời gian hiệu quả: Biết sắp xếp và phân bổ thời gian một cách hợp lí để đạt được hiệu quả cao nhất trong công việc, học tập hay hoạt động hằng ngày; phân bổ và sử dụng thời gian hợp lí, không lãng phí thời gian vào những việc vô ích, không hướng tới mục tiêu, tập trung hoàn thành công việc đã đề ra, không bị sao nhãng, không trì hoãn.

Những lợi ích của việc quản lí thời gian hiệu quả: Chủ động trong cuộc sống, nâng cao năng suất và hiệu quả công việc, giảm áp lực và căng thẳng, đạt được mục tiêu công việc đã đề ra, cân bằng cuộc sống, hạn chế thói quen xấu, có thời gian dành cho những việc yêu thích, từng bước hoàn thiện bản thân,...

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc các trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi:</p> <p>1/ Trong các trường hợp trên, bạn nào quản lí thời gian hiệu quả/không hiệu quả? Vì sao?</p> <p>2/ Em hãy nêu ví dụ về việc quản lí thời gian hiệu quả và cho biết quản lí thời gian hiệu quả mang lại những lợi ích gì.</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh đọc thông tin.</p> <p>- Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.</p> <p>Báo cáo, thảo luận</p> <p>HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm đôi, lần lượt viết câu trả lời ra nháp/phiếu học tập.</p> <p>Kết luận, nhận định</p> <p>- Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét</p> <p>Quản lí thời gian hiệu quả giúp ta chủ động trong cuộc sống, công việc; nâng cao năng suất, hiệu quả công việc; giảm áp lực, tạo động lực, từng bước hoàn thiện bản thân.</p>	<p>1. Quản lí thời gian hiệu quả và sự cần thiết phải quản lí thời gian hiệu quả.</p> <p>- Quản lí thời gian hiệu quả là biết cách sắp xếp, sử dụng thời gian hợp lí, không lãng phí để hoàn thành công việc theo kế hoạch đã đề ra.</p> <p>- Quản lí thời gian hiệu quả giúp ta chủ động trong cuộc sống, công việc; nâng cao năng suất, hiệu quả công việc; giảm áp lực, tạo động lực, từng bước hoàn thiện bản thân.</p>

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Cách quản lí thời gian hiệu quả

a) Mục tiêu. HS nêu được các bước để quản lí thời gian hiệu quả và thực hiện được kĩ năng quản lí thời gian hiệu quả..

b) Nội dung.

GV mời hai HS lần lượt đọc to cho cả lớp nghe nội dung các bước để quản lí thời gian hiệu quả trong SGK.

GV cho HS nghiên cứu các bước quản lí thời gian hiệu quả, có thể sơ đồ hoá nội dung. HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi:

1/ Dựa vào thông tin trên, em hãy giúp bạn K và H ở mục 1 có cách quản lí thời gian hiệu quả hơn.

2/ Theo em, để quản lí thời gian hiệu quả cần thực hành những kĩ năng nào?

3/ Vận dụng cách quản lí thời gian đã học, em hãy xây dựng kế hoạch thời gian và sắp xếp mức độ ưu tiên cho những công việc cần hoàn thành của bản thân trong một tuần

Tích hợp tư tưởng Hồ Chí Minh

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: *Nêu được cách quản lý thời gian hiệu quả*

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên nêu một số câu chuyện về phương pháp quản lý thời gian của Bác Hồ. Qua câu chuyện, giáo viên yêu cầu học sinh rút ra được bài học cho bản thân.

Trong kháng chiến chống Pháp, một đồng chí cấp tướng đến làm việc với Bác sai hẹn mất 15 phút, tất nhiên là có lý do: Mưa to, tuổi già, ngựa không qua được. Bác bảo:

- Chú làm tướng mà chậm đi mất 15 phút thì bộ đội của chú sẽ hiệp đồng sai đi bao nhiêu? Hôm nay chú đã chủ quan, không chuẩn bị đầy đủ các phương án, nên chú đã không giành được chủ động.

Một lần khác, Bác và đồng bào phải đợi một đồng chí cán bộ đến để bắt đầu cuộc họp. Bác hỏi:

- Chú đến chậm mấy phút?

- Thưa Bác, chậm mất 10 phút ạ!

- Chú tính thế không đúng, 10 phút của chú phải nhân với 500 người đợi ở đây.

Bác quý thời gian của mình bao nhiêu thì cũng quý thời gian của người khác bấy nhiêu, vì vậy thường không bao giờ để bất cứ ai phải đợi mình.

Năm 1953, Bác quyết định đến thăm lớp chính huấn của anh chị em trí thức, lúc đó đang bước vào cuộc đấu tranh tư tưởng gay go. Tin vui đến làm náo nức cả lớp học, mọi người hồi hộp chờ đợi.

Bỗng chuyển trời đột ngột, mây đen ùn ùn kéo tới, rồi một cơn mưa dầm dập, xối xả, tối đất, tối trời, hai ba tiếng đồng hồ không dứt. Ai cũng xuýt xoa, tiếc rẻ: Mưa thế này, Bác đến sao được nữa, trời hại quá.

Giữa lúc trời đang trút nước, lòng người đang thất vọng, thì từ ngoài hiên lớp học có tiếng rì rào, rồi bật lên thành tiếng reo át cả tiếng mưa ngàn, tuổi già:

- Bác đến rồi, anh em ơi! Bác đến rồi!

Trong chiếc áo mưa ướt sũng nước, quần xắn đến quá đầu gối, đầu đội nón, Bác hiện ra giữa niềm ngạc nhiên, hân hoan và sung sướng của tất cả mọi người.

Về sau, anh em được biết: Giữa lúc Bác chuẩn bị đến thăm lớp thì trời đổ mưa to. Các đồng chí làm việc bên cạnh Bác đề nghị Bác cho báo hoãn đến một buổi khác. Có đồng chí đề nghị tập trung lớp học ở một địa điểm gần nơi ở của Bác...

Nhưng Bác không đồng ý: "Đã hẹn thì phải đến, đến cho đúng giờ, đợi trời tạnh thì biết đến khi nào? Thà chỉ một mình Bác và một vài chú nữa chịu ướt còn hơn để cho cả lớp học phải chờ uống công!".

Ba năm sau, giữa thủ đô Hà Nội đang vào xuân, câu chuyện có thêm một đoạn mới. Vào dịp tết cổ truyền của dân tộc, hàng trăm đại biểu các tầng lớp nhân dân thủ đô tập trung tại Ủy ban Hành chính thành phố để lên chúc tết Bác Hồ. Sắp đến giờ lên đường, trời bỗng đổ mưa như trút. Giữa lúc mọi người còn đang lúng túng thu xếp phương tiện cho đoàn đi để Bác khỏi phải chờ lâu thì bỗng xịch, một chiếc xe đậu trước cửa. Bác Hồ từ trên xe bước xuống, cầm ô đi vào, lần lượt bắt tay, chúc tết mỗi người, trong nỗi bất ngờ rưng rưng cảm động của các đại biểu.

Thì ra, thấy trời mưa to, thông cảm với khó khăn của ban tổ chức và không muốn các đại biểu vì mình mà vất vả, Bác chủ động, tự thân đến tại chỗ chúc tết các đại biểu trước. Thật đúng là mỗi hằng tâm của một lãnh tụ suốt đời quên mình, chỉ nghĩ đến nhân dân, cho đến tận phút lâm chung, vẫn không quên dặn lại: "Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức diếu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thời giờ và tiền bạc của nhân dân".

Câu chuyện như một cảnh trong bộ phim tư liệu về một bài học triết lý sâu sắc về sử dụng hiệu quả quỹ thời gian, luôn hết sức tiết kiệm, không để lãng phí. Càng quý thời gian của mình bao nhiêu, Bác càng quý thời gian của người khác bấy nhiêu.

c) Sản phẩm.

+ Giúp bạn K và H có cách quản lý thời gian hiệu quả hơn:

Trường hợp 1: Bạn K có nhiều công việc cần thực hiện nên cần lên kế hoạch thời gian cho từng công việc. Cụ thể, bạn K cần lập danh sách những việc mình cần hoàn thành, xác định thời hạn của mỗi công việc, đặt mức độ ưu tiên. Ví dụ, ưu tiên việc học tập, rồi các hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ. Nếu có bạn rủ đi chơi cần phân bổ thời gian hợp lý để đảm bảo vẫn thực hiện được các nhiệm vụ cần hoàn thành. Bạn K thường mãi xem ti vi mà quên thời gian thì cần lựa chọn biện pháp để hoàn thành công việc phù hợp, như nhờ bố mẹ nhắc nhở, đặt chuông đồng hồ báo giờ, lập nhóm học tập,... Ngoài ra, bạn cũng cần tập thói quen kỉ luật, loại bỏ yếu tố sao nhãng, có thể đặt ra những hình thức “thưởng”, “phạt” cho bản thân.

Trường hợp 2: Bạn H đã có kế hoạch và dự định đi ngủ lúc 10h tối. Vấn đề của bạn là bị sao nhãng, thiếu tập trung. Bạn H cần xác định cụ thể thời hạn cho từng công việc của mình và đặt mức độ ưu tiên cho các công việc. Bạn cũng cần lưu ý để không ôm đồm quá nhiều việc một lúc, dẫn đến quá tải, thức khuya dậy sớm, ngủ không đủ giấc, ảnh hưởng đến sức khỏe. Đặc biệt, để xử lý vấn đề sao nhãng, bạn H cần chọn biện pháp phù hợp với bản thân như học nhóm, nhờ bố mẹ nhắc nhở, đặt báo thức, có các hình thức thưởng phạt, hoặc có thể dán giấy nhắc việc, tắt điện thoại trong lúc học,...

+ Một số kĩ năng cần thực hành để quản lý thời gian hiệu quả:

- Xác định mục tiêu các công việc;
- Lập danh sách các công việc cần hoàn thành;
- Xác định thời hạn hoàn thành công việc;
- Lập kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch nếu cần thiết;
- Sắp xếp công việc theo thứ tự ưu tiên;
- Sử dụng các công cụ quản lý thời gian;
- Tìm kiếm sự hỗ trợ khi cần thiết;
- Tính kỉ luật và thói quen tự giác, chủ động công việc;
- Tập trung công việc.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV mời hai HS lần lượt đọc to cho cả lớp nghe nội dung các bước để quản lý thời gian hiệu quả trong SGK.</p> <p>GV cho HS nghiên cứu các bước quản lý thời gian hiệu quả, có thể sơ đồ hoá nội dung. HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi:</p> <p>1/ Dựa vào thông tin trên, em hãy giúp bạn K và H ở mục 1 có cách quản lý thời gian hiệu quả hơn.</p> <p>2/ Theo em, để quản lý thời gian hiệu quả cần thực hành những kĩ năng nào?</p> <p>3/ Vận dụng cách quản lý thời gian đã học, em hãy xây dựng kế hoạch thời gian và sắp xếp mức độ ưu tiên cho những công việc cần hoàn thành của bản thân trong một tuần</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. <p>Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra qua việc 	<p>2. Cách quản lý thời gian hiệu quả</p> <p>+ Xác định mục tiêu các công việc cần hoàn thành: xác định danh sách các công việc theo ngày, tuần, tháng; xác định thời hạn hoàn thành và đặt mức độ ưu tiên cho mỗi công việc.</p> <p>+ Xây dựng kế hoạch thực hiện công việc: Phân bổ thời gian hợp lý cho các công việc trong một khoảng thời gian nhất định; Lựa chọn biện pháp hoàn thành công việc phù hợp với đặc điểm bản thân cũng như hoàn cảnh sống; Điều chỉnh kế hoạch khi cần thiết.</p> <p>+ Thực hiện kế hoạch đã đề ra: kỉ luật, tuân thủ kế hoạch, tránh trì hoãn, “nước đến chân mới nhảy”; Loại bỏ những yếu tố gây mất tập trung, sao nhãng.</p>

<p>trả lời câu hỏi 1 và 2, 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. <p>Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét <p>Việc tuân thủ kế hoạch đề ra có vai trò vô cùng quan trọng giúp các chủ thể có thể thực hiện đúng kế hoạch đề ra, tuy nhiên khi thực hiện cần có sự điều chỉnh cho phù hợp</p>	
--	--

3. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em tán thành/ không tán thành với những quan điểm về quản lý thời gian dưới đây? Giải thích vì sao.

a) Làm được càng nhiều việc càng tốt trong một khoảng thời gian ngắn nhất.

b) Luôn dành thời gian cho những việc mình muốn làm.

c) Chủ động sắp xếp công việc hợp lý và biết mình cần hoàn thành những công việc gì, có bao nhiêu thời gian.

a) Mục tiêu. Rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến quản lý thời gian hiệu quả

b) Nội dung. GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm, phân công mỗi nhóm thảo luận một ý kiến của bài tập 1 trong SGK, sau đó mời đại diện nhóm lên trình bày trước lớp, các nhóm khác lắng nghe và đưa ra ý kiến tranh luận, bổ sung

c) Sản phẩm.

- **Quan điểm a)** Không đồng tình, vì: trường hợp làm nhiều việc trong cùng một thời gian, nhưng chất lượng các công việc đó không tốt, thì cũng không được coi là quản lý thời gian hiệu quả.

- **Quan điểm b)** Không đồng tình, vì: quản lý thời gian hiệu quả là sắp xếp, sử dụng thời gian hợp lý để hoàn thành tốt những công việc mình cần làm.

- **Quan điểm c)** Đồng tình, vì: việc chủ động sắp xếp công việc hợp lý và biết mình cần hoàn thành những công việc gì, có bao nhiêu thời gian – đó là một bước quan trọng trong việc thiết lập kế hoạch thực hiện công việc.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm, phân công mỗi nhóm thảo luận một ý kiến của bài tập 1 trong SGK, sau đó mời đại diện nhóm lên trình bày trước lớp, các nhóm khác lắng nghe và đưa ra ý kiến tranh luận, bổ sung

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc tại nhà, giáo viên căn cứ điều kiện để các học sinh báo cáo kết quả trình bày trước lớp

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được vai trò của quản lý thời gian hiệu quả

Câu 2. Em hãy đọc câu danh ngôn dưới đây và viết bài thuyết trình về sự cần thiết của việc quản lý thời gian hiệu quả. Thời gian là cuộc sống, vì thế ai lãng phí thời gian là lãng phí chính cuộc đời của họ; ai làm chủ được thời gian thì làm chủ được cuộc sống. (Alan Lakein)

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến sự cần thiết phải quản lý thời gian hiệu quả

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ HS tự nghiên cứu bài tập 2 trong SGK: Em hãy đọc câu danh ngôn dưới đây và viết bài thuyết trình về sự cần thiết của việc quản lý thời gian hiệu quả. Thời gian là cuộc sống, vì thế ai lãng phí thời gian là lãng phí chính cuộc đời của họ; ai làm chủ được thời gian thì làm chủ được cuộc sống. (Alan Lakein)

c) Sản phẩm.

Một số ý chính về sự cần thiết như:

+ Thời gian là cuộc sống, mỗi người chỉ có thời gian sống hữu hạn. Lãng phí thời gian là lãng phí chính cuộc đời của mình. Nếu lãng phí thời gian cho những việc làm vô ích như lướt mạng xã hội, chơi điện tử, ngủ gật trong giờ học,... thì chính là đang lãng phí cuộc đời mình. Việc lãng phí thời gian như vậy không chỉ khiến con người mất đi nhiều cơ hội quý giá mà còn kéo xa hơn khoảng cách đến với thành công, làm bản thân người đó bị thụt lùi so với cộng đồng.

+ Những người biết quản lý và sử dụng thời gian hiệu quả sẽ có được sự chủ động trong cuộc sống, nâng cao năng suất, hiệu quả công việc, giảm áp lực, tạo động lực, hoàn thiện bản thân, gạt hái được nhiều thành tựu.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ HS tự nghiên cứu bài tập 2 trong SGK: Em hãy đọc câu danh ngôn dưới đây và viết bài thuyết trình về sự cần thiết của việc quản lý thời gian hiệu quả. Thời gian là cuộc sống, vì thế ai lãng phí thời gian là lãng phí chính cuộc đời của họ; ai làm chủ được thời gian thì làm chủ được cuộc sống. (Alan Lakein)

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để hiểu rõ được những ý nghĩa của việc quản lý thời gian

Câu 3. Em hãy nhận xét cách quản lý thời gian của các bạn dưới đây và tư vấn giúp các bạn cách làm hiệu quả hơn.

a) Ngoài việc học tập chăm chỉ để đạt danh hiệu Học sinh Giỏi, N còn đăng kí tham gia câu lạc bộ cầu lông, nấu ăn, hoạt động cộng đồng và cũng muốn tìm hiểu về chương trình hướng nghiệp. Tham gia nhiều hoạt động nên N thường bị quá tải và không biết phải làm thế nào để hoàn thành được hết các công việc.

b) M có thói quen làm việc ngẫu hứng, gặp việc gì làm việc đó nên thường không hoàn thành bài tập trên lớp đúng hạn.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến việc lập kế hoạch quản lý thời gian hiệu quả

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi (Bài tập 3 trong SGK).

Em hãy nhận xét cách quản lý thời gian của các bạn dưới đây và tư vấn giúp các bạn cách làm hiệu quả hơn.

c) Sản phẩm.

a. Bạn N đang quản lý thời gian không hiệu quả do ôm đồm nhiều việc cùng một lúc, lại chưa có kế hoạch công việc, không phân bổ thời gian cụ thể nên dẫn đến bị quá tải. Để quản lý thời gian hiệu quả hơn, bạn N cần xác định rõ mục tiêu công việc của mình, lập danh sách công việc cần hoàn thành, xác định thời hạn hoàn thành của các công việc. Đặc biệt, khi đặt mức độ ưu tiên và phân bổ thời gian cho các công việc cần xem xét số lượng công việc phù hợp với khả năng để tránh ôm đồm nhiều việc cùng một lúc. Bạn N vẫn có thể làm được tất cả những việc mình muốn, nhưng cần phân bổ trong thời gian hợp lý, sắp xếp linh hoạt để tránh bị quá tải.

b. Bạn M quản lý thời gian không hiệu quả do thói quen làm việc ngẫu hứng, chưa có mục tiêu các công việc cụ thể, rõ ràng cũng như kế hoạch thời gian cho các công việc. Bạn M cần xác định rõ mục tiêu công việc, từ đó lập danh sách những việc mình cần hoàn thành. Để dần điều chỉnh thói quen ngẫu hứng, gặp gì làm đó của mình, trong khi phân bổ thời gian, sắp xếp thứ tự ưu tiên, M có thể dành ra những khoảng trống, những ngày ít hoặc không có việc gì quan trọng để làm việc ngẫu hứng, nhưng vẫn cần lưu ý đến thời hạn hoàn thành của các công việc để đảm bảo đúng hạn, giữ kỉ luật bản thân

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi (Bài tập 3 trong SGK).

Em hãy nhận xét cách quản lý thời gian của các bạn dưới đây và tư vấn giúp các bạn cách làm hiệu quả hơn.

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân: suy nghĩ và thực hiện

Thảo luận nhóm đôi để nêu ý nghĩa của các việc làm, viết kết quả thảo luận vào nháp/ phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được nội dung cơ bản của các bước lập kế hoạch quản lý thời gian hiệu quả.

Câu 4. Em hãy liệt kê những kỹ năng quản lý thời gian và tự đánh giá xem mình đã thực hiện được những kỹ năng nào, cần thay đổi điều gì theo bảng gợi ý dưới đây:

Kỹ năng quản lý thời gian	Đã làm được	Chưa làm được	Kế hoạch thay đổi
Xác định mục tiêu công việc cần làm			

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến sự cần thiết phải quản lý thời gian hiệu quả

b) Nội dung. Em hãy liệt kê những kỹ năng quản lý thời gian và tự đánh giá xem mình đã thực hiện được những kỹ năng nào, cần thay đổi điều gì theo bảng gợi ý dưới đây:

c) Sản phẩm.

Kỹ năng quản lý thời gian	Đã làm được	Chưa làm được	Kế hoạch thay đổi
Xác định mục tiêu công việc cần làm	- Xác định thời hạn của mỗi công việc. - Đánh giá được mức độ ưu tiên của các công việc	- Đôi khi rơi vào tình trạng “ôm đồm”, thực hiện quá nhiều việc cùng một lúc.	- Nghiên cứu kỹ ma trận quản lý thời gian theo phương pháp Eisenhower.
Xây dựng kế hoạch thực hiện công việc	- Phân bổ thời gian hợp lý cho các công việc trong một khoảng thời gian nhất định. - Lựa chọn biện pháp hoàn thành công việc phù hợp với bản thân.	- Cứng nhắc trong việc thực hiện kế hoạch; thiếu linh hoạt trong việc xử lý các công việc phát sinh	- Sắp xếp công việc linh hoạt, tiết kiệm thời gian. - Thường xuyên đánh giá kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch khi có việc đột xuất hoặc vấn đề sức khỏe.
Thực hiện kế hoạch đã đề ra		- Còn mất tập trung, sao nhãng do sử dụng các thiết bị điện tử để giải trí.	- Khi không nhất thiết phải dùng các thiết bị điện tử, thì cất gọn hoặc để các thiết bị đó xa tầm mắt/ tầm với, xa không gian làm việc/ học tập. - Quy định cụ thể: trong một ngày chỉ dành một khoảng thời gian nhất định (vào một khung giờ nhất định) để giải trí bằng các

d) Tổ chức thực hiện**Giao nhiệm vụ học tập**

GV giao nhiệm vụ HS tự nghiên cứu bài tập 4 trong SGK: Em hãy liệt kê những kỹ năng quản lý thời gian và tự đánh giá xem mình đã thực hiện được những kỹ năng nào, cần thay đổi điều gì theo bảng gợi ý dưới đây:

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân
- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để hiểu rõ được những ý nghĩa của việc quản lý thời gian

4. Hoạt động: Vận dụng

Câu hỏi: Em hãy sử dụng một cuốn sổ để ghi chép và thực hiện bảng kế hoạch quản lý thời gian đã làm ở phần Khám phá. Sau mỗi tuần, hãy đánh giá và rút kinh nghiệm để hoàn thiện trong những tuần tiếp theo và chia sẻ kết quả với các bạn trong lớp.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập Vận dụng trong SGK và hướng dẫn HS thực hiện bài tập này ở nhà.

Em hãy sử dụng một cuốn sổ để ghi chép và thực hiện bảng kế hoạch quản lý thời gian đã làm ở phần Khám phá. Sau mỗi tuần, hãy đánh giá và rút kinh nghiệm để hoàn thiện trong những tuần tiếp theo và chia sẻ kết quả với các bạn trong lớp.

c) Sản phẩm.

- Học sinh biết vận dụng các kiến thức đã học để nhìn nhận, đánh giá và xây dựng được kế hoạch quản lý thời gian hiệu quả

d) Tổ chức thực hiện**Chuyển giao nhiệm vụ**

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập Vận dụng trong SGK và hướng dẫn HS thực hiện bài tập này ở nhà.

Em hãy sử dụng một cuốn sổ để ghi chép và thực hiện bảng kế hoạch quản lý thời gian đã làm ở phần Khám phá. Sau mỗi tuần, hãy đánh giá và rút kinh nghiệm để hoàn thiện trong những tuần tiếp theo và chia sẻ kết quả với các bạn trong lớp.

c) Sản phẩm.**Thực hiện nhiệm vụ**

HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.

Báo cáo, thảo luận

GV mời 1 – 2 HS báo cáo kết quả thực hiện bài tập này vào hoạt động khởi động của tiết học tuần kế tiếp.

Kết luận, nhận định

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập, chọn 5 – 10 bài viết của HS để chấm điểm đưa vào điểm đánh giá thường xuyên.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY
BÀI 7: THÍCH ỨNG VỚI THAY ĐỔI
(4 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.**1. Kiến thức**

- Nêu được một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình.
- Nhận biết được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống.
- Nêu được các biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống.

2. Năng lực

- Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về thích ứng với thay đổi.
- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thích ứng với thay đổi.
- Năng lực điều chỉnh hành vi: phân tích đánh giá được một số thích ứng với thay đổi trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý tình huống, tham gia các hoạt động thích ứng với thay đổi bản thân trong thực tiễn.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Chủ động tích cực tham gia vào các hoạt động thích ứng với thay đổi

Năng lực điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân: Nhận biết và điều chỉnh để thích ứng được với một số thay đổi (nếu có) trong cuộc sống của bản thân.

3. Phẩm chất

Trách nhiệm: Có trách nhiệm với cuộc sống của bản thân và những người xung quanh, hỗ trợ người gặp khó khăn trước những thay đổi trong hoàn cảnh sống.

Nhân ái: Trân trọng những giá trị hiện tại, tích cực chủ động tìm hiểu để điều chỉnh hành vi cho phù hợp

4. Nội dung tích hợp

a) Tích hợp quyền con người

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Nhận biết được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống.

b. Tích hợp quốc phòng an ninh

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Có trách nhiệm với cuộc sống của bản thân và những người xung quanh, hỗ trợ người gặp khó khăn trước những thay đổi trong hoàn cảnh sống

c. Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ: Nêu được một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình

d. Tích hợp khung năng lực số và AI

- **Các năng lực số có thể tích hợp: NL: 1.2_ Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số:** Phân tích, so sánh và đánh giá được độ tin cậy khi tiếp cận các thông tin qua môi trường số.

- **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** NLd: Thiết kế hệ thống AI: Xác định được các tình huống thực tiễn có thể và nên ứng dụng AI; để góp phần nâng cao kỹ năng thích ứng với sự thay đổi, đặc biệt là thay đổi của môi trường số.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Công dân 9;
- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động: Mở đầu

a) **Mục tiêu.** Gợi mở, khai thác những suy nghĩ, trải nghiệm của HS về những thay đổi và thái độ với những thay đổi trong cuộc sống để dẫn vào bài học.

b) **Nội dung.** GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện yêu cầu sau:

Em hãy nêu suy nghĩ của bản thân về câu danh ngôn sau:

Chúng ta không thể thay đổi hướng gió nhưng chúng ta có thể điều chỉnh cánh buồm.

c) **Sản phẩm.** Học sinh bước đầu biết và chỉ ra được những biểu hiện của việc thích ứng với thay đổi trong cuộc sống hàng ngày

- Trong cuộc sống, có nhiều yếu tố và tình huống không thể kiểm soát được, giống như hướng gió. Những thách thức và khó khăn này có thể làm cho chúng ta cảm thấy bất lực và mất kiểm soát.

Tuy chúng ta không thể thay đổi được các yếu tố ngoại cảnh, các tai ương bất ngờ ập đến, nhưng chúng ta có thể thay đổi cách tiếp cận và phản ứng của mình đối với những tình huống bất ngờ đó.

- Điều chỉnh cánh buồm trong trường hợp này tượng trưng cho việc thay đổi chiến lược, phương pháp hoặc hành động của chúng ta để phản ứng với tình huống hiện tại. Thay vì chống lại những rào cản không thể thay đổi, chúng ta có thể thích nghi và điều chỉnh bản thân để đạt được mục tiêu hoặc giải quyết vấn đề.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện yêu cầu sau:

Em hãy nêu suy nghĩ của bản thân về câu danh ngôn sau:

Chúng ta không thể thay đổi hướng gió nhưng chúng ta có thể điều chỉnh cánh buồm.

Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình

- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Cuộc sống luôn vận động và biến đổi không ngừng và những thay đổi có thể xảy đến bất cứ lúc nào. Những thay đổi này có thể đến từ hoàn cảnh bên ngoài hay từ bản thân mỗi người. Vì vậy, việc trang bị những kỹ năng cần thiết để thích ứng với thay đổi là rất cần thiết, giúp cho cuộc sống của mỗi người trở nên tốt đẹp hơn.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của em và gia đình

a) Mục tiêu. HS nêu được một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình.

b) Nội dung. GV yêu cầu HS đọc các trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi:

a. Em hãy nêu những thay đổi đã xảy ra và những ảnh hưởng của nó đến cuộc sống của các nhân vật trong những trường hợp trên.

b. Em hãy nêu thêm những thay đổi khác có thể xảy ra trong cuộc sống.

Tích hợp quyền con người

- Mức độ tích hợp: Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Nhận biết được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống.

- Cách thức thực hiện: Giáo viên căn cứ vào nội dung quyền con người để thiết kế các hoạt động tích hợp với các quyền con người nhằm giúp học sinh có cơ hội thể nghiệm, thử đưa ra cách xử lý hoạt động đó để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống.

Tích hợp khung năng lực số và AI

- Các năng lực số có thể tích hợp: NL: 1.2_ Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số: Phân tích, so sánh và đánh giá được độ tin cậy khi tiếp cận các thông tin qua môi trường số.

- Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI: NLd: Thiết kế hệ thống AI: Xác định được các tình huống thực tiễn có thể và nên ứng dụng AI; để góp phần nâng cao kỹ năng thích ứng với sự thay đổi, đặc biệt là thay đổi của môi trường số.

- Cách thức thực hiện. Giáo viên yêu cầu học sinh tự rút ra cho bản thân về các kỹ năng để bản thân thích ứng được với sự thay đổi của môi trường số

c) Sản phẩm.

a. Những thay đổi đã xảy ra và ảnh hưởng của nó đến cuộc sống của các nhân vật trong từng trường hợp:

+ Trường hợp 1: Thay đổi xảy đến với T là sự ra đi đột ngột của bà nội, người vẫn gần gũi, chăm sóc, tâm sự với bạn. T không chấp nhận được sự thật và đã nhốt mình trong phòng, khóc, chìm đắm trong đau buồn.

+ Trường hợp 2: Thay đổi xảy đến với V là việc gia đình phải sơ tán đến nơi ở tạm. Cuộc sống

bị ảnh hưởng do lũ quét nên giao thông bị gián đoạn, tài sản bị cuốn đi nên việc học tập, sinh hoạt gặp nhiều khó khăn.

+ Trường hợp 3: Thay đổi xảy ra với anh K là một tai nạn khiến anh bị thương ở tay. Ảnh hưởng của nó đến cuộc sống của anh K là khiến cho ước mơ trở thành nghệ sĩ piano của anh không thực hiện được.

b. Những thay đổi khác có thể xảy ra trong cuộc sống như:

+ Thay đổi hoàn cảnh sống: chuyển nhà, chuyển trường, bố mẹ đi làm xa, tài chính

gia đình gặp khó khăn,... tai nạn, chấn thương bị

+ Thay đổi về sức khỏe: tai nạn, chấn thương, bệnh hiểm nghèo của bản thân hay của người thân trong gia đình.

+ Sự ra đi của người thân.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS đọc các trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi:</p> <p>a. Em hãy nêu những thay đổi đã xảy ra và những ảnh hưởng của nó đến cuộc sống của các nhân vật trong những trường hợp trên.</p> <p>b. Em hãy nêu thêm những thay đổi khác có thể xảy ra trong cuộc sống.</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.</p> <p>Báo cáo, thảo luận HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm đôi, lần lượt viết câu trả lời ra nháp/phiếu học tập.</p> <p>Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét</p> <p>Thích ứng được với những thay đổi trong cuộc sống sẽ giúp chúng ta vượt qua khó khăn và sự thay đổi của hoàn cảnh, sống phù hợp với hoàn cảnh, không ngừng tự hoàn thiện và phát triển bản thân.</p>	<p>1. Một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của em và gia đình. Một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình như: sức khỏe, môi trường sống, hoàn cảnh gia đình, sự ra đi của người thân,...</p> <p>Thích ứng được với những thay đổi trong cuộc sống sẽ giúp chúng ta vượt qua khó khăn và sự thay đổi của hoàn cảnh, sống phù hợp với hoàn cảnh, không ngừng tự hoàn thiện và phát triển bản thân.</p>

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Một số biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống

a) Mục tiêu.

- HS nêu được các biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống.

- HS nhận biết được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống.

- HS biết áp dụng để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống của bản thân (nếu có) hoặc tư vấn cho bạn bè.

b) Nội dung.

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, nghiên cứu các cách để thích ứng với sự thay đổi, có thể sơ đồ hoá nội dung. Sau đó, HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi:

a. Theo em, việc chấp nhận sự thay đổi, giữ bình tĩnh và tìm cách giải quyết vấn đề có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi người khi phải đối mặt với thay đổi lớn trong cuộc sống?

b. Em hãy áp dụng thông tin trên để tư vấn giúp bạn T và V ở mục 1 có cách thích ứng phù hợp.

c. Theo em, việc thích ứng được với những thay đổi trong cuộc sống có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi người?

Tích hợp quốc phòng an ninh

- Mức độ tích hợp: Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Có trách nhiệm với cuộc sống của bản thân và những người xung quanh, hỗ trợ người gặp khó khăn trước những thay đổi trong hoàn cảnh sống

- Cách thức thực hiện: Học sinh tìm hiểu các ví dụ để xác định được trách nhiệm của học sinh tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- Mức độ tích hợp: Tích hợp liên hệ: Nêu được một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình

- Cách thức thực hiện: Qua câu chuyện về sự biến đổi của thế giới trước cách mạng công nghiệp 4.0, yêu cầu của thời đại hội nhập. Đặt ra cho HS câu hỏi bản thân cần chuẩn bị gì trước những tác động đó, qua đó nhấn mạnh với việc HS cần có khát vọng, có mục đích sống, cần chủ động học tập, cần có nghị lực....

c) Sản phẩm.

a. Việc chấp nhận sự thay đổi, giữ bình tĩnh và tìm cách giải quyết vấn đề có ý nghĩa giúp chúng ta thích ứng được với những thay đổi trong cuộc sống, giúp mỗi người có thể sống phù hợp hoàn cảnh, phát triển bản thân.

b. Tư vấn giúp các bạn trong hai trường hợp ở mục 1:

+ Trường hợp 1: Sự ra đi của bà nội là một thay đổi lớn trong cuộc sống của bạn T. Thay đổi này cần thời gian và cả sự hỗ trợ mới có thể chấp nhận được. T cần dành thời gian cho bản thân, ở bên cạnh gia đình, bạn bè để có thêm sức mạnh. T cũng cần học cách chấp nhận sự thật, bà già yếu và qua đời là một sự thật không thể thay đổi được, chỉ có thể chấp nhận. Sau đó, T có thể học cách nhìn nhận vấn đề theo nhiều góc nhìn, thấy rằng mình vẫn còn bố mẹ, còn ông, còn gia đình bạn bè, cần biết yêu thương và trân trọng thời gian còn ở bên gia đình. T cũng có thể suy nghĩ theo hướng mình chăm chỉ học giỏi, sống tốt, hạnh phúc sẽ làm bà yên lòng và tự hào.

+ Trường hợp 2: Lũ quét là một loại thiên tai, xảy ra nằm ngoài sự kiểm soát của mỗi người nên bạn V cần đối diện và chấp nhận hoàn cảnh. Dù khó khăn, mất mát về tài sản nhưng ở mặt tích cực, V và gia đình vẫn an toàn, dù phải sơ tán nhưng vẫn có nơi ở, có thức ăn. Thay vì buồn rầu, than phiền thì hãy biết ơn những gì mình đang có. Sau đó, V hãy học cách thích nghi với hoàn cảnh mới, nơi ở mới, cùng với gia đình mình và những người xung quanh ổn định cuộc sống và việc học tập. Nếu những điều xảy ra và việc thích nghi là quá sức với V, bạn cần tìm sự hỗ trợ, ủng hộ từ người thân, bạn bè và những người xung quanh.

c. Việc thích ứng được với những thay đổi trong cuộc sống có ý nghĩa giúp chúng ta vượt qua khó khăn, sự thay đổi của hoàn cảnh, sống phù hợp với hoàn cảnh, không ngừng tự hoàn thiện và phát triển bản thân.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, nghiên cứu các cách để thích ứng với sự thay đổi, có thể sơ đồ hoá nội dung. Sau đó, HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi:</p> <p>a. Theo em, việc chấp nhận sự thay đổi, giữ bình tĩnh và tìm cách giải quyết vấn đề có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi người khi phải đối mặt với thay đổi lớn trong cuộc sống?</p> <p>b. Em hãy áp dụng thông tin trên để tư vấn giúp bạn T và V ở mục 1 có cách thích ứng phù hợp.</p> <p>c. Theo em, việc thích ứng được với những thay đổi trong cuộc sống có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi người?</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. 	<p>2. Một số biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấp nhận sự thay đổi là tất yếu. Thay đổi xảy ra thường nằm ngoài tầm kiểm soát nên thay vì đổ lỗi, tức giận hay lo lắng thì hãy chấp nhận để đối diện và thích ứng. - Giữ bình tĩnh để làm chủ cảm xúc và có thêm thời gian để suy xét vấn đề một cách sáng suốt, tránh vội vàng đưa ra những quyết định sai lầm, gây ảnh hưởng tiêu cực. - Tìm cách giải quyết vấn đề theo hướng tích cực: chuyện gì cũng có cách giải quyết nên cần cân nhắc, tham khảo và tìm hiểu để có cách giải

<p>Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra qua việc trả lời câu hỏi 1 và 2, 3 - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. <p>Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét <p>Tìm cách giải quyết vấn đề theo hướng tích cực: chuyện gì cũng có cách giải quyết nên cần cân nhắc, tham khảo và tìm hiểu để có cách giải quyết tốt nhất, phù hợp với bản thân và hoàn cảnh</p>	<p>quyết tốt nhất, phù hợp với bản thân và hoàn cảnh</p>
--	--

3. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em hãy nêu một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình theo gợi ý dưới đây:

a) Mục tiêu.

- HS củng cố, hoàn thiện kiến thức và thực hành kỹ năng vừa khám phá.
- Rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến sự thay đổi trong cuộc sống.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc cá nhân, viết câu trả lời cho từng ý kiến vào giấy, vở hoặc phiếu học tập.

c) Sản phẩm.

Thay đổi	Nguyên nhân	Hậu quả
Thu nhập của gia đình bị sụt giảm	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty của bố/ mẹ thực hiện việc tinh giảm biên chế. - Nền kinh tế bị suy thoái. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bố/ mẹ tạm thời thất nghiệp. - Việc chi tiêu trong gia đình phải thắt chặt.
Thay đổi hoàn cảnh sống.	- Chính quyền địa phương thực hiện di dời những gia đình ở nơi có nguy cơ cao sạt lở đất, đến nơi tái định cư.	- Ở nơi mới, việc đi lại, học tập và lao động của mỗi người trong gia đình đều bị xáo trộn, gặp nhiều khó khăn.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc cá nhân, viết câu trả lời cho từng ý kiến vào giấy, vở hoặc phiếu học tập.

Thực hiện nhiệm vụ

GV mời 1 – 2 HS đưa ra câu trả lời cho từng ý kiến, mời một vài HS khác nhận xét, bổ sung.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được một số thay đổi trong cuộc sống mà con người cần thích ứng để thay đổi

Câu 2. Em đồng tình/ không đồng tình với nhận định nào dưới đây? Vì sao?

a) Thay đổi xảy đến luôn đi cùng với khó khăn và tiêu cực, càng tránh được thay đổi thì càng tốt.

b) Thích ứng với thay đổi là một trải nghiệm giúp con người học hỏi để trưởng thành.

c) Ngay cả khi cuộc sống ổn định, chúng ta vẫn cần học tập và rèn luyện kỹ năng thích ứng với sự thay đổi.

d) Chúng ta có thể không kiểm soát được thay đổi xảy đến trong cuộc sống nhưng luôn kiểm soát được cách chúng ta thích ứng với thay đổi đó.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến sự cần thiết phải thích ứng để thay đổi

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ HS tự nghiên cứu bài tập 2 trong SGK: suy nghĩ để đưa ra nhận định cho từng vấn đề đưa ra

c) Sản phẩm.

- **Quan điểm a)** Không đồng tình, vì: trong cuộc sống, có rất nhiều thay đổi có thể xảy ra với bản thân và gia đình. Đó có thể là những thay đổi tiêu cực, nhưng cũng có thể là thay đổi mang tính tích cực, ví dụ: nguồn thu nhập của gia đình tăng lên; hoặc sự xuất hiện của các thành tựu khoa học - công nghệ khiến cho cuộc sống của con người trở nên dễ dàng, thuận tiện hơn,...

- **Quan điểm b)** Đồng tình, vì: Khi thay đổi xảy ra, chúng ta cần trang bị những kỹ năng để thích ứng với sự thay đổi. Thích ứng với thay đổi giúp chúng ta vượt qua được sự thay đổi của hoàn cảnh; sống phù hợp với hoàn cảnh; không ngừng tự hoàn thiện và phát triển bản thân.

- **Quan điểm c)** Đồng tình, vì: cuộc sống luôn vận động không ngừng và chúng ta rất khó tránh khỏi những điều bất ngờ có thể xảy ra. Do vậy, ngay cả khi đang có cuộc sống ổn định, chúng ta vẫn cần trang bị những kỹ năng thích ứng với sự thay đổi. Việc trang bị những kỹ năng thích ứng với sự thay đổi chính là chìa khóa giúp mỗi cá nhân luôn vững tâm trong cuộc sống.

- **Quan điểm d)** Đồng tình, vì: Trong cuộc sống, chúng ta thường phải đối mặt với những thay đổi không mong muốn hoặc không kiểm soát được. Tuy nhiên, chúng ta có thể rèn luyện các kỹ năng để thích ứng với những thay đổi đó.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ HS tự nghiên cứu bài tập 2 trong SGK: suy nghĩ để đưa ra nhận định cho từng vấn đề đưa ra

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo cá nhân
- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để hiểu rõ được những ý nghĩa của việc thích ứng với thay đổi

Câu 3. Em hãy vận dụng cách thích ứng với sự thay đổi để tư vấn cho các bạn trong những tình huống dưới đây:

Tình huống a) Bạn B lần đầu sống xa nhà để lên thành phố học. Ở một mình, B chưa biết cân đối tài chính, mua sắm nhiều thứ không cần thiết nên thường xuyên bị thiếu tiền ăn, thậm chí tiêu cả vào tiền thuê nhà. Sống một mình, không có ai nhắc nhở nên nhiều khi B mãi chơi theo bạn, đi sớm về khuya, không để ý chuyện học tập.

Tình huống b) Mẹ bạn P bị đột quỵ phải nằm liệt một chỗ, sinh hoạt cá nhân cũng cần có người hỗ trợ. P lo lắng cho mẹ và thấy lúng túng khi trong nhà vừa thiếu bàn tay mẹ vừa cần có người chăm sóc cho mẹ.

Tình huống c) Bố mẹ bạn S có cơ hội đi làm việc ở xa với thu nhập tốt hơn nên đã gửi S về quê sống cùng ông bà để bố mẹ đi lao động. S gặp nhiều khó khăn để thích ứng với hoàn cảnh mới khi vừa phải sống xa bố mẹ, lại chuyển nơi ở, chuyển trường.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến sự cần thiết phải quản lý thời gian hiệu quả

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi (Bài tập 3 trong SGK). Em hãy vận dụng cách thích ứng với sự thay đổi để tư vấn cho các bạn trong những tình huống dưới đây:

c) Sản phẩm.

- + Trường hợp a: Sống xa nhà và tự lập là thay đổi mà bạn B cần học cách thích ứng. Khi sống

tự lập, B cần học tập và áp dụng nhiều kỹ năng như kỹ năng quản lý tài chính, kỹ năng lập kế hoạch, đặt mục tiêu, quản lý thời gian hiệu quả. Điều quan trọng là bạn B cần ý thức được hoàn cảnh và kỉ luật với bản thân, xác định rõ những ưu tiên trong cuộc sống của mình. Bên cạnh đó, nếu thấy khó khăn, cần lên tiếng, tìm kiếm sự giúp đỡ từ gia đình, nhờ bố mẹ nhắc nhở từ xa, lập hội, nhóm các bạn cùng sở thích, cùng lớp, cùng quê,... để nhắc nhở lẫn nhau, học hỏi kinh nghiệm từ các anh chị đi trước, nhờ bạn bè, thầy cô giúp đỡ.

+ Trường hợp b: Việc mẹ bị đột quỵ là một biến cố lớn đối với cả P và gia đình, cuộc sống trong gia đình sẽ có nhiều biến động. Đầu tiên, P cần chấp nhận hoàn cảnh và sự thật này. P cũng cần làm chủ cảm xúc, giữ thái độ bình tĩnh, không hoảng hốt, không nên buồn phiền, đổ lỗi, trách móc. Sau khi lấy lại tinh thần, P có thể chủ động sắp xếp thời gian để vừa ổn định việc học tập vừa chăm sóc mẹ. P cũng cần tham gia thảo luận, nói chuyện với bố và các thành viên khác trong gia đình để có sự hỗ trợ khi cần thiết.

+ Trường hợp c: Sự thay đổi của bạn S đến từ hoàn cảnh gia đình dẫn đến thay đổi hoàn cảnh sống: bố mẹ đi làm xa, bạn S chuyển nhà, chuyển trường, sống cùng ông bà. Có nhiều thay đổi xảy ra cùng một lúc nên có thể S sẽ thấy khó chấp nhận, thích nghi nên đầu tiên S cần hiểu và chấp nhận những thay đổi này. Nhìn nhận thay đổi ở những góc nhìn tích cực như: là cơ hội để học hỏi, tự lập, trưởng thành, có thời gian ở bên cạnh ông bà,... Bạn S nên giữ thái độ bình tĩnh, từ đó chủ động thích nghi như làm quen với các bạn mới trong lớp, thích nghi với môi trường sống và học tập, dần dần ổn định việc học và sinh hoạt ở nơi mới. Nếu thấy nhớ bạn bè ở lớp cũ có thể thường xuyên liên lạc qua thư điện tử, mạng xã hội, đồng thời cũng cần cởi mở, làm quen, kết bạn với các bạn mới, chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ từ thầy cô, bạn bè và những người xung quanh nếu cần.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi (Bài tập 3 trong SGK). Em hãy vận dụng cách thích ứng với sự thay đổi để tư vấn cho các bạn trong những tình huống dưới đây:

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân
- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để hiểu rõ được những ý nghĩa của việc quản lý thời gian

Câu 4: Em hãy nêu một thay đổi trong cuộc sống của mình hoặc của người thân xung quanh và vận dụng cách thích ứng với thay đổi để đưa ra biện pháp thích ứng phù hợp.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến sự cần thiết phải quản lý thời gian hiệu quả

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc tại nhà với yêu cầu sau:

Em hãy nêu một thay đổi trong cuộc sống của mình hoặc của người thân xung quanh và vận dụng cách thích ứng với thay đổi để đưa ra biện pháp thích ứng phù hợp.

c) Sản phẩm.

Học sinh bước đầu biết thích ứng với sự thay đổi một cách phù hợp lứa tuổi

Chỉ ra được các biện pháp phù hợp để thích ứng với thay đổi

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc tại nhà với yêu cầu sau:

Em hãy nêu một thay đổi trong cuộc sống của mình hoặc của người thân xung quanh và vận dụng cách thích ứng với thay đổi để đưa ra biện pháp thích ứng phù hợp.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân
- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để hiểu rõ được ý nghĩa của việc thích ứng với thay đổi

4. Hoạt động: Vận dụng

Em hãy tìm hiểu một số kỹ năng cần thiết để thích ứng với thay đổi và viết bài chia sẻ cùng các bạn.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. Học sinh làm việc tại nhà, qua phương tiện thông tin đại chúng để thực hiện yêu cầu: Em hãy tìm hiểu một số kỹ năng cần thiết để thích ứng với thay đổi và viết bài chia sẻ cùng các bạn.

c) Sản phẩm.

- Học sinh biết vận dụng các kiến thức đã học để nhìn nhận, đánh giá và xây dựng được kế hoạch thích ứng với sự thay đổi

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

Học sinh làm việc tại nhà, qua phương tiện thông tin đại chúng để thực hiện yêu cầu: Em hãy tìm hiểu một số kỹ năng cần thiết để thích ứng với thay đổi và viết bài chia sẻ cùng các bạn.

c) Sản phẩm.

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.

Báo cáo, thảo luận

GV mời 1 – 2 HS báo cáo kết quả thực hiện bài tập này vào hoạt động khởi động của tiết học tuần kế tiếp.

Kết luận, nhận định

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập, chọn 5 – 10 bài viết của HS để chấm điểm đưa vào điểm đánh giá thường xuyên.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY **BÀI 8: TIÊU DÙNG THÔNG MINH** **(3 tiết)**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức

- Nhận biết được thế nào là tiêu dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh.
- Nêu được các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết được những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định phương thức thanh toán,...).

2. Năng lực

- Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về tiêu dùng thông minh.
- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến tiêu dùng thông minh.
- Năng lực điều chỉnh hành vi: Đánh giá được hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh.
- Năng lực phát triển bản thân: Thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể.

- Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, học hỏi những hành vi tiêu dùng thông minh trong đời sống xã hội; khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc thực hiện tiêu dùng thông minh và giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.

- Chăm chỉ: Giúp đỡ bạn bè, người thân lập kế hoạch tiêu dùng thông minh.

4. Nội dung tích hợp

a. Tích hợp quyền con người

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Đánh giá được các hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh.

b. Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ: Nhận biết được thế nào là tiêu dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh

c. Tích hợp khung năng lực số và AI

- **Các năng lực số có thể tích hợp:** NL: 2.3. Sử dụng công nghệ số để thực hiện trách nhiệm công dân: Tìm kiếm được các ứng dụng số phù hợp để xây dựng thói quen tiêu dùng phù hợp cho bản thân.

- **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** NLb: Đạo đức AI: Đánh giá các nguyên tắc đạo đức AI trong các tình huống thực tế; biết hình thành kỹ năng lập kế hoạch chi tiêu cho bản thân một cách phù hợp

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Công dân 9;
- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động: Mở đầu

a) Mục tiêu. Khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về tiêu dùng thông minh trong đời sống, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về chủ đề bài học mới.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện yêu cầu sau:

Em hãy chia sẻ thói quen tiêu dùng của bản thân hoặc người thân trong gia đình và nêu kết quả của mỗi thói quen đó.

c) Sản phẩm. Học sinh bước đầu biết và chỉ ra được những biểu hiện của việc tiêu dùng cũng như cách thức tiêu dùng của mỗi cá nhân trong cuộc sống hàng ngày

Thói quen tiêu dùng: Thường xuyên mua và sử dụng đồ nhựa dùng một lần (cốc nhựa/ ống hút nhựa, túi nilong...)

Hậu quả: Gây hại cho sức khỏe. Tạo ra lượng lớn rác thải, gây ô nhiễm môi trường.

Thói quen tiêu dùng: Mua hàng trực tuyến mà không tìm hiểu kỹ về sản phẩm

Hậu quả: Đôi khi mua trúng hàng giả, hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng kém.

Thói quen tiêu dùng: Mua sắm theo cảm xúc, không theo kế hoạch

Hậu quả: Lãng phí tiền bạc. Thường rơi vào tình trạng “thiếu trước, hụt sau”, “chưa hết tháng đã hết tiền”.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện yêu cầu sau:

Em hãy chia sẻ thói quen tiêu dùng của bản thân hoặc người thân trong gia đình và nêu kết quả của mỗi thói quen đó.

Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình
- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Cuộc sống ngày càng hiện đại, đòi hỏi con người càng phải thông minh hơn trong cách tiêu dùng để vừa đảm bảo mục đích tiêu dùng vừa tiết kiệm được tiền bạc, thời gian, công sức. Tuy nhiên, cũng có nhiều trường hợp người tiêu dùng đầu tư nhiều tiền bạc nhưng vẫn không lựa chọn được đồ dùng phù hợp, gây lãng phí

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Tiêu dùng thông minh và lợi ích của tiêu dùng thông minh

a) Mục tiêu.

- HS nêu được khái niệm, biểu hiện và lợi ích của tiêu dùng thông minh.
- Đánh giá được hành vi tiêu dùng thông minh, tiêu dùng kém thông minh.

b) Nội dung.

GV giao nhiệm vụ cho HS quan sát các hình ảnh trong SGK và trả lời các câu hỏi:

a. Em hãy quan sát các hình ảnh và cho biết bạn nào có thói quen tiêu dùng tốt/chưa tốt. Giải thích vì sao.

b. Theo em, thế nào là tiêu dùng thông minh?

c. Từ những hình ảnh trên, em hãy cho biết biểu hiện của người tiêu dùng thông minh và người tiêu dùng kém thông minh. Những hành vi tiêu dùng thông minh mang lại lợi ích gì?

Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ: Nhận biết được thế nào là tiêu dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh

- Cách thức thực hiện:

+ Qua một số thông tin về sự phát triển kinh tế của Việt Nam trong những năm qua như mức độ tăng trưởng... qua đó thấy được sự tự hào về sự thay đổi của kinh tế đất nước => tiêu dùng thông minh góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước

+ Qua các thông tin về các cuộc vận động Người Việt dùng hàng Việt, vị thế của hàng VN trên thị trường thế giới => lòng tự hào, người Việt dùng hàng Việt.

Cho HS thiết kế 1 chương trình quảng bá 1 thương hiệu sản phẩm Việt và lập kế hoạch giúp đỡ người thân thành người tiêu dùng thông minh.

Tích hợp khung năng lực số và AI

- **Các năng lực số có thể tích hợp:** NL: 2.3. Sử dụng công nghệ số để thực hiện trách nhiệm công dân: Tìm kiếm được các ứng dụng số phù hợp để xây dựng thói quen tiêu dùng phù hợp cho bản thân.

- **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** NLb: Đạo đức AI: Đánh giá các nguyên tắc đạo đức AI trong các tình huống thực tế; biết hình thành kỹ năng lập kế hoạch chi tiêu cho bản thân một cách phù hợp

- **Cách thức thực hiện.** Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu các công cụ số hoặc AI để lập được và thực hiện được kế hoạch tiêu dùng cho bản thân

c) Sản phẩm.

+ Tranh 1: Biểu hiện hành vi tiêu dùng thông minh: có kế hoạch và tiết kiệm.

+ Tranh 2: Học sinh bên phải biểu hiện hành vi tiêu dùng thông minh vì đã biết tìm hiểu thông tin về sản phẩm và lựa chọn cửa hàng có uy tín để mua sản phẩm.

+ Tranh 3: Người con có biểu hiện tiêu dùng kém thông minh: mua dư thừa sản phẩm, không tiết kiệm.

+ Tranh 4: HS biểu hiện tiêu dùng kém thông minh vì quyết định vội vã khi mua sản phẩm, bị tác động bởi những quảng cáo, khuyến mại.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập GV giao nhiệm vụ cho HS quan sát các hình ảnh trong SGK và trả lời các câu hỏi: a. Em hãy quan sát các hình ảnh và cho biết bạn nào có thói quen tiêu dùng tốt/chưa tốt. Giải thích vì sao. b. Theo em, thế nào là tiêu dùng thông minh? c. Từ những hình ảnh trên, em hãy cho biết biểu hiện của người tiêu dùng thông minh và người tiêu dùng kém thông minh. Những hành vi tiêu dùng	1. Tiêu dùng thông minh và lợi ích của tiêu dùng thông minh + Tiêu dùng thông minh là việc biết chi tiêu có kế hoạch, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với đặc điểm của bản thân. + Biểu hiện của tiêu dùng thông minh: có kế hoạch mua sắm những thứ cần thiết, phù hợp với đặc điểm của bản thân; tìm hiểu các thông tin về sản phẩm (chất lượng, mẫu mã, giá cả, cách sử dụng,...);

<p><i>thông minh mang lại lợi ích gì?</i></p> <p>Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. <p>Báo cáo, thảo luận</p> <p>HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm đôi, lần lượt viết câu trả lời ra nháp/phiếu học tập.</p> <p>Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét <p>Tiêu dùng thông minh giúp người tiêu dùng mua được sản phẩm có chất lượng, phù hợp với mục đích tiêu dùng của cá nhân, tiết kiệm thời gian, tiền bạc, thực hiện được kế hoạch chi tiêu, bảo vệ sức khỏe và quyền lợi của người tiêu dùng.</p>	<p>không bị tác động và quyết định vội vã bởi cảm xúc, các thông tin quảng cáo, khuyến mại; lựa chọn các phương thức thanh toán phù hợp, an toàn,...</p> <p>+ Tiêu dùng thông minh giúp người tiêu dùng mua được sản phẩm có chất lượng, phù hợp với mục đích tiêu dùng của cá nhân, tiết kiệm được tiền bạc và thời gian, thực hiện được kế hoạch chi tiêu, bảo vệ sức khỏe và quyền lợi người tiêu dùng.</p>
---	--

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Cách tiêu dùng thông minh

a) Mục tiêu. HS biết được cách thực hiện tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết được các hình thức quảng cáo khác nhau, lựa chọn được phương thức thanh toán phù hợp,...).

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc hướng dẫn trong SGK, nghiên cứu trường hợp minh họa bằng hình ảnh trong SGK và trả lời câu hỏi:

Từ thông tin và hình ảnh trên, em hãy nêu những điểm cần lưu ý trong việc xây dựng kế hoạch chi tiêu, tìm hiểu thông tin sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn và lựa chọn phương thức thanh toán. Theo em, những việc làm đó mang lại lợi ích gì cho người tiêu dùng?

Dựa vào hướng dẫn trên, em hãy nhận xét việc thực hiện các cách tiêu dùng thông minh của bản thân. Nêu ví dụ minh họa.

Tích hợp quyền con người

Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Đánh giá được các hành vi tiêu dùng thông minh

Giáo viên căn cứ vào nội dung quyền con người để giúp học sinh lấy các ví dụ về tiêu dùng thông minh trong việc bảo đảm các quyền cơ bản của con người; hành vi tiêu dùng kém thông minh làm ảnh hưởng đến quyền của người tiêu dùng.

Lập kế hoạch chi tiêu

Nhiệm vụ của các nhà sản xuất là bán được càng nhiều sản phẩm càng tốt, còn nhiệm vụ của người mua là chi tiêu càng hợp lý càng tốt. Bạn nên lập kế hoạch cân đối giữa thu nhập và nhu cầu. Điều này không hề đơn giản nhưng cũng chẳng phải bất khả thi.

Không mua theo phong trào

Mua sắm đôi khi là hành động theo phong trào. Nhiều lúc bạn mua món đồ nào đó vì được người khác rủ rê chứ không thực sự xuất phát từ nhu cầu bản thân. Những vật dụng không cần thiết chỉ khiến góc nhà chật chội hơn hoặc khiến bạn phải tiếc nuối "giá như không mang món đồ vô nghĩa này về nhà".

Kiểm kê đồ đạc thường xuyên

Nhiều người than thở rằng, họ thậm chí không nhớ nổi mình đã mua cái gì cho đến một ngày đẹp trời, bỗng tìm thấy trong góc tủ nào đó. Nếu kiểm tra đồ đạc thường xuyên hơn, bạn sẽ không lãng phí tiền bạc đến vậy.

Đừng xoa dịu bản thân bằng mua sắm

Mỗi khi rơi vào trạng thái buồn chán hoặc rảnh rỗi, bạn thường đi mua sắm. Liệu pháp này có tác dụng nhất thời đến tâm lý, thế nhưng chẳng mấy chốc nhà bạn sẽ ngập những món đồ nhỏ xinh không cần thiết. Thay vì tiêu tiền, hãy cân bằng cảm xúc bằng nhiều cách khác như chơi thể thao, nghe nhạc... Đôi khi, tách mình ra khỏi cuộc sống vật chất bằng cách về nông thôn nghỉ dưỡng vài ngày, bạn sẽ thấy không cần mua sắm quá nhiều mà vẫn vui vẻ.

Tránh mua vì ham rẻ

Ham rẻ khiến bạn mua phải hàng kém chất lượng hoặc lãng phí vì không có nhu cầu sử dụng. Chiêu bài hạ giá của các doanh nghiệp khiến bạn tốn thêm một mớ tiền mà đáng lẽ ta nên dùng làm việc khác cần thiết hơn.

Hạn chế tác động của quảng cáo

Quảng cáo giúp người tiêu dùng có thêm nhiều thông tin, tuy nhiên cách tiếp nhận không chọn lọc khiến bạn ảo tưởng về giá trị thực của sản phẩm. Đừng để các mẫu tin quảng cáo dẫn dắt mình mà nên quan tâm đến các chỉ dấu chất lượng, tìm hiểu kỹ điều khoản mua bán, chứng từ liên quan hoặc ít nhất là hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

c) Sản phẩm.

- + Xây dựng kế hoạch chi tiêu hợp lý: chỉ mua những vật dụng thiết yếu, phù hợp với nhu cầu, khả năng thanh toán của bản thân.
- + Tìm hiểu các thông tin về sản phẩm (chất lượng, mẫu mã, giá cả, công dụng,...) qua nhiều kênh khác nhau để chọn lọc được thông tin chính xác.
- + Sử dụng sản phẩm an toàn: theo hướng dẫn sử dụng, đảm bảo an toàn cho sức khỏe.
- + Lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp: thanh toán bằng tiền mặt hoặc thanh toán trực tuyến tùy vào tình hình thực tế và điều kiện của bản thân; kiểm tra kỹ sản phẩm, hoá đơn trước khi thanh toán và lưu giữ chứng từ giao dịch để xử lý khi cần thiết.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV giao nhiệm vụ cho HS đọc hướng dẫn trong SGK, nghiên cứu trường hợp minh hoạ bằng hình ảnh trong SGK và trả lời câu hỏi:</p> <p><i>Từ thông tin và hình ảnh trên, em hãy nêu những điểm cần lưu ý trong việc xây dựng kế hoạch chi tiêu, tìm hiểu thông tin sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn và lựa chọn phương thức thanh toán. Theo em, những việc làm đó mang lại lợi ích gì cho người tiêu dùng?</i></p> <p><i>Dựa vào hướng dẫn trên, em hãy nhận xét việc thực hiện các cách tiêu dùng thông minh của bản thân. Nêu ví dụ minh hoạ.</i></p> <p>Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. <p>Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra qua việc trả lời câu hỏi 1 và 2, 3 - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. <p>Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét <p>Học sinh cần rèn luyện thói quen và thực hiện cách tiêu dùng thông minh để đảm bảo an toàn tài chính, sức khỏe cho bản thân và gia đình. Đồng thời khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành những người tiêu dùng thông minh</p>	<p>2. Cách tiêu dùng thông minh</p> <p>Xây dựng kế hoạch chi tiêu hợp lý: Chỉ mua những vật dụng thiết yếu, phù hợp với nhu cầu, khả năng thanh toán của bản thân.</p> <p>Tìm hiểu các thông tin sản phẩm (chất lượng, mẫu mã, giá cả, công dụng,...) qua nhiều kênh khác nhau để chọn lọc được thông tin chính xác.</p> <p>Sử dụng sản phẩm an toàn: theo hướng dẫn sử dụng, đảm bảo chất lượng, an toàn cho sức khỏe.</p> <p>Lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp: thanh toán bằng tiền mặt hoặc thanh toán trực tuyến tùy vào tình hình thực tế và điều kiện của bản thân; kiểm tra kỹ sản phẩm, hoá đơn trước khi thanh toán và lưu giữ chứng từ giao dịch để xử lý khi cần thiết.</p>

3. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Trong các trường hợp dưới đây, ai là người tiêu dùng thông minh, ai là người tiêu dùng kém thông minh? Vì sao?

- a) Khi mua hàng, chị A luôn quan tâm đến chất lượng sản phẩm.

b) Anh C có thói quen chỉ mua sắm những sản phẩm của nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam.

c) Khi mua rau, củ, quả, bạn Q tìm mua sản phẩm có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng ở các địa chỉ tin cậy.

d) Khi mua hàng trực tuyến, bạn B thường tham khảo thêm các ý kiến của khách hàng đã sử dụng sản phẩm ở cơ sở định mua để ra quyết định.

a) Mục tiêu.

HS củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá. Rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc cá nhân, viết câu trả lời cho từng ý kiến vào giấy, vở hoặc phiếu học tập.

Trong các trường hợp dưới đây, ai là người tiêu dùng thông minh, ai là người tiêu dùng kém thông minh? Vì sao?

c) Sản phẩm.

a. Đây là hành vi tiêu dùng thông minh vì biểu hiện của tiêu dùng thông minh là biết chọn dùng sản phẩm có chất lượng để việc tiêu dùng đạt hiệu quả, đảm bảo sức khỏe, an toàn khi tiêu dùng.

b. Đây là hành vi tiêu dùng không thông minh vì nhiều sản phẩm do doanh nghiệp Việt Nam sản xuất trong nước hiện nay có chất lượng không thua kém sản phẩm nhập khẩu lại có giá cả phải chăng cùng với những tính năng, công dụng phù hợp với đặc điểm tiêu dùng của người Việt Nam.

c. Đây là hành vi tiêu dùng thông minh, thực hiện đúng theo cách tiêu dùng thông minh là phải tìm hiểu thông tin về sản phẩm có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và mua ở các địa chỉ tin cậy sẽ đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm.

d. Đây là hành vi tiêu dùng thông minh. Việc tham khảo ý kiến của người đã sử dụng sản phẩm ở cơ sở định mua giúp có thêm thông tin chính xác hơn, thực tế hơn để mua được hàng hoá hiệu quả.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc cá nhân, viết câu trả lời cho từng ý kiến vào giấy, vở hoặc phiếu học tập.

Trong các trường hợp dưới đây, ai là người tiêu dùng thông minh, ai là người tiêu dùng kém thông minh? Vì sao?

Thực hiện nhiệm vụ

GV mời 1 – 2 HS đưa ra câu trả lời cho từng ý kiến, mời một vài HS khác nhận xét, bổ sung.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được một số biểu hiện của tiêu dùng thông minh

Câu 2. Vận dụng cách tiêu dùng thông minh để nhận xét hành vi mua sắm của các nhân vật trong những trường hợp dưới đây:

a) Bạn H được mẹ giao nhiệm vụ cùng em gái 10 tuổi đi mua vở, đồ dùng học tập chuẩn bị cho năm học mới. Thấy hai anh em chuẩn bị đến cửa hàng văn phòng phẩm, mẹ nhắc H ghi ra những thứ cần mua nhưng H cho rằng cứ đến cửa hàng là sẽ mua được đầy đủ.

b) Bạn D rất thích các món ăn chế biến từ hải sản. Thấy ở chợ có người bán hộp thịt cua, ghẹ với giá rẻ hơn hẳn so với mua hàng tươi sống, D quyết định mua mặc dù không rõ nguồn gốc.

c) Một người bạn thân trong lớp gửi thông tin về loại áo chống nắng rất hợp với tuổi học sinh, được giảm giá 20% nếu mua từ 2 áo trở lên và rủ C cùng mua để được hưởng khuyến mại. C cân nhắc và quyết định từ chối vì không có nhu cầu.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến việc tiêu dùng thông minh

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ HS tự nghiên cứu bài tập 2 trong SGK: suy nghĩ để đưa ra nhận định cho từng vấn đề đưa ra

Vận dụng cách tiêu dùng thông minh để nhận xét hành vi mua sắm của các nhân vật trong những trường hợp dưới đây:

c) Sản phẩm.

a. Bạn H đã có hành vi tiêu dùng không thông minh vì tiêu dùng thông minh phải có kế hoạch, trước khi đi mua nhiều đồ dùng học tập cần liệt kê những thứ cần thiết để mua cho đủ, đúng, tránh mua thừa hoặc thiếu.

b. Bạn D có hành vi tiêu dùng kém thông minh vì mua hải sản không có xuất xứ nguồn gốc lại không đảm bảo chất lượng có thể nguy hại đến sức khỏe.

c. Bạn C đã có hành vi tiêu dùng thông minh vì không bị chi phối bởi các hình thức khuyến mại để quyết định không mua sản phẩm khi thấy không thật sự cần thiết.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ HS tự nghiên cứu bài tập 2 trong SGK: suy nghĩ để đưa ra nhận định cho từng vấn đề đưa ra

Vận dụng cách tiêu dùng thông minh để nhận xét hành vi mua sắm của các nhân vật trong những trường hợp dưới đây:

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để hiểu rõ được những ý nghĩa của việc thực hiện tiêu dùng thông minh, phù hợp

Câu 3. Hãy nêu lợi ích của những hành vi tiêu dùng thông minh dưới đây:

a) Chị A thường tìm mua những đồ gia dụng có nhiều chức năng và nghiên cứu để sử dụng hiệu quả các chức năng đó.

b) Đang chuẩn bị xây nhà, anh B chủ động tham khảo chất lượng và giá cả sản phẩm từ nhiều nguồn cung ứng vật liệu khác nhau để ra quyết định mua.

c) Bạn H thường tìm những kênh bán hàng trực tuyến có uy tín để mua sắm.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến sự cần thiết phải hình thành thói quen tiêu dùng hợp lý

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi (Bài tập 3 trong SGK). *Hãy nêu lợi ích của những hành vi tiêu dùng thông minh dưới đây:*

c) Sản phẩm.

a. Chị A đã thực hiện cách tiêu dùng thông minh khi mua sản phẩm có nhiều chức năng và sử dụng hiệu quả tất cả các chức năng đó nên không tốn tiền mua nhiều vật dụng khác nhau mà vẫn thỏa mãn nhu cầu sử dụng.

b. Anh B đã vận dụng cách tiêu dùng thông minh tìm hiểu kỹ sản phẩm và người cung cấp sản phẩm để mua được sản phẩm có chất lượng, giá cả tốt và chọn được nhà cung cấp có uy tín.

c. Bạn H có hành vi tiêu dùng thông minh, nhờ chọn mua những kênh mua sắm có uy tín, bạn sẽ được hưởng chất lượng dịch vụ tốt, mua được hàng hoá đảm bảo chất lượng, giá cả hợp lý và còn được hưởng nhiều ưu đãi khác.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi (Bài tập 3 trong SGK). *Hãy nêu lợi ích của những hành vi tiêu dùng thông minh dưới đây:*

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để hiểu rõ được cách thức tiêu dùng thông minh

Câu 4. Tư vấn cho nhân vật trong các trường hợp dưới đây thực hiện cách tiêu dùng thông minh:

a) Lên lớp 9, K được mua xe đạp mới để đi học. Em hãy gợi ý cho bạn K cách tìm hiểu thông tin sản phẩm để chọn được chiếc xe đạp phù hợp.

b) Y được mẹ giao nhiệm vụ đi chợ mua thức ăn cho cả nhà. Em hãy tư vấn giúp Y lập kế hoạch mua sắm và lựa chọn sản phẩm an toàn.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến vấn đề tiêu dùng và cách tiêu dùng

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi (Bài tập 4 trong SGK). *Tư vấn cho nhân vật trong các trường hợp dưới đây thực hiện cách tiêu dùng thông minh:*

c) Sản phẩm.

- **Trường hợp a)** Tư vấn cho bạn K:

+ Xác định nhu cầu của bản thân. Bạn K cần xác định rõ mục đích sử dụng xe đạp của mình. Liệu bạn muốn sử dụng nó để đi học hàng ngày? hay ngoài việc di chuyển thường nhật, bạn K còn muốn tham gia vào các hoạt động thể dục/ giải trí hoặc các cuộc đua...?

+ Xác định ngân sách của bản thân và gia đình.

+ Tìm hiểu một số thương hiệu, nhà cung ứng xe đạp có uy tín; tìm hiểu tính năng của các loại xe đạp (xe đạp thường/ xe đạp thể thao,...).

+ Tham khảo ý kiến từ các người tiêu dùng khác.

+ Lựa chọn hình thức mua sắm và phương thức thanh toán phù hợp.

- **Trường hợp b)** Tư vấn cho bạn Y

+ Trước khi mua sắm, bạn Y cần kiểm tra lại xem ở nhà đã có/ còn những loại thực phẩm nào có thể sử dụng được.

+ Lập danh sách những mặt hàng thực phẩm cần mua. Ví dụ: mua loại thực phẩm nào? Số lượng của từng loại là bao nhiêu,...

+ Tham khảo giá cả của các loại thực phẩm để dự trù ngân sách các loại thực phẩm (hoặc điều chỉnh so với kế hoạch ban đầu,...)

+ Lựa chọn nhà cung ứng thực phẩm uy tín.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi (Bài tập 4 trong SGK). *Tư vấn cho nhân vật trong các trường hợp dưới đây thực hiện cách tiêu dùng thông minh:*

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để hiểu rõ được cách thức tiêu dùng thông minh

4. Hoạt động: Vận dụng

Hãy liệt kê một số việc em đã vận dụng cách tiêu dùng thông minh trong cuộc sống hằng ngày, nêu kết quả và chia sẻ với các bạn.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. Học sinh làm việc tại nhà, tự đánh giá hành vi tiêu dùng của bản thân và thực hiện yêu cầu sau: *Hãy liệt kê một số việc em đã vận dụng cách tiêu dùng thông minh trong cuộc sống hằng ngày, nêu kết quả và chia sẻ với các bạn.*

c) Sản phẩm.

- Học sinh biết vận dụng các kiến thức đã học để nhìn nhận, đánh giá và xây dựng được kế

hoạch tiêu dùng hợp lý cho bản thân

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

Học sinh làm việc tại nhà, tự đánh giá hành vi tiêu dùng của bản thân và thực hiện yêu cầu sau:
Hãy liệt kê một số việc em đã vận dụng cách tiêu dùng thông minh trong cuộc sống hằng ngày, nêu kết quả và chia sẻ với các bạn.

c) Sản phẩm.

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.

Báo cáo, thảo luận

GV mời 1 – 2 HS báo cáo kết quả thực hiện bài tập này vào hoạt động khởi động của tiết học tuần kế tiếp.

Kết luận, nhận định

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập, chọn 5 – 10 bài viết của HS để chấm điểm đưa vào điểm đánh giá thường xuyên.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

**BÀI 9: VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ
(4 tiết)**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức

- Nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.
- Nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lý

2. Năng lực

- Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.
- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.
- Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, phân tích được một số vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý tình huống vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý trong đời sống thực tiễn.
- Năng lực điều chỉnh hành vi: Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý trong một số tình huống cụ thể; nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Có thái độ nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, có ý thức tích cực trong việc ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.
- Nhân ái: Trân trọng danh dự, sức khỏe của mình và người khác; không đồng tình với các hành vi vi phạm pháp luật

4. Nội dung tích hợp

a. Tích hợp quyền con người

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý trong một số tình huống cụ thể

b. Tích hợp quốc phòng an ninh

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Có thái độ nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, có ý thức tích cực trong việc ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.

c. Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ: Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật

d. Tích hợp khung năng lực số và AI

- **Các năng lực số có thể tích hợp: NL: 1.2_ Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số:** Phân tích, so sánh và đánh giá được độ tin cậy và tính xác thực của nguồn dữ liệu, thông tin và nội dung số khi tiếp cận và tìm hiểu các kiến thức chung nhất về pháp luật

- **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** NLb: Đạo đức AI: Đánh giá các nguyên tắc đạo đức AI trong các tình huống thực tế; sử dụng AI một cách lành mạnh hướng tới các kỹ năng an toàn lành mạnh nhưng phải đúng pháp luật

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Công dân 9;
- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động: Mở đầu

a) **Mục tiêu.** Khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về việc thực hiện pháp luật, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về chủ đề bài học mới.

b) **Nội dung.** GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện yêu cầu sau:

Hãy kể một số hành vi vi phạm pháp luật mà em biết và nêu hậu quả của hành vi đó.

c) **Sản phẩm.** Học sinh bước đầu biết và chỉ ra được những biểu hiện của hành vi vi phạm pháp luật trong đời sống

- **Hành vi vi phạm pháp luật:** Tại một ngã tư giao thông, ông M (nhân viên) và ông N (thủ trưởng) cùng làm tại một cơ quan, do mãi nói chuyện, không chú ý nên cả hai ông đều điều khiển xe máy vượt đèn đỏ nhưng không gây tai nạn giao thông.

- **Hậu quả:** Ông M và ông N bị lập biên bản và nộp phạt hành chính 400.000 đồng.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện yêu cầu sau:

Hãy kể một số hành vi vi phạm pháp luật mà em biết và nêu hậu quả của hành vi đó.

Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình
- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Pháp luật là những quy định do Nhà nước ban hành và có tính bắt buộc chung, mọi người đều phải tôn trọng, chấp hành. Tuy nhiên, trong thực tế vẫn còn nhiều người có hành vi vi phạm pháp luật, gây ra những hậu quả với bản thân, gia đình và xã hội. Vì vậy, mỗi chúng ta cần nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Vi phạm pháp luật

a) Mục tiêu.

- HS nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và các loại vi phạm pháp luật.
- HS phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật trong một số tình huống cụ thể.

b) Nội dung.

GV giao nhiệm vụ cho HS quan sát các hình ảnh trong SGK và trả lời các câu hỏi:

a. Em hãy dựa vào nội dung về dấu hiệu và phân loại của các loại vi phạm pháp luật để xác định dấu hiệu vi phạm pháp luật và phân loại vi phạm pháp luật của mỗi chủ thể trong các trường hợp 1, 2, 3, 4.

b. Theo em, vi phạm pháp luật là gì? Có những loại vi phạm pháp luật nào?

Tích hợp quốc phòng an ninh

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Có thái độ nghiêm chỉnh chấp hành

pháp luật, có ý thức tích cực trong việc ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.

- **Cách thức thực hiện:** Ví dụ về trốn nghĩa vụ quân sự và quy định xử lý của pháp luật

Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ: Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật

- **Cách thức thực hiện:** Qua tình huống/ sự kiện, GV phân tích trách nhiệm thực hiện nghiêm các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, tuyệt đối không tự phát có những hành động cá nhân làm phức tạp hơn tình hình

Tích hợp khung năng lực số và AI

- **Các năng lực số có thể tích hợp: NL: 1.2_ Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số:** Phân tích, so sánh và đánh giá được độ tin cậy và tính xác thực của nguồn dữ liệu, thông tin và nội dung số khi tiếp cận và tìm hiểu các kiến thức chung nhất về pháp luật

- **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** NLb: Đạo đức AI: Đánh giá các nguyên tắc đạo đức AI trong các tình huống thực tế; sử dụng AI một cách lành mạnh hướng tới các kỹ năng an toàn lành mạnh nhưng phải đúng pháp luật

- **Cách thức thực hiện.** Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận các trang thông tin về pháp luật, để giúp bản thân nâng cao kiến thức pháp luật, sử dụng pháp luật một cách phù hợp. Đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật

c) Sản phẩm.

a. Xác định dấu hiệu vi phạm pháp luật và phân loại:

+ Hành vi của anh M có các dấu hiệu:

Hành vi trái pháp luật, vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước, cụ thể là vi phạm quy định của Luật Giao thông đường bộ: không đội mũ bảo hiểm, điều khiển xe máy vượt đèn đỏ, lạng lách, đánh võng, tạt đầu các phương tiện khác. Hành vi có lỗi: anh M cố ý điều khiển xe máy vượt đèn đỏ, lạng lách, đánh võng, tạt đầu các phương tiện giao thông khác.

Hành vi do chủ thể có năng lực trách nhiệm hành chính thực hiện: anh M đã 19 tuổi, có thể nhận thức và điều khiển được hành vi của mình, tự quyết định cách xử sự của mình.

Hành vi gây nguy hiểm cho xã hội: hành vi của anh M có thể gây tai nạn giao thông cho người dân đang tham gia giao thông, gây thiệt hại về người và tài sản.

=> Hành vi của anh M vi phạm hành chính.

+ Hành vi của bà B có các dấu hiệu: quan hệ tài sản chuyển

Hành vi trái pháp luật, xâm phạm quan hệ tài sản (quyền sở hữu của ông A) được pháp luật bảo vệ và được quy định cụ thể trong Bộ luật Dân sự năm 2015: bà B vay tiền của ông A nhưng không trả nợ dù đã đến thời hạn phải trả.

Hành vi có lỗi: bà B cố ý không trả nợ dù ông A đã đến đòi tiền.

Hành vi do chủ thể có năng lực trách nhiệm dân sự thực hiện: bà B đủ tuổi (trên 18 tuổi) để có thể nhận thức và điều khiển được hành vi của mình, tự quyết định cách xử sự của mình.

Hành vi gây thiệt hại về tiền bạc cho ông A.

=> Hành vi của bà B vi phạm dân sự.

+ Hành vi của anh P có các dấu hiệu:

Hành vi vi phạm quy định của công ty: anh P nhiều lần đi làm muộn hơn so với thời gian công ty quy định mà không có lý do chính đáng và không hoàn thành công việc được công ty giao.

Hành vi có lỗi: anh P nhiều lần đi muộn, biết rõ vi phạm quy định của công ty mà vẫn cố ý thực hiện.

Hành vi do chủ thể trong nội bộ cơ quan, tổ chức thực hiện: anh P là nhân sự của công ty.

Hành vi gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động bình thường của công ty, ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng công việc.

=> Anh P vi phạm kỉ luật.

+ Hành vi của anh T và anh Q có các dấu hiệu:

Hành vi trái pháp luật, vi phạm quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi gây nguy hiểm cho xã hội: anh T và anh Q vận chuyển ma túy từ nước ngoài vào lãnh

thổ Việt Nam để bán cho các đối tượng nghiện hút, gây rối loạn an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Hành vi có lỗi: anh T và anh Q cố ý vận chuyển ma túy vào lãnh thổ Việt Nam để bán kiếm lời.

Hành vi do chủ thể có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện: anh T và anh Q đủ tuổi (trên 18 tuổi) để có thể nhận thức và điều khiển được hành vi của mình, tự quyết định cách xử sự của mình.

=> Hành vi của anh T và anh Q vi phạm hình sự.

b. Khái niệm và phân loại vi phạm pháp luật:

+ Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, có lỗi do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

i phạm hình sự (tội phạm),

+ Vi phạm pháp luật bao gồm: vi phạm hình sự (tội phạm), vi phạm dân sự, vi phạm hành chính, vi phạm kỉ luật.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV giao nhiệm vụ cho HS quan sát các hình ảnh trong SGK và trả lời các câu hỏi:</p> <p>a. Em hãy dựa vào nội dung về dấu hiệu và phân loại của các loại vi phạm pháp luật để xác định dấu hiệu vi phạm pháp luật và phân loại vi phạm pháp luật của mỗi chủ thể trong các trường hợp 1, 2, 3, 4.</p> <p>b. Theo em, vi phạm pháp luật là gì? Có những loại vi phạm pháp luật nào?</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. <p>Báo cáo, thảo luận</p> <p>HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm đôi, lần lượt viết câu trả lời ra nháp/phiếu học tập.</p> <p>Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét <p>Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, có lỗi do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.</p>	<p>1. Vi phạm pháp luật</p> <p>Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, có lỗi do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.</p> <p>Vi phạm pháp luật bao gồm: vi phạm hình sự (tội phạm), vi phạm dân sự, vi phạm hành chính, vi phạm kỉ luật</p>

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Trách nhiệm pháp lý

a) Mục tiêu.

- HS nêu được khái niệm trách nhiệm pháp lý và các loại trách nhiệm pháp lý.
- HS nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lý.
- HS phân tích, đánh giá được trách nhiệm pháp lý trong một số tình huống cụ thể.

b) Nội dung.

- GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin trong SGK và trả lời các câu hỏi:

a. Em hãy dựa vào nội dung về đặc điểm của các loại trách nhiệm pháp lý để xác định loại trách nhiệm pháp lý tương ứng với hành vi vi phạm của mỗi chủ thể trong các trường hợp 1, 2, 3, 4 (ở mục 1).

b. Theo em, trách nhiệm pháp lý là gì? Có những loại trách nhiệm pháp lý nào?

c. Em hãy cho biết trách nhiệm pháp lý có ý nghĩa gì. Giải thích và nêu ví dụ minh họa.

Tích hợp quyền con người

Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý trong một số tình huống cụ thể

Giáo viên căn cứ vào nội dung quyền con người như: quyền được sống, quyền sở hữu (trộm cắp tài sản, hủy hoại tài sản)... để học sinh nắm được quyền của mình trong quá trình tố tụng

Điều 25 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 quy định: “Tòa án xét xử công khai, mọi người đều có quyền tham dự phiên tòa, trừ trường hợp do Bộ luật này quy định. Trong trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, thuần phong, mỹ tục của dân tộc, bảo vệ người dưới 18 tuổi hoặc để giữ bí mật đời tư theo yêu cầu chính đáng của đương sự thì Tòa án có thể xét xử kín nhưng phải tuyên án công khai”. Hình thức xét xử công khai hay xét xử kín do Hội đồng xét xử quyết định. Nguyên tắc công khai thể hiện bằng việc Hội đồng xét xử phải trực tiếp xác định những tình tiết của vụ án bằng cách hỏi, nghe ý kiến của bị cáo, bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ, người làm chứng, người giám định, người khác tham gia phiên tòa được Tòa án triệu tập; xem xét, kiểm tra tài liệu, chứng cứ đã thu thập; công bố biên bản, tài liệu và tiến hành hoạt động tố tụng khác để kiểm tra chứng cứ; nghe ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự. Các quy định về công bố lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố; nghe, xem nội dung được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh. Việc trình bày, công bố báo cáo, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

c) Sản phẩm.

a. Xác định loại trách nhiệm pháp lí tương ứng với mỗi trường hợp:

+ Anh M phải chịu trách nhiệm hành chính.

Lí do:

Trách nhiệm đó phát sinh khi anh M vi phạm hành chính.

Trách nhiệm đó có giá trị bắt buộc và được quy định trong các văn bản pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông.

Trách nhiệm đó do cơ quan có thẩm quyền (cơ quan công an) áp dụng đối với anh M.

Trách nhiệm đó sẽ gây nên những thiệt hại về tài sản cho anh M.

Trách nhiệm đó buộc anh phải chịu các biện pháp cưỡng chế như: phạt tiền; tước quyền sử dụng giấy phép lái xe có thời hạn; tạm giữ xe máy...

+ Bà B phải chịu trách nhiệm dân sự.

Lí do:

Trách nhiệm đó phát sinh khi bà B vi phạm dân sự.

Trách nhiệm đó được quy định trong Bộ luật Dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Trách nhiệm đó do cơ quan có thẩm quyền (Toà án) áp dụng đối với bà B.

Trách nhiệm đó sẽ gây nên những thiệt hại về tài sản, nhân thân,... cho bà B (phải trả lại tiền cho ông A, ảnh hưởng đến danh dự, uy tín,...).

Trách nhiệm đó buộc bà B phải chịu các biện pháp cưỡng chế như: buộc trả nợ.....

+ Anh P phải chịu trách nhiệm kỉ luật.

Lí do:

Trách nhiệm đó phát sinh khi anh P vi phạm kỉ luật.

Trách nhiệm đó được quy định trong Bộ luật Lao động, nội quy, quy định của cơ quan, tổ chức.

Trách nhiệm đó do người đứng đầu công ty áp dụng đối với anh P.

Trách nhiệm đó gây nên những thiệt hại về công việc, thu nhập,... cho anh P.

Trách nhiệm đó buộc anh P phải chịu các biện pháp cưỡng chế như khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, buộc thôi việc,...

+ Anh T và anh Q phải chịu trách nhiệm hình sự.

Lí do:

Trách nhiệm đó phát sinh khi anh T và anh Q vi phạm hình sự.

Trách nhiệm đó được quy định trong Bộ luật Hình sự.

Trách nhiệm đó do cơ quan có thẩm quyền (Toà án) áp dụng đối với anh T và anh Q.

Trách nhiệm đó sẽ tước bỏ quyền, lợi ích của anh T và anh Q.

Trách nhiệm đó buộc anh T và anh Q phải chịu các biện pháp cưỡng chế như: phạt tiền, phạt tù, tử hình,...

b. Khái niệm và phân loại trách nhiệm pháp lí:

Trách nhiệm pháp lí là nghĩa vụ mà các chủ thể phải gánh chịu hậu quả bất lợi do Nhà nước quy định từ hành vi vi phạm pháp luật của mình.

Trách nhiệm pháp lí bao gồm: trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự, trách nhiệm hành

chính, trách nhiệm kỉ luật.

Ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí: là sự trừng phạt nghiêm khắc của pháp luật đối với các chủ thể vi phạm pháp luật; giáo dục mọi người có ý thức tôn trọng pháp luật, tuân theo quy định của pháp luật và các quy tắc của cuộc sống; nâng cao ý thức phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm; củng cố lòng tin của người dân vào pháp luật; góp phần duy trì trật tự và củng cố lòng tin của người dân vào pháp luật, an toàn xã hội.

Giải thích:

+ Trách nhiệm pháp lí là sự trừng phạt nghiêm khắc của pháp luật đối với các chủ thể vi phạm pháp luật vì trách nhiệm pháp lí buộc chủ thể vi phạm pháp luật phải gánh chịu những hậu quả bất lợi, phải chịu các biện pháp cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền và có thể bị tước bỏ quyền, lợi ích.

+ Trách nhiệm pháp lí giáo dục mọi người có ý thức tôn trọng pháp luật, tuân theo quy định của pháp luật và các quy tắc của cuộc sống; nâng cao ý thức phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm: trách nhiệm pháp lí giúp người dân nâng cao hiểu biết về pháp luật; giáo dục, răn đe mọi người tôn trọng, tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống để phòng tránh những hành vi vi phạm pháp luật, phòng tránh những hậu quả đáng tiếc có thể xảy ra. Trách nhiệm pháp lí giúp các chủ thể vi phạm pháp luật có cơ hội nhìn nhận lại lỗi lầm của mình và có ý thức để thay đổi tích cực hơn.

+ Trách nhiệm pháp lí củng cố lòng tin của người dân vào pháp luật; góp phần duy trì trật tự, an toàn xã hội: Việc pháp luật kịp thời xử lí những chủ thể phạm tội với những biện pháp tương ứng với mức độ sai phạm sẽ khiến người dân thêm tin tưởng vào tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời hạn chế các hành vi vi phạm, góp phần duy trì an ninh trật tự, an toàn xã hội.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin trong SGK và trả lời các câu hỏi:</p> <p>a. Em hãy dựa vào nội dung về đặc điểm của các loại trách nhiệm pháp lí để xác định loại trách nhiệm pháp lí tương ứng với hành vi vi phạm của mỗi chủ thể trong các trường hợp 1, 2, 3, 4 (ở mục 1).</p> <p>b. Theo em, trách nhiệm pháp lí là gì? Có những loại trách nhiệm pháp lí nào?</p> <p>c. Em hãy cho biết trách nhiệm pháp lí có ý nghĩa gì. Giải thích và nêu ví dụ minh họa.</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận.</p> <p>- Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.</p> <p>Báo cáo thảo luận</p> <p>- Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra qua việc trả lời câu hỏi 1 và 2, 3</p> <p>- Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.</p> <p>Kết luận, nhận định</p> <p>- Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét</p> <p>Trách nhiệm pháp lí là nghĩa vụ mà các chủ thể phải gánh chịu hậu quả bất lợi do Nhà nước quy định từ hành vi vi phạm pháp luật của mình.</p>	<p>2. Trách nhiệm pháp lí</p> <p>Trách nhiệm pháp lí là nghĩa vụ mà các chủ thể phải gánh chịu hậu quả bất lợi do Nhà nước quy định từ hành vi vi phạm pháp luật của mình.</p> <p>Trách nhiệm pháp lí bao gồm: trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm kỉ luật</p> <p>Ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí:</p> <p>Thể hiện tính tôn nghiêm của pháp luật.</p> <p>Là sự trừng phạt nghiêm khắc của pháp luật đối với các chủ thể vi phạm pháp luật.</p> <p>Giáo dục mọi người có ý thức tôn trọng pháp luật, tuân theo quy định của pháp luật và các quy tắc của cuộc sống; nâng cao ý thức phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm</p>

3. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em hãy cho biết các ý kiến dưới đây đúng hay sai. Giải thích vì sao

a) Tất cả những hành vi trái pháp luật, xâm hại tới các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ đều là hành vi vi phạm pháp luật.

b) Người say rượu không nhận thức được hành vi của mình nên mọi hành vi trái pháp luật do người say rượu gây ra đều không phải là hành vi vi phạm pháp luật.

c) Trách nhiệm pháp lý gắn liền với các hậu quả bất lợi mà các chủ thể vi phạm pháp luật phải chịu nên chỉ mang lại những ý nghĩa tiêu cực.

d) Trách nhiệm pháp lý góp phần ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật trong cuộc sống.

a) Mục tiêu.

- HS củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá.

- HS rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc cá nhân, viết câu trả lời cho từng ý kiến vào giấy, vở hoặc phiếu học tập.

Em hãy cho biết các ý kiến dưới đây đúng hay sai. Giải thích vì sao

c) Sản phẩm.

a. Đây là ý kiến sai vì những hành vi trái pháp luật, xâm hại tới các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ nhưng không có yếu tố lỗi, do chủ thể không có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện thì không phải là hành vi vi phạm pháp luật.

b. Đây là ý kiến sai vì theo quy định tại Điều 13 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì người phạm tội trong tình trạng mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự và say rượu chỉ là một trạng thái nhất thời của con người khi sử dụng chất kích thích, khi hết ảnh hưởng từ rượu thì con người sẽ có sự tỉnh táo trở lại, những hành vi của người say rượu mà có đủ các dấu hiệu cấu thành vi phạm pháp luật đều là hành vi vi phạm pháp luật.

c. Đây là ý kiến sai vì bên cạnh những ý nghĩa tiêu cực đối với chủ thể vi phạm pháp luật thì trách nhiệm pháp lý còn mang lại những ý nghĩa tích cực như: giáo dục mọi người có ý thức tôn trọng pháp luật, tuân theo quy định của pháp luật và các quy tắc của cuộc sống; nâng cao ý thức phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm; củng cố lòng tin của người dân vào pháp luật; góp phần duy trì trật tự an toàn xã hội;...

d. Đây là ý kiến đúng vì trách nhiệm pháp lý góp phần răn đe, cảnh cáo để các chủ thể không thực hiện hành vi vi phạm pháp luật; đồng thời, giáo dục mọi người có ý thức tôn trọng pháp luật, tuân theo quy định của pháp luật; nâng cao ý thức phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc cá nhân, viết câu trả lời cho từng ý kiến vào giấy, vở hoặc phiếu học tập.

Em hãy cho biết các ý kiến dưới đây đúng hay sai. Giải thích vì sao

Thực hiện nhiệm vụ

GV mời 1 – 2 HS đưa ra câu trả lời cho từng ý kiến, mời một vài HS khác nhận xét, bổ sung.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được một số biểu hiện của vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý

Câu 2. Em hãy chỉ ra các dấu hiệu vi phạm pháp luật, đặc điểm trách nhiệm pháp lý của mỗi chủ thể dưới đây và xác định loại vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý tương ứng của từng chủ thể.

a) Ông P tổ chức hoạt động chống phá Nhà nước, gây rối an ninh trật tự địa phương nên bị Toà án tuyên phạt 9 năm tù giam.

b) Anh N (20 tuổi) điều khiển xe mô tô đi ngược chiều trên đường cao tốc nên bị cảnh sát giao thông lập biên bản phạt tiền và tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe 3 tháng.

c) Bạn T bị Ban Giám hiệu nhà trường khiển trách vì thường xuyên trốn học đi chơi.

d) Toà soạn báo G đăng tải bài viết sai sự thật, gây ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm của chị A nên bị Toà án buộc cải chính thông tin và xin lỗi chị A công khai.

e) Anh B bị chính quyền địa phương lập biên bản xử phạt vì gây mất an ninh trật tự khi kinh doanh.

g) Chị O không thực hiện đúng các thoả thuận trong hợp đồng lao động với công ty nên bị Giám đốc công ty ra quyết định buộc thôi việc.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ HS tự nghiên cứu bài tập 2 trong SGK: suy nghĩ để đưa ra nhận định cho từng vấn đề đưa ra

Em hãy chỉ ra các dấu hiệu vi phạm pháp luật, đặc điểm trách nhiệm pháp lí của mỗi chủ thể dưới đây và xác định loại vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lí tương ứng của từng chủ thể.

c) Sản phẩm.

a. Ông P vi phạm hình sự và đã phải chịu trách nhiệm hình sự.

Giải thích:

+ Ông P vi phạm hình sự vì hành vi tổ chức hoạt động chống phá Nhà nước, gây rối an ninh trật tự địa phương là hành vi gây nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đây là hành vi có lỗi cố ý, ông P đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và phải chịu trách nhiệm theo quy định của Bộ luật Hình sự.

+ Ông P đã phải chịu trách nhiệm hình sự vì bản án 9 năm tù giam là một biện pháp cưỡng chế gắn liền với trách nhiệm hình sự, bản án này tước bỏ quyền tự do về thân thể và các quyền, lợi ích khác của ông P; mức xử phạt này được quy định trong Bộ luật Hình sự và do Toà án áp dụng đối với ông P sau khi ông thực hiện hành vi vi phạm hình sự.

b. Anh N vi phạm hành chính và đã phải chịu trách nhiệm hành chính.

Giải thích:

+ Anh N vi phạm hành chính vì hành vi điều khiển xe mô tô đi ngược chiều trên đường cao tốc là hành vi vi phạm quy định của Luật Giao thông đường bộ, gây nguy hiểm cho bản thân anh N và những người tham gia giao thông khác; hành vi của anh N là hành vi có lỗi (có ý đi ngược chiều hoặc vô ý đi ngược chiều do không biết); anh N đủ năng lực trách nhiệm pháp lí (20 tuổi); hành vi của anh N phải chịu trách nhiệm hành chính theo quy định của pháp luật.

+ Anh N đã phải chịu trách nhiệm hành chính vì phạt tiền và tước giấy phép lái xe là hai biện pháp cưỡng chế gắn liền với trách nhiệm hành chính, khiến anh N phải chịu thiệt hại về tiền bạc và bị hạn chế quyền sử dụng xe mô tô tham gia giao thông (vì bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe 3 tháng), mức xử phạt này được quy định trong các văn bản luật về xử lí vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông và do cá nhân có thẩm quyền (cảnh sát giao thông) áp dụng đối với anh N khi anh vi phạm hành chính.

c. Bạn T vi phạm kỉ luật và đã phải chịu trách nhiệm kỉ luật.

Giải thích:

+ Bạn T vi phạm kỉ luật vì T là một học sinh trong trường, việc trốn học đi chơi là hành vi vi phạm nội quy trường học, gây ảnh hưởng tiêu cực đến kỉ cương, nề nếp của trường; T đã lặp đi lặp lại hành vi này nhiều lần (thường xuyên) nên đây là lỗi cố ý; T phải chịu trách nhiệm kỉ luật theo quy định.

+ Bạn T đã phải chịu trách nhiệm kỉ luật vì khiển trách là một biện pháp cưỡng chế gắn liền với trách nhiệm kỉ luật, do chủ thể có thẩm quyền (Ban Giám hiệu nhà trường) áp dụng với T khi T vi phạm kỉ luật (trốn học), mức phạt này được quy định trong nội quy, quy chế trường học và khiến T bị ảnh hưởng xấu về danh dự, thể diện.

d. Toà soạn báo G vi phạm dân sự và đã phải chịu trách nhiệm dân sự.

Giải thích:

+ Toà soạn báo G vi phạm dân sự vì hành vi đăng tải bài viết sai sự thật về chị A là hành vi vi phạm quy định của Bộ luật Dân sự về quyền nhân thân của cá nhân, khiến chị A bị ảnh hưởng xấu đến danh dự, thể diện. Đây là hành vi có lỗi và phải chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

+ Toà soạn báo G đã phải chịu trách nhiệm dân sự vì buộc cải chính thông tin và xin lỗi công khai là hai biện pháp cưỡng chế gắn liền với trách nhiệm dân sự, do Toà án áp dụng với Toà soạn báo

G khi Toà soạn báo G vi phạm dân sự, mức phạt này được quy định trong Bộ luật Dân sự cùng các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và khiến Toà soạn báo G chịu thiệt hại về uy tín.

e. Anh B vi phạm hành chính và chịu trách nhiệm hành chính.

Giải thích:

+ Anh B vi phạm hành chính vì hành vi gây mất an ninh trật tự khi kinh doanh là hành vi vi phạm quy định của pháp luật về quản lý hành chính nhà nước, gây rối loạn an ninh trật tự, an toàn xã hội; hành vi của anh B là hành vi có lỗi; anh B đủ năng lực trách nhiệm pháp lý (trên 18 tuổi); hành vi của anh B phải chịu trách nhiệm hành chính theo quy định của pháp luật.

+ Anh B đã phải chịu trách nhiệm hành chính vì việc lập biên bản xử phạt tại chỗ là một hình thức cưỡng chế gắn liền với trách nhiệm hành chính và sẽ khiến anh B phải chịu thiệt hại về tiền bạc hoặc bị tịch thu tài sản, mức xử phạt này được quy định trong các văn bản luật về xử lý vi phạm hành chính và do chính quyền địa phương áp dụng đối với anh B khi anh vi phạm hành chính.

g. Chị O vi phạm kỉ luật và phải chịu trách nhiệm kỉ luật.

Giải thích:

+ Chị O vi phạm kỉ luật vì chị O là một nhân viên trong nội bộ công ty, việc không thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng lao động là hành vi vi phạm quy định của Bộ luật Lao động và quy chế công ty, gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động bình thường của công ty; đây là hành vi có lỗi và chị O phải chịu trách nhiệm kỉ luật theo quy định.

+ Chị O đã phải chịu trách nhiệm kỉ luật vì buộc thôi việc là một biện pháp cưỡng chế gắn liền với trách nhiệm kỉ luật, do chủ thể có thẩm quyền (Giám đốc công ty) áp dụng với chị O khi chị vi phạm kỉ luật (không thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng lao động), mức phạt này được quy định trong Bộ luật Lao động, quy chế công ty và khiến chị O bị mất việc làm.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ HS tự nghiên cứu bài tập 2 trong SGK: suy nghĩ để đưa ra nhận định cho từng vấn đề đưa ra

Em hãy chỉ ra các dấu hiệu vi phạm pháp luật, đặc điểm trách nhiệm pháp lý của mỗi chủ thể dưới đây và xác định loại vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý tương ứng của từng chủ thể.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để hiểu rõ nội dung trong từng trường hợp

Câu 3. Em hãy phân tích, đánh giá các hành vi vi phạm pháp luật của các chủ thể trong những tình huống sau để xác định loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý tương ứng.

a) Anh V (26 tuổi) quen chị D (18 tuổi) và biết chị đang có nhu cầu tìm việc làm nên đã rủ chị sang nước ngoài làm thuê nhưng mục đích là để lừa bán. Chị D nghe theo và bị anh V đưa ra nước ngoài bán. Hơn một năm sau, chị D bỏ trốn về Việt Nam và tố cáo hành vi của anh V với cơ quan chức năng.

b) Tan học, anh Q (16 tuổi) thấy một chiếc ví của ai đó rơi trên đường nên dừng xe kiểm tra và phát hiện trong ví có gần 6 triệu đồng cùng một số giấy tờ cá nhân. Quan sát xung quanh thấy vắng vẻ, anh Q quyết định giữ lại khoản tiền và chiếc ví để sử dụng, còn những giấy tờ cá nhân kia thì vứt xuống mương nước ven đường.

c) Khi li hôn, ông H đồng ý để bà N nuôi hai con nhỏ, còn mình sẽ có trách nhiệm chu cấp tiền nuôi con hằng tháng. Tuy nhiên, sau đó ông không chịu đóng góp chi phí cấp dưỡng cho con như đã thỏa thuận khiến bà N và các con gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống. Không đồng tình với hành vi của ông H bà N đã làm đơn khởi kiện gửi Toà án đề nghị xem xét giải quyết.

d) Công ty chế biến thực phẩm A quy định tất cả các công nhân phải đeo găng tay, sử dụng mũ trùm đầu, đeo khẩu trang trong quá trình làm việc để đảm bảo vệ sinh. Tuy nhiên, chị P (công nhân

của công ty) cho rằng đeo khẩu trang vướng víu, khó thở nên thường kéo khẩu trang xuống dưới cằm, không che miệng và mũi.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến sự cần thiết tôn trọng pháp luật

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi

Em hãy phân tích, đánh giá các hành vi vi phạm pháp luật của các chủ thể trong những tình huống sau để xác định loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý tương ứng.

c) Sản phẩm.

- Tình huống a)

+ *Dấu hiệu vi phạm pháp luật:* Anh V có hành vi lừa gạt và buôn bán người qua biên giới.

+ *Loại vi phạm pháp luật:* vi phạm hình sự

+ *Loại trách nhiệm pháp lý:* trách nhiệm hình sự

- Tình huống b)

+ *Dấu hiệu vi phạm pháp luật:* chiếm giữ tài sản do người khác bỏ quên/ làm rơi (tài sản trị giá 6 triệu đồng).

+ *Loại vi phạm pháp luật:* vi phạm hành chính

+ *Loại trách nhiệm pháp lý:* trách nhiệm hành chính

- Tình huống c)

+ *Dấu hiệu vi phạm pháp luật:* ông H không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con như thỏa thuận

+ *Loại vi phạm pháp luật:* vi phạm dân sự

+ *Loại trách nhiệm pháp lý:* trách nhiệm dân sự

- Tình huống d)

+ *Dấu hiệu vi phạm pháp luật:* chị P vi phạm nội quy lao động của công ty A

+ *Loại vi phạm pháp luật:* vi phạm kỉ luật

+ *Loại trách nhiệm pháp lý:* trách nhiệm kỉ luật

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

Em hãy phân tích, đánh giá các hành vi vi phạm pháp luật của các chủ thể trong những tình huống sau để xác định loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý tương ứng.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để hiểu rõ được nội dung vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý

Câu 4. Em hãy nhận xét hành vi của mỗi chủ thể trong các tình huống sau và tư vấn cho các chủ thể để phòng tránh các hành vi vi phạm pháp luật.

a) Hai bạn H và C (15 tuổi) chơi thân với nhau từ nhỏ. Một lần, H vô tình biết C đang có ý định tụ tập cùng nhóm bạn xấu gây gỗ đánh nhau. H lo lắng nếu C đánh nhau sẽ bị công an bắt nên can ngăn nhưng bị C gạt đi vì cho rằng mình còn nhỏ nên có đánh nhau cũng không bị xử phạt.

b) Bạn Y đang tưới nước cho cây cảnh ở trước cổng thì A (15 tuổi) - bạn cùng thôn đạp xe qua rủ đi giao hàng cùng. A lấy từ chiếc ba lô của mình một gói đồ được bọc kín trong túi bóng màu đen và vui mừng khoe với Y rằng mình sẽ được bà D trả 200.000 đồng tiền công nếu qua xã bên giao gói đồ này hộ bà. Y cảm thấy băn khoăn trong gói đồ đó chứa gì, nhưng A cũng không biết và chỉ muốn nhanh chóng giao xong đồ để được nhận tiền công.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến vấn đề vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi

Em hãy nhận xét hành vi của mỗi chủ thể trong các tình huống sau và tư vấn cho các chủ thể để phòng tránh các hành vi vi phạm pháp luật.

c) Sản phẩm.

a. Tư vấn cho C: Hành vi gây gỗ đánh nhau là hành vi vi phạm quy định của pháp luật, xâm hại sức khỏe, thân thể, tính mạng của người khác và sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý tương ứng. Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng được quy định trong Bộ luật Hình sự; theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính về vi phạm hành chính do cố ý. Do đó, dù C mới 15 tuổi nhưng nếu cố ý gây sự đánh nhau thì C vẫn có thể bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. => C nên tuân thủ các quy định của pháp luật để tránh gây nên những hậu quả đáng tiếc cho bản thân và người khác.

b. Tư vấn cho A: A không nên tự ý nhận lời khi được người khác nhờ cất giữ, vận chuyển, giao nhận bất cứ món đồ gì vì món đồ đó có thể là hàng cấm, vi phạm quy định của pháp luật. A cần xác minh cẩn thận các món đồ được người khác nhờ giao, không nên nhận lời giao đồ cho người lạ. Hiện nay nhiều đối tượng xấu lợi dụng trẻ em để trốn tránh cơ quan chức năng, thực hiện các hành vi phạm tội nên A cần nâng cao cảnh giác để tránh vi phạm pháp luật.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi

Em hãy nhận xét hành vi của mỗi chủ thể trong các tình huống sau và tư vấn cho các chủ thể để phòng tránh các hành vi vi phạm pháp luật.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân
- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để hiểu rõ được nội dung vấn đề

4. Hoạt động: Vận dụng

Hãy chia sẻ những việc em đã làm và dự định sẽ làm trong cuộc sống hằng ngày để phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. Học sinh làm việc tại nhà, tự đánh giá và chia sẻ những việc em đã làm và dự định sẽ làm trong cuộc sống hằng ngày để phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật.

c) Sản phẩm.

- Học sinh biết vận dụng các kiến thức đã học để nhìn nhận, đánh giá và phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

Học sinh làm việc tại nhà, tự đánh giá và chia sẻ những việc em đã làm và dự định sẽ làm trong cuộc sống hằng ngày để phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật.

c) Sản phẩm.

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.

Báo cáo, thảo luận

GV mời 1 – 2 HS báo cáo kết quả thực hiện bài tập này vào hoạt động khởi động của tiết học tuần kế tiếp.

Kết luận, nhận định

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập, chọn 5 – 10 bài viết của HS để chấm điểm đưa

vào điểm đánh giá thường xuyên.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

BÀI 10: QUYỀN TỰ DO KINH DOANH VÀ NGHĨA VỤ NỘP THUẾ (4 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức

- Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.
- Nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.

2. Năng lực

- Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế..
- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế..
- Năng lực phát triển bản thân: Tự đánh giá được thái độ, hành vi lao động của bản thân trong đời sống thực tế; Có kế hoạch và thực hiện kế hoạch khắc phục, cải thiện những điểm chưa tốt, chưa phù hợp trong lao động của bản thân.
- Năng lực điều chỉnh hành vi: Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.
- Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực, chủ động tham gia tìm hiểu các hoạt động liên quan đến quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế phù hợp với lứa tuổi
- Trách nhiệm: trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế, tích cực vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.

4. Nội dung tích hợp

a. Tích hợp quyền con người

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế.

b. Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ: Nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế

c. Tích hợp khung năng lực số và AI

- **Các năng lực số có thể tích hợp:** NL: 1.3. Quản lý dữ liệu, thông tin và nội dung số: Tìm kiếm, tiếp nhận và xử lý được các thông tin phù hợp để hỗ trợ hoạt động kinh doanh, bước đầu nâng cao nhận thức về kinh doanh và nộp thuế

+ **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** NLc: Các kỹ thuật và ứng dụng AI: Hiểu được khái niệm dữ liệu, thuật toán, mô hình AI; biết dùng một số công cụ AI đơn giản phục vụ hoạt động kinh doanh một cách phù hợp

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Công dân 9;
- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động: Mở đầu

- a) **Mục tiêu.** Khai thác vốn sống, hiểu biết của bản thân HS về quyền và nghĩa vụ của công dân trong kinh doanh, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về chủ đề bài học mới.

b) **Nội dung.** GV giao nhiệm vụ cho HS: *Em hãy nêu một số quyền, nghĩa vụ của công dân trong kinh doanh mà em biết.*

c) **Sản phẩm.** Học sinh bước đầu biết và chỉ ra được những biểu hiện của quyền và nghĩa vụ của công dân khi kinh doanh

- Quyền:

- + Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm;
- + Lựa chọn hình thức, quy mô kinh doanh;
- + Quyền tự chủ kinh doanh (vốn, thị trường, khách hàng, lĩnh vực đầu tư, kinh doanh, ...).

- Nghĩa vụ:

- + Tuân thủ quy định của pháp luật về kinh doanh;
- + Đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động trong doanh nghiệp và người tiêu dùng;
- + Tuân thủ các quy định khác của pháp luật về bảo vệ môi trường, an sinh xã hội.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV giao nhiệm vụ cho HS: *Em hãy nêu một số quyền, nghĩa vụ của công dân trong kinh doanh mà em biết.*

Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình
- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Ở Việt Nam, mọi người được tự do kinh doanh trong khuôn khổ của pháp luật. Điều đó có nghĩa là khi thực hiện các quyền cụ thể trong nội dung của quyền tự do kinh doanh, các chủ thể phải tuân thủ các điều kiện pháp luật quy định và phải thực hiện một số nghĩa vụ tương ứng.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Quyền tự do kinh doanh

a) Mục tiêu.

- HS nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh.
- HS phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh trong một số tình huống cụ thể.
- HS nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh

b) Nội dung.

GV giao nhiệm vụ cho HS quan sát các hình ảnh trong SGK và trả lời các câu hỏi:

a. *Em hãy nêu các quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh của công dân. Công dân có trách nhiệm gì khi thực hiện quyền tự do kinh doanh?*

b. *Theo em, trong các trường hợp 1 và 2, chủ thể nào đã vi phạm quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh? Các hành vi vi phạm đó có thể dẫn đến những hậu quả gì? Vì sao?*

Tích hợp quyền con người

- Mức độ tích hợp: Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế.

- Cách thức thực hiện: Giáo viên căn cứ vào nội dung quyền con người như: quyền tự do kinh doanh, quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc giáo viên yêu cầu học sinh lấy các tình huống để giúp học sinh hiểu được mối quan hệ giữa thực hiện các quyền trên lĩnh vực kinh tế với quyền con người.

Quyền con người đã được cụ thể hóa thành các quyền, trong đó lần đầu tiên quyền tự do kinh doanh đã được ghi nhận trong Hiến pháp năm 1992. Mặc dù còn hạn chế ở phạm vi quyền tự do kinh doanh khi các chủ thể chỉ được tự do kinh doanh ở những lĩnh vực mà pháp luật cho phép, nhưng so với các quan điểm quản lý kinh tế thời kì trước đó, đây được xem là bước tiến đặc biệt quan trọng trong việc ghi nhận quyền tự do kinh doanh ở Việt Nam. Đặc biệt, Hiến pháp năm 2013 thừa nhận quyền tự do kinh doanh là một trong những quyền cơ bản của con người.

Từ quy định trong Hiến pháp 2013, quyền tự do kinh doanh đã được hiện thực hóa trong hệ thống pháp luật về kinh doanh, nhất là ở các văn bản luật gốc, có tác động lớn đến cộng đồng doanh

ngành như Luật Doanh nghiệp 2014, Luật Đầu tư 2014 và sửa đổi, bổ sung năm 2016. Theo đó, quyền tự do kinh doanh đã được tiếp cận theo hướng đơn giản hóa điều kiện, thủ tục cấp phép, bãi bỏ nhiều quy định về điều kiện kinh doanh, đồng thời mở rộng các nhóm quyền tự quyết của doanh nghiệp. Lần đầu tiên, Danh mục đầy đủ các ngành, nghề cấm kinh doanh và kinh doanh có điều kiện được tập hợp, liệt kê cụ thể trong một văn bản Luật.

Tích hợp khung năng lực số và AI

- **Các năng lực số có thể tích hợp:** NL: 1.3. Quản lý dữ liệu, thông tin và nội dung số: Tìm kiếm, tiếp nhận và xử lý được các thông tin phù hợp để hỗ trợ hoạt động kinh doanh, bước đầu nâng cao nhận thức về kinh doanh và nộp thuế

+ **Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AI:** NLc: Các kỹ thuật và ứng dụng AI: Hiểu được khái niệm dữ liệu, thuật toán, mô hình AI; biết dùng một số công cụ AI đơn giản phục vụ hoạt động kinh doanh một cách phù hợp

- **Cách thức thực hiện.** Giáo viên yêu cầu học sinh sử dụng các công cụ số và AI để hiểu được các quyền tự do kinh doanh và hiểu rõ hơn về các loại thuế. Tích cực tham gia tuyên truyền để người thân thực hiện tốt pháp luật về kinh doanh và nộp thuế

c) Sản phẩm.

a. Quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh của công dân: Mọi người có quyền tự do lựa chọn những ngành nghề kinh doanh trong phạm vi những ngành nghề mà pháp luật không cấm; có quyền tự do lựa chọn mô hình kinh doanh phù hợp với nhu cầu, điều kiện, khả năng của bản thân; tự do lựa chọn loại hình tổ chức kinh tế để thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh; có quyền lựa chọn quy mô kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh.

Trách nhiệm của công dân khi thực hiện quyền tự do kinh doanh: tuân thủ các quy định của Hiến pháp và pháp luật về kinh doanh; tôn trọng và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng và người lao động trong các cơ sở kinh doanh; chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo đảm an sinh xã hội; phê phán, tố cáo các hành vi tiêu cực vi phạm quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh;...

b. Nhận xét và giải thích các trường hợp:

+ Trong trường hợp 1, anh T và vợ đã vi phạm quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh khi kinh doanh hàng giả (thực phẩm chức năng và thuốc tân được giả mạo sản phẩm của các nhãn hiệu nổi tiếng thế giới).

Hành vi này có thể dẫn đến những hậu quả như: ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe, tính mạng, tâm lý, tài chính, công việc, cuộc sống của người tiêu dùng; khiến các doanh nghiệp sản xuất được phẩm bị làm giả thiệt hại về tài chính, uy tín; gây rối loạn thị trường; khiến chủ thể vi phạm phải chịu trách nhiệm pháp lý tương ứng theo quy định của pháp luật;...

Giải thích hậu quả:

Ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe, tính mạng của người tiêu dùng: Người tiêu dùng sử dụng thuốc giả không đảm bảo chất lượng, không có tác dụng chữa bệnh, khiến sức khỏe bị suy giảm, tình trạng bệnh tật trở nên nghiêm trọng hơn và có thể tử vong nếu không được can thiệp kịp thời.

Ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý, cuộc sống của người tiêu dùng: Người tiêu dùng mất tiền để mua thuốc về sử dụng nhưng lại mua phải thuốc giả, không có tác dụng hoặc gây nên những tác dụng tiêu cực với sức khỏe, dẫn đến tâm lý buồn chán, lo lắng, sợ hãi; cuộc sống bị đảo lộn, khó khăn hơn.

Khiến các doanh nghiệp sản xuất được phẩm bị làm giả thiệt hại về tài chính, uy tín: Khi người tiêu dùng mua và sử dụng hàng giả (nhưng tưởng là hàng thật) thì sẽ không có tác dụng hoặc nhận về những tác dụng tiêu cực nên sẽ có những phản hồi, đánh giá không tốt với chất lượng sản phẩm, khiến doanh thu của doanh nghiệp sản xuất hàng thật bị sụt giảm, gây tổn thất về tài chính, uy tín.

Gây rối loạn thị trường: Khi hàng giả và hàng thật được bày bán lẫn lộn trên thị trường thì người tiêu dùng không thể biết nên mua loại hàng nào. Mặt khác hàng giả thường có xu hướng bán giá rẻ hơn hàng thật nên sẽ gây nên tình trạng loạn giá cả trên thị trường.

Chủ thể vi phạm phải chịu trách nhiệm pháp lý tương ứng theo quy định của pháp luật: Theo quy định tại Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh có thể bị phạt tù từ 02 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc

tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Trong trường hợp 2, anh B và anh C đã vi phạm quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh khi kinh doanh mặt hàng mà pháp luật cấm (cụ thể là pháo nổ). Hành vi này có thể dẫn đến những hậu quả như: ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe, tính mạng của con người; gây rối loạn an ninh trật tự, an toàn xã hội; người thực hiện hành vi vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý tương ứng theo quy định của pháp luật;...

Giải thích hậu quả:

Ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe, tính mạng của con người: khi các loại pháo nổ được sử dụng, bảo quản, vận chuyển không đúng cách thì có thể gây cháy, nổ thương tích cho con người, thậm chí thiệt mạng.

Gây rối loạn an ninh trật tự, an toàn xã hội: pháo nổ là mặt hàng cấm kinh doanh tại Việt Nam, việc anh B và anh C sản xuất, buôn bán pháo nổ là vi phạm quy định của pháp luật, gây nên tình trạng rối loạn do nhiều người tiêu dùng bất chấp quy định mua pháo về sử dụng, gây nguy hiểm cho con người.

Người thực hiện hành vi vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý tương ứng theo quy định của pháp luật: Theo quy định tại Điều 190 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người sản xuất buôn bán pháo nổ trái pháp luật có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 15 năm.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV giao nhiệm vụ cho HS quan sát các hình ảnh trong SGK và trả lời các câu hỏi:</p> <p>a. Em hãy nêu các quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh của công dân. Công dân có trách nhiệm gì khi thực hiện quyền tự do kinh doanh?</p> <p>b. Theo em, trong các trường hợp 1 và 2, chủ thể nào đã vi phạm quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh? Các hành vi vi phạm đó có thể dẫn đến những hậu quả gì? Vì sao?</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. <p>Báo cáo, thảo luận</p> <p>HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm đôi, lần lượt viết câu trả lời ra nháp/phiếu học tập.</p> <p>Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét <p>Mọi người có quyền tự do kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật không cấm, có quyền tự do lựa chọn mô hình kinh doanh, tự do lựa chọn loại hình tổ chức kinh tế để kinh doanh. Mọi người có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của pháp luật về kinh doanh.</p>	<p>1. Quyền tự do kinh doanh</p> <p>Mọi người có quyền tự do kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật không cấm, có quyền tự do lựa chọn mô hình kinh doanh, tự do lựa chọn loại hình tổ chức kinh tế để kinh doanh. Mọi người có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của pháp luật về kinh doanh.</p>

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Nghĩa vụ nộp thuế

a) Mục tiêu.

- HS nêu được quy định cơ bản của pháp luật về nghĩa vụ nộp thuế.
- HS phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật về nghĩa vụ nộp thuế trong một số tình huống cụ thể.
- HS nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế.

b) Nội dung.

GV giao nhiệm vụ cho HS quan sát các hình ảnh trong SGK và trả lời các câu hỏi:

a. Em hãy nêu quy định của pháp luật về nghĩa vụ nộp thuế. Công dân có trách nhiệm như thế nào trong việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế

b. Trong các trường hợp 1 và 2, các chủ thể đã vi phạm quy định của pháp luật về nghĩa vụ nộp thuế như thế nào? Các hành vi vi phạm đó có thể dẫn đến những hậu quả gì?

Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ: Nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế

- **Cách thức thực hiện:** + Số liệu hoặc câu chuyện về các bạn trẻ khởi nghiệp thành công từ sớm => khơi gợi khát vọng được đóng góp vào sự phát triển kinh tế của HS. + Số liệu về thuế và vai trò về thuế để HS thấy được trách nhiệm của bản thân, gia đình trong việc thực hiện nghĩa vụ đóng thuế.

c) Sản phẩm.

a. Quy định của pháp luật về nghĩa vụ nộp thuế: mọi người có nghĩa vụ đăng kí thuế, khai thuế, nộp thuế đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật. Khi nộp thuế, người dân được cung cấp thông tin, tài liệu để thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi về thuế; được giữ bí mật thông tin, trừ những thông tin phải cung cấp cho cơ quan thuế; được hưởng các ưu đãi về thuế, hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế; được hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện việc nộp thuế...

Trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế: phải thực hiện đăng kí thuế, sử dụng mã số thuế theo quy định; phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ thuế; phải tuân thủ các quy định của pháp luật về nghĩa vụ nộp thuế; tích cực tuyên truyền, vận động gia đình, xã hội thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân về nghĩa vụ nộp thuế;...

b. Nhận xét và giải thích các trường hợp:

Trong trường hợp 1, ông Q đã vi phạm quy định của pháp luật về nghĩa vụ nộp thuế khi chỉ đạo chị T (kế toán) mua 8 hoá đơn giá trị gia tăng của các công ty khác để sử dụng hợp thức hoá số lượng đất, cát không rõ nguồn gốc nhằm trốn thuế gần 600 triệu đồng.

Hành vi này gây thất thoát ngân sách nhà nước, khiến chủ thể vi phạm phải chịu trách nhiệm pháp lí theo quy định của pháp luật.

Giải thích hậu quả:

Gây thất thoát ngân sách nhà nước: khi ông Q và chị T thực hiện hành vi trốn thuế thì công ty của ông Q sẽ trốn nộp gần 600 triệu đồng tiền thuế dẫn đến ngân sách thiệt hại gần 600 triệu đồng.

Khiến chủ thể vi phạm phải chịu trách nhiệm pháp lí theo quy định của pháp luật: theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người thực hiện hành vi trốn thuế có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 07 năm. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản (Điều 200).

Trong trường hợp 2, chị G đã vi phạm quy định của pháp luật về nghĩa vụ nộp thuế khi không thực hiện đăng kí, kê khai và nộp thuế theo quy định dù bán hàng trực tuyến có doanh thu rất lớn.

Hành vi này gây thất thoát ngân sách nhà nước, gây rối loạn thị trường và khiến chủ thể vi phạm phải chịu trách nhiệm pháp lí theo quy định của pháp luật.

Giải thích hậu quả:

Gây thất thoát ngân sách nhà nước: với thu nhập 147 tỉ đồng đáng ra chị G phải nộp số tiền thuế hàng tỉ đồng vào ngân sách nhà nước nhưng chị lại không kê khai, không nộp thuế dẫn đến ngân sách không tiếp nhận được khoản tiền thuế của chị, gây thất thoát.

Gây rối loạn thị trường: vì không nộp thuế nên giá các mặt hàng mà chị G bán có thể rẻ hơn các cơ sở kinh doanh khác (giá cao hơn do tính cả thuế) dẫn đến sự cạnh tranh không lành mạnh, gây rối loạn thị trường.

Khiến chủ thể vi phạm phải chịu trách nhiệm pháp lí theo quy định của pháp luật: theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người thực hiện hành vi trốn thuế có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 07 năm. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản (Điều 200).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV giao nhiệm vụ cho HS quan sát các hình ảnh trong SGK và trả lời các câu hỏi:</p> <p>a. Em hãy nêu quy định của pháp luật về nghĩa vụ nộp thuế. Công dân có trách nhiệm như thế nào trong việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế</p> <p>b. Trong các trường hợp 1 và 2, các chủ thể đã vi phạm quy định của pháp luật về nghĩa vụ nộp thuế như thế nào? Các hành vi vi phạm đó có thể dẫn đến những hậu quả gì?</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. <p>Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra qua việc trả lời câu hỏi 1 và 2, 3 - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. <p>Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét <p>Mọi người phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế; tích cực tuyên truyền, vận động gia đình, xã hội thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.</p>	<p>2. Nghĩa vụ nộp thuế</p> <p>Mọi người có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật. Người nộp thuế phải thực hiện đăng ký thuế, sử dụng mã số thuế theo quy định; phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ thuế,...</p>

3. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em đồng tình hay không đồng tình với các ý kiến sau đây? Vì sao?

- Học sinh (dưới 18 tuổi) không có quyền tự do kinh doanh.
- Hành vi vi phạm quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh có thể gây nên nhiều tệ nạn xã hội.
- Chỉ những người có nộp thuế mới phải thực hiện trách nhiệm của công dân về nghĩa vụ nộp thuế.
- Mọi người có quyền tự do kinh doanh tất cả các ngành, nghề theo sở thích của bản thân.
- Mọi người phải khai thuế chính xác, trung thực, nếu không sẽ phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

a) Mục tiêu.

- HS củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá.
- HS rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc cá nhân, viết câu trả lời cho từng ý kiến vào giấy, vở hoặc phiếu học tập.

Em đồng tình hay không đồng tình với các ý kiến sau đây? Vì sao?

c) Sản phẩm.

a. Không đồng tình vì học sinh dưới 18 tuổi vẫn có quyền tự do kinh doanh nhưng mặt hàng mà pháp luật không cấm. Tuy nhiên, học sinh dưới 18 tuổi không thể thành lập doanh nghiệp mà chỉ có thể kinh doanh nhỏ lẻ hoặc kinh doanh nhưng không trực

tiếp đứng tên thành lập doanh nghiệp.

b. Đồng tình vì một số hành vi vi phạm quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh như sản xuất buôn bán ma túy, buôn bán người, kinh doanh mại dâm,... có thể khiến các chuẩn mực về đạo

đức, pháp luật bị phá vỡ, gây nên nhiều tệ nạn xã hội như mại dâm, nghiện hút,...

c. Không đồng tình vì thuế là khoản thu để phục vụ nhu cầu chung của cả xã hội, do đó mọi người đều có trách nhiệm trong việc thực hiện quy định của pháp luật về nghĩa vụ nộp thuế. Những người không trực tiếp nộp thuế có trách nhiệm tìm hiểu, tích cực tuyên truyền, vận động gia đình, xã hội thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế; phê phán, tố cáo hành vi vi phạm quy định của pháp luật về nghĩa vụ nộp thuế.

d. Không đồng tình vì mọi người chỉ được tự do kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật không cấm. Những ngành nghề mà mọi người thích nhưng không được pháp luật cho phép thì không được kinh doanh.

e. Đồng tình vì nếu không khai thuế chính xác, trung thực thì sẽ dẫn đến sai lệch số tiền thuế phải nộp và mọi người sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc cá nhân, viết câu trả lời cho từng ý kiến vào giấy, vở hoặc phiếu học tập.

Em đồng tình hay không đồng tình với các ý kiến sau đây? Vì sao?

Thực hiện nhiệm vụ

GV mời 1 – 2 HS đưa ra câu trả lời cho từng ý kiến, mời một vài HS khác nhận xét, bổ sung.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế của mỗi công dân

Câu 2. Theo em, các chủ thể sau đây vi phạm quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh hay nghĩa vụ nộp thuế? Các hành vi vi phạm đó có thể dẫn đến những hậu quả gì?

a) Ông M thành lập công ty tài chính nhưng lại tuyển dụng nhiều nhân viên để thực hiện các hoạt động đòi nợ thuê.

b) Giám đốc doanh nghiệp A chỉ đạo nhân viên mua hoá đơn nâng khống chi phí đầu vào để giảm tiền thuế thu nhập phải đóng.

c) Bà H mua hoá chất cấm về sản xuất, chế biến thực phẩm.

d) Anh T nhờ người thân đứng tên để chia nhỏ doanh thu bán hàng nhằm nộp thuế ít hơn.

e) Giám đốc C tìm cách trì hoãn việc nộp thuế của doanh nghiệp mình.

g) Chị G sản xuất, buôn bán nhiều loại thuốc chữa bệnh dù chưa được cơ quan chức năng kiểm nghiệm, cấp phép.

a) Mục tiêu. HS rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ HS tự nghiên cứu bài tập 2 trong SGK: suy nghĩ để đưa ra nhận định cho từng vấn đề đưa ra

Theo em, các chủ thể sau đây vi phạm quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh hay nghĩa vụ nộp thuế? Các hành vi vi phạm đó có thể dẫn đến những hậu quả gì?

c) Sản phẩm.

a. Ông M vi phạm quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh vì không thực hiện đúng ngành nghề đăng ký kinh doanh, kinh doanh ngành nghề bị cấm (dịch vụ đòi nợ).

Hành vi của ông M gây rối loạn an ninh trật tự, an toàn xã hội; gây ảnh hưởng tiêu cực đến sức khoẻ, tinh thần, tính mạng, công việc, cuộc sống của người dân (đặc biệt là những người bị đòi nợ); khiến người vi phạm phải chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật;...

b. Giám đốc doanh nghiệp A vi phạm quy định của pháp luật về nghĩa vụ nộp thuế vì hành vi mua hoá đơn nâng khống chi phí đầu vào để giảm tiền thuế thu nhập doanh nghiệp là một hình thức trốn thuế.

Hành vi này khiến ngân sách nhà nước bị thất thoát và khiến người vi phạm phải chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật.

c. Bà H vi phạm quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh vì hành vi sử dụng hoá chất cấm để sản xuất chế biến thực phẩm là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm. Hành vi này gây ảnh hưởng

tiêu cực đến sức khoẻ, tính mạng của người tiêu dùng và khiến người vi phạm phải chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật.

d. Anh T vi phạm quy định của pháp luật về nghĩa vụ nộp thuế vì hành vi nhờ người thân đứng tên để chia nhỏ doanh thu bán hàng nhằm nộp thuế ít hơn là một hình thức trốn thuế.

Hành vi này khiến ngân sách nhà nước bị thất thoát và người vi phạm phải chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật.

e. Giám đốc C vi phạm quy định của pháp luật về nghĩa vụ nộp thuế.

Hành vi này có thể khiến doanh nghiệp bị thiệt hại về tiền bạc, uy tín vì cơ quan thuế xử phạt; công khai thông tin, bị cưỡng chế nợ thuế (nếu chậm trễ quá thời hạn quy định). g. Chị G vi phạm quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh.

Hành vi này có thể khiến chị G bị cơ quan chức năng xử phạt, tịch thu tang vật; gây ảnh hưởng tiêu cực đến sức khoẻ, tính mạng người tiêu dùng.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ HS tự nghiên cứu bài tập 2 trong SGK: suy nghĩ để đưa ra nhận định cho từng vấn đề đưa ra

Theo em, các chủ thể sau đây vi phạm quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh hay nghĩa vụ nộp thuế? Các hành vi vi phạm đó có thể dẫn đến những hậu quả gì?

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân
- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để hiểu rõ nội dung trong từng trường hợp

Câu 3. Em hãy tư vấn để các chủ thể dưới đây thực hiện đúng quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh/ nghĩa vụ nộp thuế.

a) Chị B dự định kinh doanh đồ gia dụng nên hỏi ý kiến các thành viên trong gia đình để lựa chọn mô hình kinh doanh phù hợp. Bố mẹ khuyên chị nên thuê cửa hàng ở gần chợ để bán hàng trực tiếp vì dễ thu hút khách hàng. Anh trai bảo chị nên bán hàng trực tuyến để tiết kiệm chi phí thuê mặt bằng và không phải đăng kí kinh doanh, không phải nộp thuế. Chú út lại cho rằng chị nên kết hợp cả thuê cửa hàng và bán hàng trực tuyến vì như vậy sẽ tiếp cận được nhiều khách hàng hơn và có thể lợi dụng để khai thuế, nộp thuế ít hơn thu nhập thực tế. Mỗi người một ý kiến khiến chị B băn khoăn không biết nên lựa chọn thể nào.

b) Chị gái Y mang về nhà nhiều loại mỹ phẩm, hoá chất lạ, không có nguồn gốc xuất xứ để sản xuất kem dưỡng da (kem trộn) bán kiếm lời. Sau khi pha trộn xong sản phẩm, chị bảo Y mang các sản phẩm này đến trường bán cho bạn bè sử dụng rồi sẽ trả tiền công cho Y. Y băn khoăn không biết có nên làm theo lời chị hay không.

c) Bà Q sở hữu một căn nhà lớn ở mặt đường và cho một tổ chức nước ngoài thuê sử dụng với mức giá cao. Sau khi kí hợp đồng với đại diện tổ chức nước ngoài, bà Q được người quen khuyên nên làm giả một hợp đồng cho thuê nhà khác có mức giá cho thuê rẻ hơn thực tế để sử dụng kê khai nộp thuế, qua đó giảm bớt số tiền thuế phải nộp. Bà Q thắc mắc không biết làm như vậy có vi phạm pháp luật hay không.

a) Mục tiêu. HS rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi

Em hãy tư vấn để các chủ thể dưới đây thực hiện đúng quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh/ nghĩa vụ nộp thuế.

c) Sản phẩm.

- a. Tư vấn cho chị B: mỗi mô hình kinh doanh sẽ có những ưu điểm riêng nên chị B cần cân

nhắc lựa chọn mô hình kinh doanh phù hợp với điều kiện, khả năng của bản thân. Tuy nhiên, dù lựa chọn mô hình kinh doanh nào thì chị B cũng phải đăng ký thuế, khai thuế và nộp thuế đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật để thực hiện tốt nghĩa vụ công dân của bản thân và phòng tránh những hậu quả bất lợi trong tương lai.

b. Tư vấn cho Y: Y không nên làm theo lời chị gái vì những sản phẩm mà chị gái làm ra chưa được kiểm nghiệm chất lượng, có thể gây nên những ảnh hưởng xấu đối với người tiêu dùng. Y nên giải thích, góp ý và khuyên chị gái không nên tiếp tục bán những sản phẩm dưỡng da được sản xuất từ mỹ phẩm, hoá chất không rõ nguồn gốc xuất xứ, không rõ thành phần để phòng tránh những hậu quả tiêu cực cho bản thân và những người khác.

c. Tư vấn cho bà Q: bà Q không nên làm theo lời khuyên của người quen vì hành vi làm giả hợp đồng để giảm số tiền thuế phải nộp là một hình thức trốn thuế. Nếu bà Q làm theo thì không thực hiện đúng nghĩa vụ của công dân và sẽ phải chịu trách nhiệm nếu bị phát hiện.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

Em hãy tư vấn để các chủ thể dưới đây thực hiện đúng quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh/ nghĩa vụ nộp thuế.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân
- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để hiểu rõ được nội dung vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý

4. Hoạt động: Vận dụng

Em hãy sưu tầm một hành vi đúng/ chưa đúng trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh/ nghĩa vụ nộp thuế và nhận xét, đánh giá hành vi đó.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. Học sinh làm việc tại nhà: Em hãy sưu tầm một hành vi đúng/ chưa đúng trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh/ nghĩa vụ nộp thuế và nhận xét, đánh giá hành vi đó.

c) Sản phẩm.

- Học sinh biết vận dụng các kiến thức đã học để nhìn nhận, đánh giá và phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

Học sinh làm việc tại nhà: Em hãy sưu tầm một hành vi đúng/ chưa đúng trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh/ nghĩa vụ nộp thuế và nhận xét, đánh giá hành vi đó.

c) Sản phẩm.

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.

Báo cáo, thảo luận

GV mời 1 – 2 HS báo cáo kết quả thực hiện bài tập này vào hoạt động khởi động của tiết học tuần kế tiếp.

Kết luận, nhận định

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập, chọn 5 – 10 bài viết của HS để chấm điểm đưa vào điểm đánh giá thường xuyên.